



GIAO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
Tạp chí PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY
Phát hành vào đầu mỗi tháng

TỔNG BIÊN TẬP

Hòa thượng Thích Thiện Tâm

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP

Thượng tọa Thích Bửu Chánh kiêm Trị sự
Đại đức Thích Thiện Minh kiêm Thư ký

PHÓ THƯ KÝ

Cư sĩ Nguyễn Văn Bính

TRÌNH BÀY

TN. Quang Minh
Khánh Dương

PHÁT HÀNH

Liên hệ: Lê Hiền Anh Tân
ĐT: 0909027777

TÒA SOẠN

Chùa Bửu Quang
171/10 Quốc Lộ 1A, P.Bình Chiểu,
Q.Thủ Đức, TP. HCM
ĐT: (+848) 37290248 - 0903870370
Email: tapchiphatgiaonguyenthuy@gmail.com

GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG BÁO CHÍ

số 760/GP-BTTTT
ngày 28/05/2010 của Bộ TTTT

CHẾ BẢN VÀ IN TẠI

Xí nghiệp in Nguyễn Minh Hoàng
100 Lê Đại Hành, P.7, Q.11, TP. HCM

ảnh bìa 1: Thủ tướng Vương quốc Campuchia Hun Sen và
HT. Tổng Biên tập Thích Thiện Tâm tại Phnôm Pênh.

Trong số này

1. TIÊU ĐIỂM

- PGNT Khmer sau 30 năm trong - Lê Khánh **03**
- Tiểu sử Trưởng lão Thích Thanh Tứ **06**

2. KINH TẠNG

- Tiểu kinh Sư tử hống - HT. Thích Minh Châu **11**

3. LUẬT TẠNG

- Lễ Phát lồ - TS. Thái Văn Chải **12**

4. THIỀN HỌC

- Thiền sư Achaan Neab - Tk Thiện Minh **14**

5. LUẬN TẠNG

- Một số vấn đề trong Atỳđàm - Hạnh Viên **17**

5. VĂN HÓA

- Sự khác biệt giữa - TTTS. Bửu Chánh **19**
- Doanh nhân đi tu thiền - Nguyễn Mạnh Hùng **21**
- Lịch sử và tình hình văn học PG - TT. Thích Phước Đạt **25**
- Lực lượng sáng tác văn học PG - Lý Thị Mai **29**

6. ĐỐI THOẠI

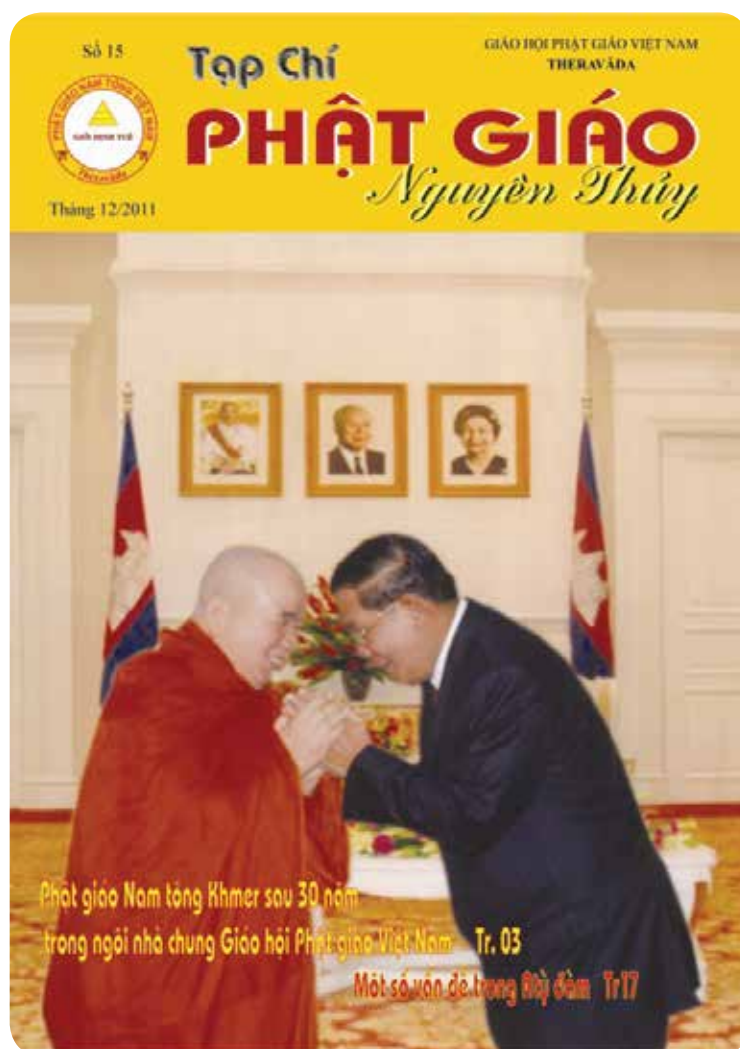
- Diễn viên Hà Quỳnh Anh - Hoài Lan **32**

7. SUY NGẪM

- 10 lý do mỉm cười **34**

8. VĂN THƠ

- Những nỗi khổ của nhân gian - Nguyễn Hữu Hiếu **35**
- Cảm tác mùa thu - Thiện Bằng **36**
- Khuyên đời tu niệm - Minh Tâm **37**
- Ký ức - Huệ Trắng **37**
- Hoài niệm chuyển hành hương - Huệ Phương **38**
- Nỗi đau và nghĩa tình - HT. Thiện Tâm **39**
- Thu về nguồn - Thích Đức Trường **40**



9. VĂN HỌC PĀLI

- Tìm hiểu ý nghĩa câu kệ - Sóc Sơn **41**
- Trưởng lão Bakkula - Tk. Định Phúc **43**

9. TRI ÂN

- Tiểu sử Phật hoàng Trần Nhân Tông - GHPGVN **45**

11. ẨM THỰC - DƯỢC THẢO

- Steve Jobs và ung thư tụy tạng - Vũ Văn Dzi **47**

12. PHÁP LUẬT

- Luật dân sự **49**

13. THEO DÒNG

50



Phật giáo Nam tông Khmer

sau 30 năm trong ngôi nhà chung Giáo hội Phật giáo Việt Nam

Năm 1981, Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN) được thành lập, đánh dấu một mốc son, bước phát triển mới trên chặng đường lịch sử của Phật giáo Việt Nam, đó là hình thành lên một ngôi nhà chung cho Phật giáo Việt Nam trên nguyên tắc đảm bảo thống nhất ý chí và hành động, thống nhất lãnh đạo và tổ chức, đồng thời vẫn tôn trọng và duy trì các truyền thống hệ phái, cũng như các pháp môn và phương tiện tu hành đúng chính pháp.

Lê Khánh

Vụ Phật giáo, Ban Tôn giáo Chính phủ

Hòa chung việc thực hiện ước vọng, ý nguyện của các bậc cao tăng, thạch đức đi trước và thể theo nguyện vọng của đại đa số Tăng, Ni, Phật tử trên toàn quốc, với tư tưởng Phật giáo Việt Nam muốn có được sức mạnh thật sự cần phải hoà hợp cùng nhau trong một tổ chức để phát huy văn hoá truyền thống của Phật giáo và góp phần giữ gìn hoà bình, an lạc cho dân tộc mà các cuộc vận động thống nhất Phật giáo trước đây (năm 1951, 1957, 1958 và 1964) chưa làm được (đã thành lập được các tổ chức Phật giáo, nhưng chỉ mang ý nghĩa thống nhất của một số tổ chức, hệ phái, đại diện của một miền hay một vùng bị tạm chiếm). Ngay từ buổi ban đầu để thành lập lên GHPGVN, Phật giáo Nam tông Khmer (PGNT Khmer) với đại diện là Hội Đoàn kết Sư sãi yêu nước Tây Nam Bộ đã cử đại diện tham gia Ban Vận động thống nhất Phật giáo Việt Nam và trở thành một thành viên, một trong chín tổ chức, hệ phái sáng lập cùng hòa nhập trong Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN).

Trải qua 30 năm trong ngôi nhà chung GHPGVN, với chỗ dựa tinh thần là GHPGVN, PGNT Khmer đã tự khẳng định vị thế, sự phát triển của mình trong khối đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo, đóng góp và phát huy không nhỏ vai trò của mình vào những thành tựu mà GHPGVN đã đạt được nói riêng, của Phật giáo Việt Nam nói chung, đảm bảo nguyên tắc: Thống nhất ý chí và hành động, thống nhất lãnh đạo và tổ chức, đồng thời vẫn duy trì được truyền thống tu học biệt truyền của hệ phái. Điều đó được biểu hiện sinh động qua nhiều hoạt động tích cực, cụ thể, những thành



Đoàn Phật giáo Nam Tông Khmer thăm Học viện PGVN tại Hà Nội

quả đáng ghi nhận trong hoạt động Phật sự của Hệ phái PGNT Khmer

1. Về Tăng sự và tổ chức

Phật giáo Nam tông Khmer hiện có gần 10 nghìn vị sư sãi, chiếm 1/4 số Tăng, Ni Phật giáo ở Việt Nam; 455 ngôi chùa ở 14 tỉnh, thành trong cả nước [1]. Đại đa số chùa đã được trùng tu, sửa chữa lại khang trang, to đẹp hơn, nhiều ngôi chùa được xây mới sau ngày giải phóng miền Nam năm 1975 (tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, tỉnh Sóc Trăng...), nhiều ngôi chùa được khôi phục lại khi chỉ còn tàn tích do chiến tranh và thời gian gây ra. Đây là thời kỳ, PGNT Khmer có số lượng chùa khang trang hơn bao giờ hết, qua đó, khẳng định rõ sự phát triển mạnh về cơ sở vật chất của PGNT Khmer (năm 1979 có 419 chùa, năm 1997 có 434 chùa, năm 2007 có 452 chùa), đáp ứng niềm tự hào về bản sắc văn hóa dân tộc qua hình tượng ngôi chùa của đồng bào Khmer. Đại đa số các chùa đã được phép khắc con dấu riêng.

Bên cạnh đó, cơ cấu nhân sự đối với PGNT Khmer luôn được GHPGVN quan tâm, hài hòa giữa các hệ

phái. Ngay từ khi thành lập GHPGVN, các vị Giáo phẩm cao cấp Hệ phái Nam tông Khmer đã được Hội nghị thống nhất Phật giáo suy tôn, suy cử vào Hội đồng Chứng minh, Hội đồng Trị sự GHPGVN, giữ các cương vị: Phó Pháp chủ, Phó Chủ tịch, một số vị khác là Thường trực TW GHPGVN. Số lượng người tham gia nhân sự các cấp Giáo hội ngày càng tăng qua các nhiệm kỳ, tại Đại hội nhiệm kỳ VI (2007 – 2012), 30 Tôn đức PGNT Khmer đã được Đại hội Phật giáo toàn quốc suy tôn vào ngôi vị Phó Pháp chủ, thành viên Hội đồng Chứng minh; suy cử vào cương vị Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự, Ủy viên Thường trực, Ủy viên HĐTS; cung cử vào các ban, ngành, viện, cũng như giữ nhiều chức vụ quan trọng trong GHPGVN các cấp. Hàng trăm chư tôn được tấn phong giáo phẩm Hoà thượng, Thượng tọa.

Nét mới của PGNT Khmer là tiến hành bổ nhiệm trụ trì và thành lập Ban Quản trị cho các chùa. Tính đến 2010, 100% các chùa Khmer đã được bổ nhiệm và hợp thức hóa Trụ trì, 442/455 chùa có Ban Quản trị chùa.

2. Về lĩnh vực giáo dục

Ở đồng bào Khmer, Giáo dục trường- chùa đã trở thành tập quán, là chức năng chính (có thời) của chùa đối với đồng bào Khmer, nhiều thời (nhất là thời kỳ phong kiến) trường chùa là nơi duy nhất cung cấp kiến thức cho trẻ em, cho đồng bào Khmer. Trước năm 1975, với âm mưu đồng hoá dân tộc Khmer, đã có một thời chế độ Sài Gòn cũ bài xích Phật giáo Khmer, cấm dạy chữ Pali, ai dạy chữ Pali bị đuổi ra khỏi chùa. Tuy nhiên, trường chùa - nền giáo dục văn hoá của PGNT Khmer cũng có những hạn chế nhất định, những nội dung giáo dục một thời mang tính tích cực, nhưng khi xã hội phát triển với những yêu cầu mới, nhiều nội dung lại không được điều chỉnh kịp thời.

Năm bắt được thực tế đó, PGNT Khmer dưới sự giúp đỡ của các cấp chính quyền và của GHPGVN đã nhanh chóng, từng bước bổ sung những nội dung tích cực trong đào tạo sư sãi của hệ phái và góp phần giáo dục trong đồng bào Khmer phù hợp với giai đoạn phát triển mới của đất nước, nhưng vẫn giữ được nét truyền thống mang sắc thái riêng của đồng bào dân tộc Khmer và hệ phái PGNT Khmer. Tính đến nay, PGNT Khmer đã có một hệ thống đào tạo chức sắc tương đối bài bản so với các thời kỳ trước, đã thành lập được các Trường từ sơ cấp, trung cấp Phật học chuyên đào tạo các sư Khmer. Khả quan và đáng khích lệ nhất là việc thành lập Học viện PGNT Khmer cách đây 04 năm, hiện nay Học viện này đã hoàn tất chương trình khóa học đầu tiên với 62 sư sãi tốt nghiệp và đang đào tạo năm đầu của khóa II, với 30 sư sãi theo học. Không những thế, nhằm nâng cao trình độ Phật học và thế học, đào tạo nguồn nhân lực kế thừa, hàng năm đã có rất nhiều chư tăng Khmer du học ở Thái Lan, Myanmar, Ấn Độ, Campuchia và các Trường Đại học trong nước

như năm 2010: tỉnh Trà Vinh có 59 vị, Vĩnh Long có 14 vị, Sóc Trăng có 05 vị, Kiên Giang có 03 vị.

Bên cạnh đó, các lớp dạy tiếng Khmer, Pali, vini trong chùa vẫn được duy trì, hàng năm thu hút được hàng nghìn sư sãi, con em đồng bào Khmer theo học; các lớp Tiểu học có số học viên lên đến hàng chục ngàn, các Lớp Sơ cấp Pali, Vi ni có đến hàng ngàn học viên, chưa kể các lớp bổ túc văn hoá, các chương trình ánh sáng hè. Nền giáo dục đầy hiệu năng này được thực hiện tại các trường và đặc biệt tại các chùa ở Sóc Trăng, Kiên Giang, Trà Vinh, An Giang, Vĩnh Long, Cần Thơ, Bạc Liêu.

3. Về hoạt động từ thiện xã hội

Theo quan niệm của PGNT Khmer, sư sãi và bách tính có mối quan hệ khăng khít với nhau, nên hoạt động từ thiện của chùa là việc làm thường xuyên mang ý nghĩa cứu nhân độ thế. Chùa Khmer là nơi cứu mang trẻ nhỏ cô cút, hoặc con nhà nghèo được ăn và học chữ - Chùa còn là nơi giúp đỡ người già neo đơn. Gần với cuộc sống của dân cư, nên các sư cũng đồng thời tham gia các hoạt động xã hội, cũng nhằm mục đích cứu nhân độ thế. Chính vì lẽ đó, hoạt động từ thiện xã hội luôn được PGNT Khmer coi là một trong những công tác trọng tâm, được chư tăng, phật tử tích cực hưởng ứng các phong trào giúp đỡ những gia đình có hoàn cảnh gặp khó khăn, xóa đói giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa, xây dựng nhà tình thương, cứu trợ đồng bào bị lũ lụt, thiên tai... với số lượng, giá trị vật chất quyên góp, ủng hộ qua các năm ngày càng được cao hơn như: Phật giáo Nam tông Khmer tỉnh Trà Vinh năm 2009 quyên góp và ủng hộ được hơn 1,6 tỷ đồng, 978 gia gạo, 29.630 tập viết, 33.878 cây bút, còn năm 2010 quyên góp và ủng hộ được gần 2 tỷ đồng, 1012 gia gạo, 327.565 tập viết, 44.878 cây bút; Từ năm 2008 đến 2010, PGNT Khmer tỉnh Kiên Giang quyên góp và ủng hộ được trên 4,5 tỷ đồng, PGNT Khmer tỉnh Vĩnh Long quyên góp và ủng hộ được 10 giêng nước ngâm, 60.570kg gạo, 30.800 tập viết, 5.600 gói mì, 2.700 bộ quần áo, 250 cái màn, thuốc chữa bệnh trị giá trên 10 triệu đồng.

4. Về công tác văn hóa, nghi lễ và các hoạt động khác

Việc thực hiện in ấn kinh sách để nhằm phục vụ hệ thống giáo dục Phật giáo của Giáo hội, đáp ứng yêu cầu đọc tụng, nghiên cứu, học tập của sư sãi và đồng bào Khmer luôn được PGNT Khmer quan tâm, đặc biệt là kinh sách bằng chữ Khmer. Dưới sự hỗ trợ của GHPGVN, các cấp chính quyền, từ năm 2004 đến 2010 PGNT Khmer đã xuất bản được 52 đầu kinh sách, với hàng trăm nghìn quyển bằng chữ Khmer, chữ Pali và phát đến tận các chùa; hầu hết tủ sách các chùa đã có Bộ Đại tạng Kinh bằng tiếng Khmer được thỉnh từ Campuchia về. Đây là một sự kiện đánh dấu một bước tiến mới của PGNT Khmer từ trước đến nay.



Phương tiện hành trì đạo hạnh theo truyền thống hệ phái luôn luôn được đảm bảo tự do tín ngưỡng, những khoá an cư kiết hạ tại chỗ của sư sãi, ngày tết cổ truyền dân tộc như: Chol Chnam Thmay, lễ Đôn ta hàng năm được tiến hành trọng thể khắp các chùa Khmer trong tỉnh; các nghi lễ được tiến hành trang nghiêm, trọng thể, đồng thời cũng đảm bảo phù hợp theo thời điểm lao động, sinh hoạt cuộc sống và tiết kiệm được sự đóng góp tiền của công sức cho đồng bào Khmer. Đây cũng là thể hiện tính khoa học thời đại của PGNT Khmer khi ngôi nhà chung GHPGVN được thành lập.

Nét biệt truyền của hệ phái và văn hóa của đồng bào Khmer thể hiện qua ngôi chùa PGNT Khmer khi vừa là nơi để các sư tu hành, nhưng vẫn luôn là trung tâm văn hóa – xã hội, là cội nguồn, là nơi làm lễ của đồng bào với ông bà, cha mẹ, là môi trường đạo đức, nơi giáo dục đào tạo con em của đồng bào dân tộc Khmer...

Không những thế, hình ảnh, vai trò, uy tín của PGNT Khmer trong ngôi nhà chung GHPGVN cũng luôn được biết đến và nâng cao hơn khi các sự kiện lớn do GHPGVN tổ chức như: Đại lễ Vesak Liên hợp quốc tổ chức ở Việt Nam năm 2008, Đại lễ Kỷ niệm 700 Đức vua – Phật hoàng Trần Nhân Tông nhập diệt, Đại lễ Phật giáo chào mừng 1.000 năm Thăng Long Hà Nội, Đại lễ Tường niệm, cầu siêu anh hùng Liệt sĩ ở nhiều tỉnh,... đều có sự chung tay, góp sức của sư sãi, Phật tử PGNT Khmer; được thể hiện qua sự hiện diện và tiếng nói của chư vị giáo phẩm đại diện hệ phái đã được khẳng định qua các hoạt động Phật sự, hội nghị, hội thảo, lễ lạc ở trong nước và ở nước ngoài như: tham dự Đại hội Phật giáo vì hòa bình (ABCP) tại Mông Cổ; tham dự đối thoại về Hợp tác giữa các tôn giáo vì hòa bình và hòa hợp lần thứ IV tại Campuchia tháng 4/2008; tham dự hội thảo về "Giáo dục và đạo đức Phật giáo" do Ủy ban Hiệp hội các Trường Đại học Quốc tế tổ chức tại Thái Lan tháng 9/2008,...; Hội thảo toàn quốc của các ban Hoằng Pháp, Nghi Lễ, Hướng dẫn Phật tử tổ chức năm 2009, 2010...

* Thay cho lời kết

Mặc dù bên cạnh những thành tựu đã đạt của PGNT Khmer như trình bày ở trên, do nhiều lý do khách quan và chủ quan trong sinh hoạt, hoạt động của PGNT Khmer vẫn còn nhiều hạn chế như: vẫn chưa thống nhất được chương trình đào tạo Phật học, Pali, vi ni sơ cấp, trung cấp cho người tu học; cơ sở dạy và học của các vị sư sãi còn gặp nhiều khó khăn, chưa đáp ứng được yêu cầu; một bộ phận sư sãi cần được tiếp tục đào tạo cả về trình độ thể học lẫn trình độ Phật học; việc quản lý sư sãi và các hoạt động Phật sự ở một số chùa chưa đi vào nề nếp. Nhưng điểm lại những thành tựu trên cho thấy Hệ phái PGNT Khmer ngày nay đã phát triển một cách đồng bộ, cả chiều rộng lẫn chiều sâu, có bước chuyển biến mới trong lịch

sử Phật giáo Nam tông Khmer; vai trò và uy tín của Hệ phái PGNT Khmer tại Việt Nam càng ngày càng thăng hoa, nổi bật hơn trong ngôi nhà chung GHPGVN. Đặc biệt, đối với công tác đào tạo nguồn nhân lực kế thừa. Nhiều vị chức sắc thuộc hệ phái đã được TW GHPGVN nhiều lần tuyên dương công đức vì đã có nhiều hoạt động tích cực trong Phật sự, được nhân dân tín nhiệm bầu vào các cơ quan quyền lực Nhà nước, các đoàn thể ở các cấp, như: Quốc hội, HĐND tỉnh, huyện, xã, Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp; nhiều vị đã được Nhà nước tặng Huân chương, Huy chương, Bằng khen cao quý vì đã có thành tích xuất sắc trong phong trào xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo, ích nước - lợi đạo, gắn bó và đồng hành cùng dân tộc theo phương châm hoạt động "Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội".

Những thành tựu hoạt động Phật sự của PGNT Khmer có được chính là nhờ vào trí tuệ tập thể, tập trung dân chủ, tiềm năng và cơ cấu tổ chức, nội dung hoạt động của PGNT Khmer trong suốt thời gian qua ngày càng được củng cố và phát triển đều khắp từ TW đến địa phương, các ban, ngành, viện; là sự thống nhất đa dạng và đồng thuận của PGNT Khmer trong ngôi nhà chung GHPGVN. Hệ phái PGNT Khmer đã cùng các hệ phái Phật giáo trong ngôi nhà chung GHPGVN đã cùng nhau viết lên những trang sử vàng của Phật giáo Việt Nam trong thời hiện đại, tích cực xây dựng ngôi nhà chung GHPGVN ngày càng trang nghiêm, phát triển bền vững trên mọi phương diện trong lòng dân tộc. ●



Thứ trưởng Tô Lâm cùng các đại biểu PGNT Khmer các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long

Tài liệu tham khảo:

1. GHPGVN, Kỷ yếu Hội nghị Đại biểu thống nhất Phật giáo Việt Nam, năm 1981
2. Các Kỷ yếu Đại hội Đại biểu Phật giáo toàn quốc nhiệm kỳ II, III, IV, V, VI của GHPGVN.
3. Tài liệu Hội nghị chuyên đề Phật giáo Nam tông Khmer lần thứ I (2004), lần 2 (2006), lần 3 (2008) và lần 4 (2010) của GHPGVN.
4. Các Đề tài nghiên cứu về Phật giáo Nam tông Khmer của Ban Tôn giáo Chính phủ.
5. Báo cáo Tổng kết công tác Phật sự từ 1981 đến 2010 của GHPGVN.

Tiểu sử Trưởng lão Hòa Thượng

THÍCH THANH TỬ

(1927-2011)



Di ảnh cố HT Thích Thanh Tử

Hòa thượng Thích Thanh Tử thành viên Hội đồng Chứng minh, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam; Đại biểu Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá XI, XII; Ủy viên đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Phó Chủ nhiệm Hội đồng Tư vấn Tôn giáo; Viện trưởng Học viện Phật giáo Việt Nam tại Hà Nội; nguyên Ủy viên ban Chấp hành Trung ương hội Người cao tuổi Việt Nam; Ủy viên ban Chấp hành Liên hiệp các Tổ chức Hữu nghị Việt Nam; Phó Chủ tịch hội Hữu nghị Việt Nam - Nhật Bản; Trưởng ban Trị sự Tỉnh hội Phật giáo Hà Nam; Chứng minh Đạo sư ban Trị sự Tỉnh hội Phật giáo Quảng Ninh, Tỉnh hội Phật giáo Thái Nguyên; Chủ tịch ban Chấp hành họ Trần Việt Nam; Viện chủ Tàng Lâm chùa Quán Sứ, chùa Châu Long, chùa Thọ Cẩu - thành phố Hà Nội, Tổ đình chùa Bái Đính - tỉnh Ninh Bình, Tổ đình chùa Nho Lâm, chùa Bình Kiều - tỉnh Hưng Yên.

I. XUẤT THÂN

Hòa thượng Thích Thanh Tử, thế danh Trần Văn Long, sinh năm 1927 tại thôn Miêu Nha, xã Song Mai, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên trong một gia đình nông dân nghèo. Ngài là con thứ ba của cụ ông Trần Văn Đáo và cụ bà Nguyễn Thị Trò, trên Ngài còn có 2 người anh trai.

Năm lên 3 tuổi, thì cụ bà mất, Ngài được cha nuôi dưỡng. Với lòng thành kính Tam Bảo, hàng ngày cha con lên chùa làng để làm công quả tích phúc tạo duyên, nhờ đó mà Ngài đã sớm có duyên với Phật Pháp. Năm lên 6 tuổi, Ngài được Ni Trưởng Thích Đàm Ân trụ trì chùa Nho Lâm, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên nhận về nuôi và cho đi học tại các trường trong vùng.

Năm lên 12 tuổi, Ni trưởng Thích Đàm Ân cho Ngài đến thụ giáo Hòa thượng Thích Thanh Hồ, trụ trì chùa Đồng Long, xã Hùng An, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên. Với đạo hạnh và trí tuệ thông minh sẵn có, Ngài đã được thụ giới Sadi năm 1939 và năm 1947 Ngài được thụ Đại giới Tỷ kheo tại chùa Đồng Long do Tổ đình chùa Pháp Quang, thôn Thọ Ngãi, xã Tân Minh, huyện Thường Tín tỉnh Hà Tây cũ nay là thành phố Hà Nội tổ chức.

II. NHỮNG ĐÓNG GÓP CHO ĐẠO PHÁP VÀ DÂN TỘC

Sống trong cảnh thực dân phong kiến đô hộ, nhân dân lầm than đau khổ, Ngài đã sớm nhận thức rằng: nước mất thì đạo cũng bị hủy hoại, nhân dân tín đồ Phật tử cũng không có cuộc sống an lạc, Phật Pháp không được xiển dương. Chính vì vậy, Ngài đã liễu nghĩa được mối quan hệ mật thiết không thể tách rời Đạo - Đời và đây chính là tiền đề quan trọng đối với con đường tu hành phụng sự đất nước và giác ngộ quần sinh mà Ngài đã lựa chọn.

Thấm nhuần tư tưởng: "Phật pháp bất ly thế gian giác" với truyền thống yêu nước "Hộ quốc an dân" của Phật giáo Việt Nam suốt 2000 năm hiện diện và đồng hành với dân tộc, Ngài đã sớm giác ngộ Cách mạng, tích cực tham gia hoạt động bí mật trong lòng địch, ủng hộ các phong trào Cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và Mặt trận Việt Minh, Ngài đã hóa thân Bồ Tát, lúc làm tu sĩ,

lúc làm dân thường, lúc là người chiến sĩ Cách mạng với bầu nhiệt huyết ưu đời mẫn thế.

Tháng 03 năm 1945, được sự chỉ đạo của tổ chức Cách mạng, Ngài đã lên kế hoạch để cùng với nhân dân địa phương tổ chức phá kho thóc của chế độ phong kiến và đế quốc Nhật đặt tại chùa Đồng Long nơi Ngài đang tu hành, nhằm cứu giúp đồng bào đang lâm vào cảnh đói khổ bi thương, rồi tập hợp quần chúng nhân dân, Phật tử trong vùng đấu tranh và giành chính quyền năm 1945 tại quê hương.

Cách mạng tháng Tám thành công, đất nước lại bước vào thời kỳ toàn quốc kháng chiến, Ngài lại tiếp tục tham gia các phong trào phụng đạo yêu nước của giới Tăng ni, Phật tử tỉnh Hưng Yên. Từ năm 1947 đến năm 1949 Ngài được suy cử làm Ủy viên Ban Chấp hành Hội Phật giáo Cứu quốc tỉnh Hưng Yên, tổ chức thành viên của Hội Liên Việt (nay là Mặt trận Tổ quốc Việt Nam).

Từ tháng 01 năm 1950 đến tháng 9 năm 1951, Ngài đã trực tiếp tham gia lực lượng vũ trang bí mật tỉnh Hưng Yên, làm công tác dân vận, thúc đẩy Tăng ni, Phật tử tích cực tham gia các phong trào lao động sản xuất ủng hộ kháng chiến, bảo vệ Cách mạng. Với những hoạt động tích cực đó, thực dân Pháp đã đưa tên Ngài vào danh sách những người "Đặc biệt quan tâm".

Từ tháng 10 năm 1951 đến tháng 4 năm 1953, Ngài đã bị thực dân Pháp bắt giam và tra tấn, giải qua nhiều trại giam, nhà tù: Bốt La Tiến, bốt Lực Điền ở thị xã Hưng Yên; nhà thờ Kê Sắt, nhà giam ở tỉnh Hải Dương; Nha công an, nhà tù Hỏa Lò, trại giam Thanh Liệt, tỉnh Hà Đông, nay là thành phố Hà Nội.

Trong cảnh giam tù, thực dân Pháp đã sử dụng nhiều thủ đoạn tra tấn điều tra, hòng làm lu mờ ý chí Cách mạng đang lắng đọng trong Ngài. Song với tinh thần đại hừng, đại lực, đại tử bi, Ngài đã thể hiện rõ bản lĩnh của người Trưởng Phu phụng sự đất nước, Ngài luôn thản nhiên trước sự tra tấn cực hình của cai ngục và cuối cùng thực dân Pháp đã phải trả tự do cho Ngài cùng hơn 100 chiến sĩ Cách mạng khác. Ra khỏi nhà lao, Ngài lại tiếp tục tham gia hoạt động Cách mạng cho đến ngày miền Bắc được hoàn toàn giải phóng.

Từ năm 1955 đến năm 1957, Ngài chăm lo Phật sự tại chùa Đồng Long, chùa Nho Lâm, chùa Phó Nham huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên và trực tiếp cùng Tăng Ni, Phật tử và nhân

dân địa phương tham gia lao động sản xuất.

Từ năm 1958 đến năm 1967, Ngài tham gia thành lập Tùng Lâm Phật giáo tỉnh Hưng Yên và được suy cử làm chánh Thư ký. Trong thời gian này, Ngài đã cùng Chư tôn đức Phật giáo tỉnh tập trung kiện toàn hệ thống tổ chức Phật giáo tại Hưng Yên và hướng dẫn lao động sản xuất, giúp đỡ Tăng Ni tại các cơ sở tự viện giải quyết những khó khăn về đời sống tu tập trong hoàn cảnh đất nước chiến tranh.

Năm 1968, hai tỉnh Hưng Yên và Hải Dương hợp nhất thành tỉnh Hải Hưng, hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam tỉnh Hải Hưng được thành lập, Ngài được suy tôn làm chánh Thư ký Tỉnh hội (từ 1969-1973).

Từ năm 1974 đến năm 1980, Ngài được suy cử Ủy viên Ban Trị sự kiêm chánh Văn phòng Trung ương Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam, chính thức làm việc tại chùa Quán Sứ, Trụ sở Trung ương Hội. Với trọng trách của mình, Ngài đã cùng Chư tôn Giáo phẩm thành viên Ban Trị sự Trung ương, xây dựng nhiều chương trình hoạt động Phật sự ích đạo lợi đời, củng cố hệ thống tổ chức từ Trung ương đến địa phương, tạo nền tảng và tiền đề cho việc phát triển tổ chức Giáo hội Phật giáo toàn quốc khi đất nước hoàn thành sự nghiệp đấu tranh thống nhất nước nhà.

Năm 1975, cuộc kháng chiến chống Mỹ kết thúc, Nam Bắc chung một nhà, non sông liền một dải, Trung ương Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam đã chủ động thành lập các phái đoàn vào thăm các tổ chức hệ phái Phật giáo miền Trung và miền Nam để tạo mối liên hệ pháp lý và chia sẻ tâm nguyện của Tăng ni Phật tử giữa các vùng miền sau nhiều năm đất nước chia cắt.

Trong các chuyến viếng thăm đó, Ngài được cử làm Thư ký đoàn để tham vấn Chư tôn đức trong việc xây dựng nội dung và chương trình làm việc tiếp xúc với chư tôn đức lãnh đạo các tổ chức hệ phái Phật giáo ở miền Trung và miền Nam.

Cuối năm 1979 đầu năm 1980, đoàn

Phật giáo miền Bắc do Trưởng lão Hòa thượng Thích Đức Nhuận – Hội trưởng Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam, Trưởng lão Hòa thượng Thích Thế Long – Phó Hội trưởng kiêm Tổng Thư ký và Ngài lúc đó là chánh Văn phòng đã vào thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Huế, gặp gỡ chư Tôn giáo phẩm lãnh đạo các tổ chức, hệ phái Phật giáo ở miền Trung và miền Nam, làm công tác vận động tổ chức hội nghị hiệp thương xúc tiến thành lập ban Vận động Thống nhất Phật giáo Việt Nam.

Sau một thời gian chuẩn bị, Ban Vận động thống nhất Phật giáo Việt Nam được thành lập và Ngài được cử làm Phó Thư ký Ban vận động. Với trọng trách của mình, Ngài đã đi thăm nhiều cơ sở tự viện, gặp gỡ nhiều chư tôn Giáo phẩm thuộc các tổ chức, hệ phái Phật giáo, trên cơ sở đó Ngài đã đóng góp nhiều ý kiến quan trọng, giúp chư tôn Giáo phẩm của các tổ chức, hệ phái Phật giáo đồng thuận, hòa hợp để sớm đi đến sự hợp nhất tổ chức thành lập Giáo hội Toàn quốc.

Với sự gia trì của Tam bảo, sự nhất tâm của Tăng Ni, Phật tử, Hội nghị Thống nhất Phật giáo Việt Nam đã được long trọng tổ chức từ ngày 04 đến ngày 07/11/1981 tại chùa Quán Sứ - Hà Nội, Trụ sở Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam. Sau 04 ngày làm việc trong tinh thần đoàn kết, hòa hợp, trưởng dưỡng đạo tâm, trang nghiêm tổ chức, Hội nghị đã quyết nghị thống nhất các tổ chức hệ phái Phật giáo Việt Nam, với danh xưng Giáo hội Phật giáo Việt Nam, thông qua Hiến chương, chương trình hoạt động Phật sự và nhân sự ban lãnh đạo Trung ương: Hội đồng Chứng minh, Hội đồng Trị sự. Và Ngài được suy cử làm Phó Tổng Thư ký, kiêm Chánh Văn phòng I Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam cho đến tháng 11 năm 1997.

Tháng 11 năm 1997, Đại hội Đại biểu Phật giáo toàn quốc lần thứ IV (1997-2002) thành công, Ngài được suy cử làm Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự. Năm 2001 Ngài được suy cử làm Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Trị sự giáo hội Phật giáo Việt Nam, Viện trưởng Học viện Phật giáo Việt Nam tại Hà Nội. Tại

Đại hội Đại biểu Phật giáo toàn quốc lần thứ V (2002-2007) và lần thứ VI (2007-2012), Ngài được suy tôn là thành viên Hội đồng Chứng minh và suy cử làm Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Trị sự, Viện trưởng Học Viện Phật giáo Việt Nam tại Hà Nội.

Trải qua các chức vụ từ Chánh Văn phòng, Phó Tổng Thư ký, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Ngài đã có nhiều đóng góp quan trọng đối với đạo Pháp, đặc biệt là sự phục hồi các hoạt động Phật sự của Phật giáo miền Bắc sau ngày đất nước được thống nhất.

Được sự quan tâm giúp đỡ của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các bộ ngành, Ngài đã cùng Chư tôn đức lãnh đạo Giáo hội đi đến nhiều tỉnh, thành phố khu vực phía Bắc để cùng trao đổi và tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong việc kiện toàn tổ chức, nhân sự Giáo hội tại địa phương, phục hồi các hoạt động Phật sự đúng chính pháp tại các cơ sở tự viện, kêu gọi công đức trùng tu các cơ sở tự viện bị xuống cấp, động viên Tăng ni, Phật tử yên tâm hành đạo và tích cực tham gia lao động sản xuất, đăng ký hộ khẩu ổn định đời sống tu hành, độ người Phật tử xuất gia và Phật tử tại gia.

Nhiều di tích lịch sử văn hóa của Phật giáo được tôn tạo và mở hội truyền thống, giữ gìn bản sắc dân tộc, Phật pháp được xiển dương và hạn chế hủ tục không phù hợp với chính pháp.

Trong quá trình kiện toàn tổ chức nhân sự Giáo hội địa phương, một số tỉnh thành hội Phật giáo lúc mới thành lập gặp nhiều khó khăn, Ngài đã trực tiếp đảm trách ngôi Chứng minh đạo sư hoặc làm Trưởng ban Trị sự để cho Tăng Ni, Phật tử địa phương nương tựa, như tỉnh hội Phật giáo Thái Nguyên, Quảng Ninh, Thanh Hoá, Hà Nam.

Bên cạnh đó, Ngài còn trao truyền giới châu tuệ mệnh cho hàng ngàn Tăng Ni mới xuất gia và hàng vạn Phật tử tại gia thông qua các đại giới đàn do Ban Trị sự và các Tổ đình tổ chức.

Sự nghiệp giáo dục đào tạo Tăng Ni có đủ tài đức là một trong những Phật sự được Ngài quan tâm đặc biệt. 30 năm xây dựng và trưởng thành của Học viện Phật giáo Việt Nam tại Hà Nội luôn gắn liền với tên tuổi và công lao to lớn của Ngài. Ngài đã đảm trách các Phật sự từ chánh Văn phòng đến Phó Viện trưởng và nay là Viện trưởng, Ngài đã dành nhiều tâm lực và

trí tuệ với một mong muốn Phật giáo miền Bắc phải có một tuyến Phật trường xứng tầm với lịch sử Phật giáo Việt Nam.

Sau hơn 20 năm, với bao vất vả, Ngài đã tìm được nơi đắc địa tại xã Phù Linh, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội để đặt đá xây dựng Học viện Phật giáo Việt Nam tại Hà Nội và đến năm 2006 đã làm lễ khánh thành giai đoạn I, với một cơ ngơi to đẹp, trang nghiêm, đủ điều kiện ăn ở nội trú để Tăng Ni sinh yên tâm tu học như hôm nay.

Năm tháng cứ trôi đi, tuổi Ngài một cao hơn, sức khỏe lại yếu thêm, nhưng Ngài vẫn thường xuyên về Học viện thăm hỏi động viên cán bộ, giảng sư, Tăng Ni sinh, rồi Ngài trực tiếp giảng dạy cho Tăng Ni sinh những bài học đầu tiên, hàng tháng Ngài chủ trì và chỉ đạo các phiên họp của Hội đồng điều hành Học viện.

30 năm xây dựng và trưởng thành của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Ngài đã có nhiều đóng góp to lớn cho những thành tựu Phật sự chung của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Ngài trở thành cầu nối giữa đạo với đời, giữa Phật giáo miền Bắc với Phật giáo miền Trung và Phật giáo miền Nam. Là thành viên tích cực trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc, Ngài được tin nhiệm cử tham gia đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Phó Chủ nhiệm Hội đồng Tư vấn Tôn giáo của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Với tinh thần phụng sự chúng sinh là thiết thực cúng dường chư Phật, Ngài đã thường xuyên đến thăm hỏi và tặng quà động viên các trung tâm nuôi dưỡng trẻ mồ côi khuyết tật, ảnh hưởng chất độc da cam, các trung tâm nuôi dưỡng người không nơi nương tựa, những gia đình gặp hoạn nạn, khó khăn, xây dựng nhà đại đoàn kết, nhà tình thương, tham gia các hoạt động xóa đói giảm nghèo. Ngài còn trực tiếp tham gia ban Chấp hành Hội Chữ Thập Đỏ Việt Nam, hội Người Cao tuổi Việt Nam để cùng đóng góp tham mưu xây dựng chính sách xã hội ngày một hiệu quả hơn.

Đối với công tác Phật sự quốc tế, Ngài đã đi thăm, làm việc và tham gia nhiều Hội nghị Tôn giáo Quốc tế được tổ chức ở các nước châu Mỹ, châu Âu, châu Á, và Liên Xô (trước đây). Ngài chủ trì nhiều buổi làm việc, tiếp nhiều vị khách quốc tế đến thăm và làm việc với Giáo hội. Những nơi Ngài đến, những vị khách được Ngài tiếp đều nhận được tình cảm thân

thiết thăm tình. Thông qua đó, hình ảnh và đất nước con người Việt Nam, Phật giáo Việt Nam đã được bạn bè quốc tế hiểu hơn và đánh giá cao. Với những khả năng trí tuệ tinh anh, Ngài được mời tham gia ban Chấp hành Liên hiệp các tổ chức Hữu nghị Hòa bình Việt Nam, Phó Chủ tịch hội Hữu nghị Việt Nam – Nhật Bản.

Với những đóng góp to lớn đối với Đạo pháp và Dân tộc, Ngài luôn được Tăng Ni, Phật tử, nhân dân quý mến và tin tưởng. Ngài được Trung ương Giáo hội công cử làm đại diện giới Tăng Ni, Phật tử tham gia ứng cử đại biểu Quốc hội và được trúng cử Quốc hội hai khóa, khóa XI, XII, và là thành viên Ủy ban các vấn đề xã hội của Quốc hội. Là một đại biểu lớn tuổi nhất trong Quốc hội, song Ngài vẫn luôn tích cực tham gia đầy đủ các kỳ họp, thực hiện chức năng nhiệm vụ của người đại biểu nhân dân, đóng góp nhiều ý kiến tâm huyết, xác đáng tại các kỳ họp, các phiên thảo luận của Quốc hội, tiếp xúc cử tri trước và sau mỗi kỳ họp được Quốc hội và cử tri đánh giá cao, với tấm lòng kính trọng một vị cao Tăng luôn vì dân, vì nước. Đúng như Anh hùng Lao động, Giáo sư Vũ Khiêu đã tặng Ngài đôi câu đối: “Chính Đại Quang Minh Tâm Hướng Phật – Từ Bi Hỷ Xả Chí Ưu Dân”.

Dù ở cương vị nào, Ngài luôn nhận được tình cảm kính trọng đặc biệt của Tăng Ni, Phật tử Giáo hội Phật giáo Việt Nam cũng như cộng đồng xã hội. Đảng và Nhà nước đã trao tặng Ngài nhiều phần thưởng cao quý: Huân chương kháng chiến hạng nhất, hạng nhì; huân chương Độc lập hạng hai; huân chương Đại đoàn kết toàn dân tộc; Thủ tướng Chính phủ tặng kỷ niệm chương chiến sĩ Cách mạng bị địch bắt và tù đầy tại Hòa Lò. Các Bộ ngành và các đoàn thể xã hội trao tặng Ngài nhiều kỷ niệm chương, bằng khen. Giáo hội Phật giáo Việt Nam tặng nhiều bằng tuyên dương công đức.

Và đặc biệt, ngày 12 tháng 10 năm 2011, Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đã ký quyết định trao tặng Trưởng lão Hòa thượng Huân chương Hồ Chí Minh, phần thưởng cao quý của Đảng và Nhà nước, vì đã có

công lao to lớn, có nhiều thành tích xuất sắc, đóng góp vào sự nghiệp Cách mạng của Đảng và của Dân tộc. Quả thật Ngài là tấm gương sáng tốt đời đẹp đạo của hôm nay và mai sau.

III. THỜI KỲ LÂM BỆNH

Từ tháng 6 năm 2010, giữa mùa an cư kiết hạ Phật lịch 2554, sức khỏe của Ngài có phần suy giảm, các đệ tử xuất gia và tại gia của Ngài đã mời nhiều giáo sư, bác sĩ trong nước và quốc tế đến thăm khám, điều trị và có sự chuyển biến tích cực.

Trong thời gian này, Ngài đã dành nhiều thời gian cho việc chỉ đạo một số công tác Phật sự quan trọng, đặc biệt trong việc kiện toàn nhân sự, chuẩn bị mọi mặt cần thiết cho việc thành lập tổ chức giáo hội tại một số địa phương. Bên cạnh đó, Ngài vẫn thường xuyên lên thăm và động viên Tăng Ni sinh Học viện Phật giáo Việt Nam tại Hà Nội, thăm và động viên chư Tăng Ni tham gia an cư kiết hạ tại các trường hạ tập trung của các Tỉnh, Thành hội Phật giáo khu vực phía Bắc và tham gia Hội đồng giới sư trao truyền giới châu tuệ mệnh cho Tăng Ni hậu học tại các giới đàn.

Tưởng rằng Ngài sẽ được trụ lâu hơn nữa để làm thạch trụ cho Tăng Ni Phật tử và các cấp Giáo hội Phật giáo, đặc biệt là khu vực phía Bắc nương y ở nơi Ngài được mãi mãi. Song quy luật vô thường vốn có, Ngài đã an nhiên thu thần thị tịch vào hồi 08 giờ 15 phút ngày 26 tháng 11 năm 2011 (nhằm ngày 02 tháng 11 năm Tân Mão), trụ thế 85 tuổi, gần 80 năm tu sống trong cảnh thiền môn, tham gia hoạt động Cách mạng, lãnh đạo phong trào Phật giáo.

Ngài viên tịch đã để lại cho môn đồ tứ chúng, các cấp Giáo hội Phật giáo Việt Nam niềm tiếc thương vô hạn. Ngài mãi mãi là tấm gương sáng về tinh thần phụng sự Đạo pháp và Dân tộc của Giáo hội Phật giáo Việt Nam. ●



Chủ tịch nước Trương Tấn Sang ký tên vào sổ tang lưu niệm



Chư tôn Giáo phẩm trước kim quang cổ HT. Thích Thanh Tứ



Phó Thủ tướng Nguyễn Thiện Nhân viếng quanh kim quang cổ HT



Phó Chủ tịch nước Nguyễn Thị Doan và phái đoàn thấp hương tưởng niệm

Tiểu Kinh SƯ TỬ HỔNG (CŪLASĪHANĀDA SUTTA)



HT. Thích Minh Châu

Đức Phật tuyên bố chỉ trong Pháp và Luật của Ngài mới có đệ nhất Sa-môn, đệ nhị Sa-môn, đệ tam Sa-môn, đệ tứ Sa-môn, tức là bậc Dự lưu, Nhất lai, Bất lai, A-la-hán, còn các ngoại đạo không có bốn hạng Sa-môn này. Tuyên bố như vậy là rỗng tiếng rỗng con sư tử. Nếu gặp du sĩ ngoại đạo chất vấn về lời tuyên bố này, đức Phật dạy các Tỷ kheo cần phải trả lời là “Bậc Đạo sư có thuyết bốn pháp và những pháp ấy chúng tôi được thấy trên chúng tôi. Tức là lòng tin thành (pasāda) đối với bậc Đạo sư, lòng tin thành đối với Pháp, sự thành tựu viên mãn trong các giới luật, và chúng tôi có những pháp hữu khả ái, khả ý, tại gia và xuất gia mà chúng tôi kính mến”.

Khi tuyên bố như vậy và có gặp du sĩ ngoại đạo chất vấn họ cũng có bốn pháp kể trên thời cần phải tuần tự đề cập những vấn đề như sau:

1. Cứu cánh là một hay đa diện.

2. Cứu cánh đã là một thời dành cho vị không tham, không sân, không si, không có ái, không chấp thủ, cho người có trí, cho người không chịu áp lực, không chịu chi phối bởi tham ái, cho người không có hỷ chướng, lạc chướng (papancarāmāraṭi) tham dục, tà kiến, kiêu mạn.

3. Có hai chấp thủ: Hữu kiến và Vô hữu kiến. Những ai chấp trước hữu kiến thời có chướng ngại đối với vô hữu kiến. Những ai chấp trước vô hữu kiến thời có chướng ngại đối với hữu kiến. Những Sa-môn, Bà-la-môn nào không như thật quán tri sự tập khởi, sự hoại diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm, sự xuất ly của hai tà kiến này, những vị ấy là những người có tham, có sân..., có hỷ chướng, lạc chướng,

không giải thoát khỏi khổ ưu, sanh - lão - bệnh - tử. Các Sa-môn, Bà-la-môn như thật quán tri (như trên)... những vị này giải thoát khỏi khổ ưu, sanh - lão - bệnh - tử.

Có bốn chấp thủ: Dục thủ, kiến thủ, giới cấm thủ, ngã luận thủ. Có những Sa-môn, Bà-la-môn không liễu tri các thủ này, hoặc chỉ liễu tri một thủ, hai thủ, ba thủ, không liễu tri các thủ còn lại. Trong Pháp Luật như vậy, nếu có tịnh tín đối với Đạo sư, nếu có sự thương mến đối với các pháp hữu, thời tịnh tín ấy, sự thương mến ấy không được hoàn toàn. Vì rằng sự tịnh là như vậy trong một Pháp Luật không khéo thuyết giảng, không khéo hiển thị, không có hướng thượng, không dẫn đến tịch tịnh, không được bậc Chánh giác hiển thị. Còn Như Lai hiển thị sự liễu tri tất cả thủ. Trong một Pháp Luật như vậy, nếu có sự tịnh tín đối với bậc Đạo sư, đối với Pháp, đối với chúng Tăng, có sự thành tựu viên mãn các giới luật, có sự thương mến đối với các pháp hữu, tịnh tín ấy, thành tựu ấy, thương mến ấy được hoàn toàn.

Cuối cùng đức Phật giải thích bốn chấp thủ lấy ái làm duyên, ái lấy thọ làm duyên, thọ lấy xúc làm duyên, xúc lấy sáu nhập làm duyên, sáu nhập lấy danh sắc làm duyên, danh sắc lấy thức làm duyên, thức lấy hành làm duyên, hành lấy vô minh làm duyên. Tỷ-kheo do đoạn trừ vô minh, làm minh sanh khởi, nên không chấp trước các thủ, nhờ không chấp thủ nên không hồi quá tháo động, tự thân chứng được Niết-bàn, chứng quả A-la-hán. ●

Lễ Phát Lồ

UPOSATHAKAMMA

TS. Thái Văn Chải

 Tăng sự được gọi là uposathakamma là một nghi lễ của tất cả các vị tỳ khưu, phải thực hiện trong những ngày uposatha, bởi vì nó được coi như là thực phẩm thuốc bồi bổ giới luật làm cho trong sạch giới luật của các vị tỳ khưu với nhau phù hợp với tên gọi Lokassapunnnakkhetta tức phước điều tươi tốt của thiện nam tín nữ và của cải, tài sản thánh vực cho chính bản thân. Đặc biệt, để có sự đoàn kết giữa Tăng chúng, bảo vệ tránh khỏi sự tranh luận của các vị tỳ khưu Tăng trong Phật giáo. Uposathakamma là nattikamma (là lễ phát lồ là tuyên ngôn).

Uposathakamma trong trường hợp này, chỉ xin rút lấy sanghuposatha tức lễ phát lồ với sanghacattuvagga (4 vị tỳ khưu trở lên) không bàn đến ganuposatha (lễ phát lồ chỉ thực hiện 1 vị tỳ khưu). Sanghauposatha mà Tăng phải thực hiện đó là làm lễ phát lồ tụng giới bốn gọi là suddhesuposatha (lễ phát lồ có tụng giới bốn pātimokkha uddesa đầy đủ).

Lễ phát lồ này pakatattabhikkhu phải thực hiện mỗi nửa tháng (pakkha) một lần và làm vào ngày rằm và ngày 30 một lần. Cho nên người ta gọi là uposatha nếu gọi theo ngày phải làm có 2 điều là:

1. Catuddhasikuposatha lễ phát lồ ngày thứ 14 (áp dụng vào ngày cuối tháng tính tháng nào người ta gọi (koḍḍi) tháng thiếu tức tháng có 24 ngày).

2. Pannarasikuposatha lễ phát lồ ngày 15 (áp dụng ngày rằm 15 (kết tới) hay 15 (rôch lù) tức tháng đủ 30 ngày. Nhưng nếu có sự cố xảy ra như chư tăng bất hòa, lúc hòa hợp nhau, luật cho phép làm lễ phát lồ một lần nữa, dù cho bất cứ ngày nào, được gọi là lễ phát lồ đoàn kết sāmaggīuposatha (ngày lễ phát lồ đoàn kết của tăng).

Phương cách làm Lễ Phát Lồ (Uposathavihi)

Cách thức làm lễ phát lồ của chư Tăng (tụng giới bốn)

Phần này chúng tôi chỉ đem phương pháp làm lễ phát lồ tuần tự từ ngày lễ phát lồ (uposatha) đến lúc tụng giới bốn (pātimokkha) chấm dứt đầy đủ mà thôi. Không đem vấn đề dosappannatti (āpatti) đối với vị tỳ khưu là cao Tăng đại đức (thera) hay tân Tăng (navabhikkhu) không chú tâm, không màng đến, không bận khoăn hay không lưu ý đến ngày lễ phát lồ đó, kể cả không nêu lên quả báo của vị tỳ khưu bận khoăn lo sắp xếp làm lễ phát lồ hay có ý kiến thật tâm mong muốn thực hiện lễ phát lồ. Bởi vì, để giải thích cho đầy đủ, về vấn đề làm lễ phát lồ này thì có thể phải giải bày thành một cuốn sách nữa mới vừa hay mới được đầy đủ ý nghĩa rộng rãi được. Khi ngày lễ phát lồ đã đến, các vị tỳ khưu nên thực hiện các công việc như sau: đầu tiên thực hiện 4 việc chính yếu. Nếu ngài Đại đức cao Tăng không tham dự phải yêu cầu vị sư khác thực hiện.

1. Sammajjanī: quét dọn nơi làm lễ phát lồ
2. Padīpo: sắp xếp đèn dầu, nến, ánh sáng chuẩn bị trước, e làm lễ vào ban đêm.
3. Uḍakam: chuẩn bị nước uống và dùng trước
4. Āsanena: chuẩn bị trải chiếu dành cho chư Tăng, nơi để cho vị ngồi đọc giới bốn. Bốn việc thường thức này các vị tỳ khưu phải chuẩn bị trước khi chư Tăng tựu hội.

Tỳ khưu Tăng mặc y phục, mang y tăng già lê cột cả khăn nịt cho được gọn gàng đi vào gặp nhau trong chánh điện. Sau khi vào tất cả phải sám hối với nhau.

Ngài Tăng trưởng hướng dẫn chư Tăng tụng kinh lễ bái tam bảo quay lại họp nhau. Thực hiện 5 thủ tục đầu tiên trước. Khi tụng giới bốn, tức thảo luận nhau trước về:

- Chanda và pāriruddhi là ý muốn giới luật trong sạch vị tỳ khưu nào cần hãy đến thực hiện trước mặt chư Tăng (nếu có).

- Utukkānam việc thảo luận về mùa màng, thời

buổi này có bao nhiêu lễ phát lồ đã trôi qua, còn lại bao nhiêu lần.

- Ovādo: xác nhận hiện tại không có tỳ khưu ni để chữa tăng ban huấn tử. Khi đã bàn bạc những thủ tục đầu tiên xong. Nên chọn 2 vị tỳ khưu để vấn đáp vinaya (luật). Bằng cách vị tỳ khưu chịu trả lời phải có 1 vị tỳ khưu hỏi, cung thỉnh tụng giới bốn (pātimokkha) luôn sau khi chấm dứt cuộc vấn đáp đó. Tiếp theo, sau khi đã thực hiện xong thủ tục đầu tiên chư tỳ khưu Tăng nên ngồi lại gần liền với nhau quanh ghế giảng kinh. Xong các vị tỳ khưu ngồi chồm hổm chấp tay hướng về nhau. Bắt đầu đọc Namo ba lần, với vị tỳ khưu người hỏi với chức năng là người vấn về giới luật. Xong vị tỳ khưu người đáp, bắt đầu đọc namo ba lần và với chức năng là người đáp về giới luật samatikamma (việc chỉ định) này là (nattikamma tuyên ngôn). Sau khi đã chỉ định xong rồi bắt đầu việc vấn đáp bằng tiếng Pāli. Về 4 điều pubbakasana (việc trước), 5 pubbakicca về 5 thủ tục đầu và về pattakalla uposatha tiếp theo đến dứt. Cuối cùng vị tỳ khưu người hỏi mời vị tỳ khưu người đáp làm người thuyết Pātimokkha tiếp vấn đề này chỉ định người hỏi đáp giới luật ... vấn đề này ở trong cuốn bhikkhupatimokkha pāli và nghĩa của đại đức phammārāmo punna sambhājama xin hãy nghiên cứu và học tập.

Lúc bấy giờ vị tỳ khưu người tụng giới bốn phải đánh lễ Đức Phật và đánh lễ vị cao Tăng trước mặt (nếu có) xong lên ngồi trên ghế thuyết pháp đã sắp xếp trước, dính liền hatthapāsa với chư Tăng, xong bắt đầu đọc giới bốn (pātimokkha) có trong cuốn Pātimokkha từ đầu đến cuối.

Phương pháp lễ phát lồ được coi như chấm dứt, sau khi tụng xong giới bốn (Pātimokkha).

Lưu ý: theo tập tục Phật giáo mỗi ngày lễ phát lồ dù cho (ngày thứ 14 hay ngày thứ 15 người ta bắt đầu tính từ giờ phút này tiếp đến hết 1 ngày cho đến 1 khoảng thời gian pacchimayāma gần sáng, tức cho đến ngày sau, đầu ngày mừng một hay đến ngày 16. Thời gian 1 ngày 1 đêm tròn vẹn, như thế được coi như là ngày

uposatha lễ phát lồ.

Khi nào đến ngày uposatha rồi, các vị tỳ khưu có thể làm lễ phát lồ, giờ giấc sao cũng được. Có thể thực hiện buổi sáng, buổi chiều hay buổi tối, nhưng thời gian thực hiện phải còn thời gian tính và chư Tăng đã nhất trí với nhau. Theo ý kiến tôi, với việc đầu tiên (pubbakarana) 4 điều cần phải sắp xếp trước khi vào ngày lễ phát lồ.

Mặt khác, trước ngày lễ phát lồ là ngày tất cả nhà sư đều phải cạo tóc. Chiều ngày cạo tóc đó các vị sadi phải làm lễ thọ 10 giới (dasasika) hay gọi là atirekasila, bằng cách tất cả các vị sadi phải mặc y, cột dây lưng gọn gàng, lễ thầy tế độ hay thầy Achar để thọ giới và nghe lời giáo huấn mai là ngày lễ phát lồ của bản thân.

Nhưng các ngài nói rằng

- Vị tỳ khưu không nên rủ nhau ép làm hay làm nhanh chóng lễ phát lồ, trong ý nghĩ làm lễ bỏ lại vị tỳ khưu khác hay không để vị tỳ khưu khác đến kịp không nên.

- Các ngài khuyên thêm rằng trong ngày lễ phát lồ, các vị tỳ khưu không nên đi ra khỏi chùa. Nhưng



Lễ phát lồ của chư Tăng ngày ra hạ

nếu có việc cần thiết của Tăng, cần phải đi trong ngày này, xong không thể trở về kịp trong ngày này, vị tỳ khưu đại diện Tăng phải đi để hoàn thành công việc của Tăng đó nên cho biết ý kiến và pārisudhi (thanh minh) với Tăng theo thời gian tỳ khưu nào cũng được. ●



Nhận thức về sự phân định rõ ràng của những trạng thái sanh diệt thân tâm qua kinh nghiệm trực tiếp thì không giống như hiểu hoặc nhận thức nó qua việc lắng nghe hoặc học hỏi. Bất kể quý vị đang lắng nghe tốt như thế nào hoặc hiểu biết nhiều được bao nhiêu mà quý vị có thể đạt được qua sự học hỏi, nhưng quý vị vẫn chưa cảm nhận được chân lý của sự hiện hữu. Chân lý của sự hiện hữu không thể đạt được qua sự suy niệm hoặc học hỏi. Nếu chúng ta nghĩ hoặc suy niệm chúng ta chỉ có một sự hiểu biết khái niệm, và những gì chúng ta biết chỉ liên quan với quá khứ hoặc tương lai và những gì là thật sự của hiện tại sẽ bị bỏ qua. Khi sự hiểu biết chỉ trải qua bằng ý tưởng, chúng ta chỉ liên kết quá khứ với tương lai qua sự so sánh, từ những ý tưởng mà nó không trực tiếp cảm nhận với hiện thực. Cho nên những ý tưởng này không thể đoạn trừ bất cứ những phiền não ngấm ngấm nào. Chúng chỉ có thể đoạn trừ qua tuệ minh sát được phát sinh từ những sự tu tập đúng và những quan niệm đúng, từ một tâm đã được thanh lọc tất cả những khái niệm sai lầm về bản ngã. Như vậy nghi ngờ, do dự, hoặc bất cứ sự nghi ngờ về những vấn đề này sẽ biến mất. Ví dụ như, đặt câu hỏi thân và tâm phát sinh như thế nào, tất cả nghi ngờ đều được đoạn trừ. Chúng ta thấy rõ ràng những yếu tố và những nhân đối với bản thân chúng ta, và cảm nhận được chân lý, từng bước, từng bước, cho đến khi những mối nghi ngờ lo âu biến mất.

Sự đạt được trí tuệ và tuệ giác về tuệ sanh diệt là một giai đoạn tu tập rất cao. Hành giả sẽ đạt được một cảm nhận căn bản mới về khái niệm của mình đối với từng sát na cảm nhận.

Nếu hành giả bị dính mắc vào tuệ sanh diệt, hoặc hành giả đã tu tập thiền định trước đó và đã phát triển nó mạnh mẽ, như vậy những phiền não của thiền quán có thể phát sanh trong thời điểm này. Cụm từ những phiền não của tuệ giác có nghĩa là hành giả đã đạt được đến mức của tuệ giác này, và rồi phải trải qua những phiền não vi tế. Những phiền não của tuệ giác này là một hình thức dính mắc hết sức vi tế trong mười loại phiền não. Chúng có thể tạo ra do bởi sự dính mắc với sức mạnh của thiền định, và bằng cách nào khi chúng xảy ra, chúng sẽ ngăn trở tiến trình hành thiền dẫn đến những mức độ tuệ giác cao hơn. Ví dụ như, tâm có thể chứa đầy hi lặc. Sự dính mắc vi tế phát sinh và những cảm giác và khuynh hướng đối với tuệ giác sâu sắc như vậy sẽ bị mất đi. Cho nên chúng ta phải biết những phiền não của tuệ giác là những triền cái như thế nào đối với tiến trình minh sát. Khi trí

Thiền sư Achaan Naeb

Tk. Thiện Minh (dịch)
(tiếp theo & hết)



Thiền sư Achaan Naeb và cô học trò Achan Prani

tuệ của hành giả chưa đủ sâu sắc để biết và loại bỏ những phiền não vi tế, mà chúng thường hết sức quyền rũ, hành giả không thể tiến xa hơn. Cho nên chúng ta phải có một sự hiểu biết sâu sắc về điểm này, sẽ giúp cho tuệ giác mạch bảo cho chúng ta biết con đường nào đúng hay sai. Nói một cách khác, những kết quả sai sẽ xảy ra nhưng chúng ta sẽ không biết điều gì sai trong lúc tu tập. Vấn đề này rất khó, bởi vì những cảm giác có thể trở nên hết sức vi tế, bằng lòng và vui thích đó là những điều có thể làm chúng ta sai lạc nghĩ rằng, chúng ta đã giác ngộ và chúng ta đã đắc chứng Níp-bàn. Không có chánh kiến, chúng ta sẽ hoàn toàn không biết có phải những thành quả trong việc tu tập thiền quán là đúng hay sai.

Chánh kiến phát sinh khi chúng ta thấy (nhận thức) được con đường đi đến thiền quán cao hơn đòi hỏi chúng ta phải loại trừ bất cứ sự dính mắc nào đối với những trạng thái tâm phát sinh. Hỷ lạc, hạnh phúc, định tâm thậm chí chánh niệm cũng có thể trở thành những đề mục cho sự vướng mắc vi tế của chúng ta. Khi chúng ta biết rằng tuệ giác sẽ

tiếp tục phát triển do bởi sự chánh niệm rõ ràng không dính mắc, những phiền não của thiền quán sẽ tan biến. Bây giờ khi tuệ sanh diệt được thanh lọc từ những phiền não của thiền quán, chúng ta có thể cảm nhận được sự sanh diệt của thân và tâm một cách sâu sắc mà không có sự ham muốn xen vào thì ở đó phát sinh giai đoạn của tuệ giác được gọi là hành lộ tri kiến tịnh.

Tuệ giác này nhận biết rằng con đường dẫn đến Níp-bàn đòi hỏi phải từ bỏ ngay cả sự chấp thủ tinh vi nhất đối với bất kỳ trạng thái thân hoặc tâm nào.

Bây giờ, những mức độ tuệ giác cao hơn bắt đầu phát triển liên tục từ điểm này. Sự chú niệm trở nên sâu sắc hơn trong tiến trình đang tiếp diễn. Càng niệm tuệ sanh diệt thì chân lý xuất hiện và để khám phá chơn lý, trí tuệ càng phát huy. Khi điều này xảy ra, mức độ tuệ giác nữa, tuệ giác dẫn đến hoại diệt hiện tượng phát sinh. Sự chú ý của hành giả càng hướng đến đề mục hiện tại, thì hành giả càng sẽ cảm nhận được sự đoạn diệt của thân và tâm. Tất cả sự hoại diệt này hành giả cảm thấy sợ hãi. Tuy thế hành giả vẫn giữ với đề mục hiện tại, nó chỉ là sự đoạn diệt của thân và tâm mà nó giữ vững sự chú niệm của hành giả. Sự thẩm xét của tuệ này được gọi là tuệ hoại diệt, mà điều đó có nghĩa là mọi điều hành giả trải qua là nguy hiểm, sợ hãi, không thực tế, và không vui thích; như vậy hành giả cảm thấy mệt mỏi và dần dần trở nên vô tư hơn từ bất kỳ sự dính mắc nào đối với thân và tâm. Cảm giác dính mắc phát sinh được gọi là tuệ nguy hại, và ham muốn để gìn giữ đến bất kỳ những trạng thái thân và tâm nào trở nên càng yếu dần cũng như những kết quả của sự tu tập thiền quán.

Cuối cùng hành giả đạt được giai đoạn dứt bỏ và trong sáng nhứt, tuệ xả đối với các pháp hành. Từ giai đoạn này, với một tâm hồn hoàn toàn thoát khỏi sự chấp thủ, thấy rõ tất cả sự cảm nhận bằng sự phát sanh mà không có phiền não, mà hành giả có thể thực chứng được Níp-bàn và đoạn diệt tà kiến thường hằng và những phiền não khác.

Đây là một sự diễn tả rất đại cương về những giai đoạn cao hơn trên con đường của tuệ giác. Tôi muốn kết luận lời diễn tả này bằng sự nhấn mạnh tầm quan trọng của việc đạt đến mức độ tuệ sanh diệt. Đây là một giai đoạn rất quan trọng. Nếu quý vị thực hành thì có thể đạt được tuệ này, lúc ấy những tuệ cao hơn, từ giai đoạn này trở đi, nó sẽ liên tục hợp theo cho đến khi cuối cùng quý vị hiểu được bản chất thân tâm trên góc độ đầy đủ nhất và cảm nhận sự đoạn diệt của tiến trình, Níp-bàn. Bây giờ, tôi muốn thảo luận thêm một vấn đề nữa. Quý vị đã

nghe nó rồi, tôi đã nói nhiều lần trước đây là để đạt được Níp-bàn, không cần thiết thực hành điều gì đặc biệt hoặc tuân theo những thủ tục cố định nào cả; mà không có nguyên tắc, mà cũng không có bất kỳ phương pháp nào, đối với bất cứ điều gì chúng ta thực hiện đúng bởi vì có nhiều phương pháp và cuối cùng, mỗi phương pháp sẽ đưa chúng ta đến Níp-bàn. Niềm tin như thế thì đương nhiên không đúng theo sự thật và lý trí. Theo mọi chân lý, tất cả những người phật tử biết rằng chính đức Phật đã thừa nhận và minh chứng là chỉ có một con đường đưa đến Níp-bàn mà thôi. Con đường đó là Tứ niệm xứ. Duy nhất chỉ có đức Phật mới dạy chúng ta điều này. Nếu người ta tu tập thiền theo những phương pháp riêng của họ, thì mỗi người sẽ tạo nên học thuyết riêng của mình, bởi vì mọi người sẽ nói rằng cuối cùng mình sẽ đạt được Níp-bàn. Loại hiểu biết sai lầm này có thể là đúng chăng? Nếu như vậy, thì đức Phật không phải là một con người của chân lý hay sao? Nếu bất cứ ai hay mọi người có thể đạt được Níp-bàn mà không có áp dụng chánh niệm, thì không cần thiết cho đức Phật để dạy sự tu tập này. Chúng ta biết rằng trong suốt quãng đời của đức Phật có nhiều tôn giáo và có nhiều phương pháp thiền. Thậm chí có những năng lực siêu việt được người ta tu tập ở thời điểm đó; ví dụ như, bay trên hư không, đi trên mặt nước, xuyên qua núi. Tất cả những năng lực siêu việt này xuất hiện khá thường xuyên. Tuy nhiên, chánh đạo đưa đến Níp bàn chưa được đức Phật dạy. Do đó, nếu bất kỳ ai vẫn còn ý niệm sai lầm là có nhiều phương pháp, thì cứ để người đó suy nghĩ nhiều cho vấn đề này. Đừng quên rằng chúng ta thành kính đức Phật bởi vì ngài đã dạy cho chúng ta phương pháp tu tập để đạt đến Níp bàn; nghĩa là áp dụng chánh niệm, mà tất cả những vị tổ sư đương thời chưa từng dạy. Vì vậy cho nên những người phật tử cho rằng đức Phật là nhân vật vĩ đại nhất trên thế giới và thành kính trí đức, tịnh đức và tuệ đức của ngài. Nếu chúng ta không tu tập phát huy tuệ giác theo sự chuyên cần của chánh niệm, thật sự chúng ta không thể hiểu được đạo Phật. Thậm chí đời hiện tại, có một ít người có chánh kiến cho sự chuyên cần chánh niệm. Trong hiện tại, mặc dù hệ thống này thì hoàn toàn hợp lý, nhưng không dễ để có chánh kiến mau và lập tức. Chúng ta phải học nhiều và cố gắng hiểu bằng lý trí, thì chúng ta phải chứng minh giá trị của nó xuyên qua sự thực hành. Hầu hết mọi thời gian chúng ta phải thực hành đạo Phật do sự tu tập và tự mình thấy chân lý.

Để tôi kết luận bằng những lời chỉ dẫn thêm cho việc tu tập thiền quán:

1. Phát huy một sự hiểu biết đúng đắn của

chánh đạo trong cuộc sống thì chỉ bao gồm có những trạng thái thân và tâm khi hành giả thực hành thiền quán.

2. Những trạng thái thân tâm liên quan với những điều xảy ra trong chính bản thân của quý vị cho nên quý vị phải chú niệm từng giây phút trong hiện tại để hiểu rõ bản chất của chúng.

3. Cả hai thân và tâm đều là đề mục thiền cả, luôn luôn niệm những đề mục này trong giây phút hiện tiền. Nếu những cảm giác phát sinh, hãy quán chiếu. Nếu quý vị đi lạc lối, đừng có lo nghĩ mà đơn thuần bắt đầu vào việc quán chiếu thân tâm của mình lần nữa.

4. Trong suốt thời gian thực hành, hành giả phải quyết tâm muốn thấy những điều thực hoặc muốn tu tập tuệ giác nào đó mà mình chưa đạt đến.

5. Đừng cố quán chiếu cả hai thân và tâm cùng một lúc, mà hãy quán chiếu mỗi cái riêng biệt, luôn quán trong giây phút hiện tại. Hãy tập trung vào những oai nghi chính như đi, đứng, nằm, ngồi và tránh những sự chuyển động không quan trọng.

6. Nếu cần thiết thay đổi oai nghi, nên tìm hiểu nguyên nhân và lý do trước khi thay đổi.

7. Hãy thực hành những oai nghi thông thường và quán chiếu thân tâm trong mỗi oai nghi đó.

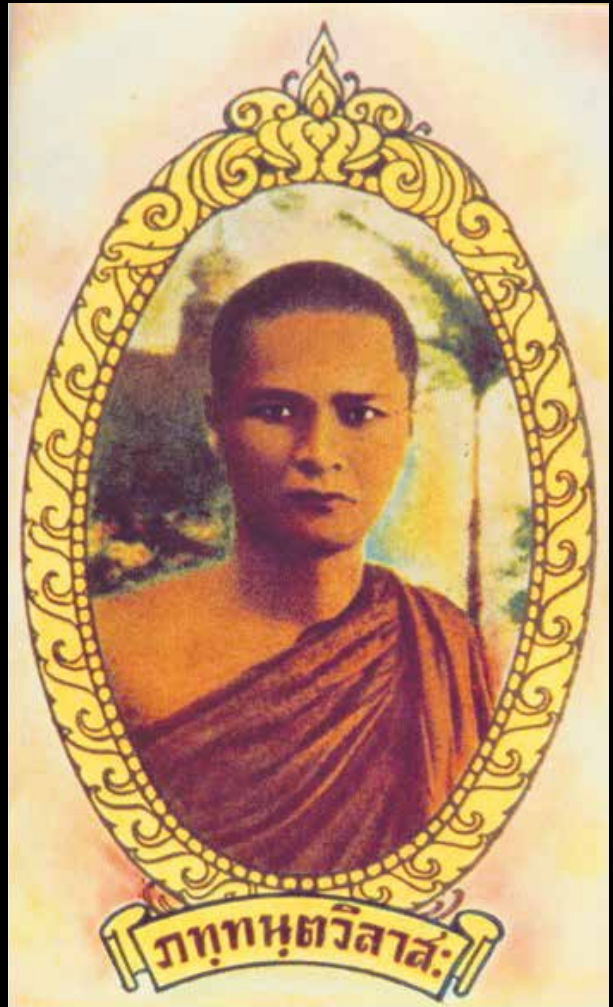
8. Cố giữ tự nhiên và đừng cố gắng quá mức, đi đứng khoan thai để gia tăng tuệ giác. Sự mong cầu này sẽ ngăn cản tuệ giác.

9. Khi thực hành, đừng làm bất cứ điều gì không cần thiết.

- Nói điều gì cần nói.
- Chỉ thay đổi oai nghi khi cần.
- Nên ăn uống điều độ.

10. Trước khi quý vị làm bất cứ điều gì, quý vị phải hiểu được lý do cần thiết đối với hành động và biết được quý vị đang đau khổ do buộc phải làm điều đó như thế nào.

11. Từ bỏ ý tưởng cho rằng thiền định là điều gì đặc biệt. Đây không phải là lúc đặt bất cứ điều gì, nhưng đơn thuần chỉ là quán chiếu những nguyên



Thầy của thiền sư Achaan Naeb

nhân đối với những hành động của mình và bản chất thân tâm.

12. Đừng cố đạt được bất cứ trạng thái tâm đặc biệt nào như là hạnh phúc, hoan lạc qua thiền định.

13. Hành giả thiền quán giống như là khán giả của vở kịch. Cố đừng bị lôi cuốn, chỉ đơn thuần định tâm theo dõi liên tục những trạng thái thân tâm khi chúng đi vào tâm thức. Thái độ quân bình này sẽ dẫn đến trí tuệ. ●



Một số vấn đề trong A-tỳ-đàm

Không hài lòng với việc phân loại thực tại (các pháp) thành các uẩn, xứ và giới, các bộ phái ngày càng thấy nhu cầu thảo ra một danh sách tổng thể các pháp, và việc này đã đưa đến một liệt kê khá cụ thể cho các mục tiêu thiền quán về những thành tố của vũ trụ được cho là có ảnh hưởng đến việc tu tập giải thoát.

Edward Conze - Hạnh Viên dịch

PHÂN LOẠI CÁC PHÁP HỮU VI

Các bộ phái Theravāda đưa ra 82 pháp, Sarvāstivāda 75 pháp và Yogācāra 100 pháp. Hầu hết các pháp này thuộc hữu vi⁽¹⁾. Các danh sách đều đồng ý về các pháp chủ yếu, không cần dẫn hết ra ở đây⁽²⁾. Nhưng vì, điều quan trọng là ta phải biết loại sự vật nào được các nhà A-tỳ-đàm xem là các 'thật vật', trước tiên cũng cần nêu ra các đề mục mà ta biết mọi trường phái đều đồng ý về căn bản, sau đó sẽ ghi chú những khác biệt quan trọng hơn. Ba trường phái thuộc hệ A-tỳ-đàm mà thông thường ta biết đều đồng ý với nhau tất cả ngoại trừ việc sắp xếp và phân nhóm các pháp, thứ tự liệt kê chúng và vài chi tiết về thuật ngữ. Các bất đồng của họ hoàn toàn không quan trọng, chỉ liên quan đến các điểm thứ yếu⁽³⁾. Phần chính của danh mục rõ ràng đã được biên soạn trước khi Hữu bộ và Nam phương Thượng tọa bộ phân ly, kể cả Yogācāra cũng ít khi ra khỏi truyền thống đã được thiết lập vững chắc,

1. Theravāda có một pháp vô vi (Niết bàn), Sarvāstivāda có ba (hư không và hai loại Niết bàn), Yogācāra có sáu. Bốn asamskratas (vô vi) của Pañcaskandhakam, xem F 117-18.

2. Các danh sách, có thể tham khảo ở: Takakasu, J. BSOAS xxii, 1959, 533-5. HBI 658-60, 662-3. F 110-4.

3. IV. A (10) của Theravāda đối với Sarvāstivāda là một thiện pháp, IV A (11) được cho là một khía cạnh của thọ, đối với IV B (2) Sarvāstivāda có 'tử', IV B (10) 'bất hại'; họ xem pháp IV B 7 là bất định, và 'trí' (mati) là thuật ngữ dùng chỉ lý lẽ và trí tuệ.

dù rải rác cũng có thêm vào vài quan điểm đặc thù riêng của họ. Đây là bản danh mục phổ thông, xếp theo năm uẩn:

I. Sắc: Năm cảnh và năm căn.

II. Thọ.

III. Tưởng.

IV. Hành, Theravāda có 50 saṃskāra, Sarvāstivāda có 44. Các đề mục chính là:

A. Các yếu tố cấu thành hoạt động tâm thức (đại địa pháp): (1) xúc, (2) tư (cetanā), (3) mạng căn (jīvitindriya) (4) định, (5) tác ý, (6) tâm (vitarka), (7) tứ (vicāra), (8) dục, hay ý muốn hành động, (9) quyết định (thăng giải, adhimoksha), (10) căn (virya), (11) hỷ.

B. Các thiện địa pháp: (1) vô tham, (2) vô sân, (3) vô si, (4) tâm (hrī), (5) quý (avatāpya), (6) tín (śraddha), (7) niệm (smṛti), (8) xả (upeksā), (9) tĩnh chỉ (passadhi), (10) bi, và (11) hỷ.

C. Các phiền não địa pháp: (1) tham, (2) sân, (3) si, (4) vô tầm, (5) vô quý, (6) não, (7) giải đãi, (8) tà kiến, (9) kiêu, (10) trạo hối, (11) tật đố, (12) keo kiệt (san) và (13) nghi.

V. Thức.

Sau đây là các bổ sung có tầm quan trọng hơn mà các trường phái đưa vào bản danh sách chung:

I. Theravāda thêm 15 mục vào 10 đề mục nêu

trên, Sarvāstivāda chỉ thêm một.

IV. B. Theravāda thêm 12 duyên về kāya (thân) (= skandhas 2, 3, 4) và citta (tâm) (= skandha thứ năm): tỉnh chỉ (IV. B. 9), khinh tánh (lahutā), nhu nhuyển (mudutā), kham nhậm tánh (kammaññatā); ba tiết chế tâm (virati): chánh ngữ (sammāvācā), chánh nghiệp (sammākammanta) và chánh mạng (sammā ājīva). Sarvāstivāda thêm: bất phóng dật (apramāda), sự cần mẫn phát triển các thiện pháp.

IV. C. Sarvāstivāda thêm: phóng dật (pramāda), bất tín (āsraddha); và các tiểu phiền não: phẫn (krodha), đạo đức giả (mrakṣa: phú), não (pradāsa), hại (vihimsā), hận (upanāha), cuồng (māyā), siểm (sāthya), kiêu dật (mada). Yogācāra đưa vào thêm ba pháp. Sarvāstivāda còn thêm:

IV. D. Bất định địa pháp: hối, ố tác.

IV. E. Mười bốn pháp không tương ưng với tâm⁽⁴⁾ (nhưng tương tự tâm vì không phải là sắc; không thuộc danh lẫn sắc): 1) đặc, 2) phi đặc (prāpti,

4. Về các pháp tâm bất tương ưng (citta-viprayukta-dharmas), xem P.S Jaini, BSOAS xxii, 1959, 531-47. Tôi đưa ra danh mục của Câu-xá. Danh mục xưa hơn của Ghoshaka có 17, danh mục của Yogācāra 23; xem Jaini, p. 536. Định nghĩa về chúng, xem F 115, 117.

aprāpti), 3) chúng

đồng phần (sabhāgatā):

các đặc tính chung đối với nhiều bộ loại chúng sanh, làm cho chúng tương tự nhau; 4) mạng căn; bốn đặc tướng hữu vi: 5) sinh, 6) trụ, 7) lão suy (= dị), 8) diệt (= vô thường); 9) vô tướng, là pháp mà, giữa các 'chúng sanh vô tướng', dùng chỉ tâm mống khởi, 10) vô tướng định, 11) diệt tận định; 12) danh thân (nāma-kāya), 13) cú thân (pada-kāya), và 14) văn thân (vyañjana-kāya).

Ở phần V, Sarvāstivāda chỉ tính một pháp duy nhất, là thức thuần túy không có bất cứ nội dung đối tượng nào, nghĩa là tâm (citta); Theravāda cũng vậy, nhưng vì thức không bao giờ tự hữu một mình mà phải luôn kết hợp với các pháp khác, họ phân biệt 89 cittāni (tâm), tức các trạng thái ở đó tâm được kết hợp với nhiều nhân tố tinh thần khác nhau; Yogācāra phân biệt tám, có khi đến chín, loại thức, tức thêm vào sáu thức cái thứ (7), nhiễm ô ý nó thường nhận lầm (8) tàng thức cho là bản ngã. ●



Sự Khác Biệt Giữa ĐỨC PHẬT LỊCH SỬ VÀ ĐỨC PHẬT TÔN GIÁO

I. ĐỨC PHẬT LỊCH SỬ

1. Sơ lược lịch sử đức Phật

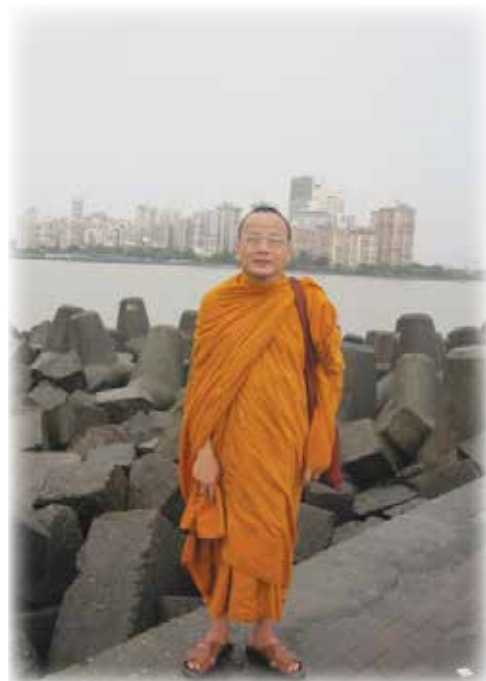
Hòa thượng Thích Minh Châu, trong lời nói đầu tác phẩm Lịch sử đức Phật Thích Ca đã phát biểu: "Lịch sử đức Phật Thích Ca là lịch sử một con người, do nhờ công phu tu tập bản thân đã trở thành một con người hoàn thiện, một bậc thánh giữa thế gian".

Đức Phật lịch sử là một con người như bao nhiêu con người, cũng sanh ra, lớn lên, lập gia đình nhưng do nhờ ý thức được sanh, lão, bệnh, tử là khổ đau nên nhằm chán cuộc đời, xuất gia từ bỏ gia đình sống không gia đình và do nhờ nỗ lực cá nhân mà thành đạt quả vị giải thoát.

Ngài sinh ra vào ngày 15 – 4 âl, năm 623 trước Công Nguyên, tại vườn Lumbini (Lâm Tỷ Ni) gần thành phố Kapilavatthu, nơi ranh giới Ấn Độ thuộc xứ Nepal ngày nay. Ngài là con vua Suddhodana và hoàng hậu Maha Māyā, tên Ngài là Siddhattha họ Ngài là Gotama (Cồ Đàm). Ngài thuộc bộ lạc Sakya (Thích Ca) nên sau này có danh hiệu: Sakya Muni, Muni là bậc thánh, Sakya Muni là bậc thánh thuộc bộ lạc Thích Ca.

Bảy ngày sau khi sinh thái tử Siddhattha, hoàng hậu Maha Māyā sinh về cõi trời Đâu Suất, thái tử được bà dì mẫu Mahapajapati Gotami trực tiếp nuôi nấng, dạy dỗ.

Ngay sau ngày đàn sanh vua Tịnh Phạn cho mời các Bà La Môn đến để xem tướng Hoàng tử. Hoàng tử có 32 tướng tốt, Kinh Sutta Nipāta (kinh tập) có viết đạo sĩ Asita xem tướng thái tử:



TTTS. Thích Bửu Chánh

*"Thấy Thái tử chói sáng
Rực rỡ như vàng chói
Trong lò đúc nấu vàng
Được thợ khéo luyện thành
Bừng sáng và rực rỡ
Với dung sắc tuyệt mỹ
Sau khi thấy thái tử
Chói sáng như lửa ngọn
Thanh tịnh như sao Ngưu
Vận hành giữa hư không
Chói sáng như mặt trời
Giữa trời thu mây tạnh
Ẩn sĩ tâm hân hoan
Được hỷ lạc rộng lớn"*

Và đạo sĩ Asita nói là thái tử tương lai sẽ tu chứng Phật quả và truyền bá giáo pháp:

*"Thái tử này sẽ chứng
Tối thượng quả bồ đề
Sẽ chuyển bánh xe pháp
Thấy thanh tịnh tối thắng
Vì lòng từ thương xót
Vì hạnh phúc nhiều người
Và đời sống phạm hạnh
Được truyền bá rộng rãi"*

Thái tử được nuôi dưỡng, giáo dục một cách chu đáo cả hai phương diện văn chương và võ

nghe.

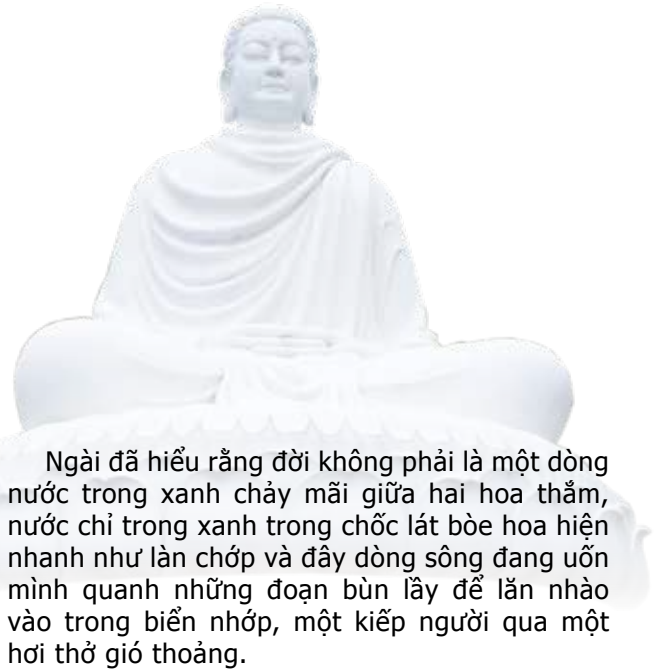
Trong Tăng Chi Bộ Kinh I, trang 161-162 đức Phật đã thuật lại cho các Tỷ Kheo về quãng đời của Ngài như sau:

"Này các Tỷ kheo, ta được nuôi dưỡng tể nhị, quá mức tể nhị. Trong cung của phụ vương ta, các hồ nước được xây lên, trong một hồ có hoa Sen xanh, trong một hồ có hoa Sen đỏ, trong một hồ có hoa Sen trắng, tất cả đều phục vụ cho ta. Không một hương Chiên Đàn nào ta dùng, này các Tỷ Kheo y phục ta dùng không y phục nào không từ Kasi đến, bằng vải Kasi là khăn của ta, này các Tỷ Kheo bằng vải Kasi là áo cánh, bằng vải kasi là áo lót, bằng vải Kasi là áo khoát ngoài. Đêm và ngày một lọng trắng che trên đầu ta để tránh xúc chạm lạnh, nóng, bụi, cỏ hay sương. Này các Tỷ kheo ba lâu đài được xây dựng cho ta, một cái mùa Đông, một cái mùa Hạ, một cái cho mùa mưa. Và ta này các Tỷ kheo tại lâu đài mùa mưa ta được các vũ công đờn múa hát xung quanh ta".

Thế nhưng thái tử càng trưởng thành Ngài càng biết thế gian là đau khổ triền miên, dầu sống trong nhung lụa nhưng Ngài lại ý thức được rằng mỗi thời mọc lặn của mặt trời, mỗi thời vận hành của vũ trụ, tất cả đều vô thường biến đổi, thời gian vô thường, không gian vô thường, vũ trụ vạn hữu vô thường, tâm ý vô thường. Sự biến dịch và vận hành của thời gian và không gian đều liên quan đến sự vận hành và tiêu tán của kiếp người mà sự sống chỉ là bóng sương mờ giữa bình minh rực rỡ.

Có ai kéo được mùa xuân khi thu về lá rụng, mỗi tích tắc, mỗi nhịp tim đều báo hiệu một biến dịch của thời gian. Nó không phải trôi qua vô tình như dòng nước bạc mà nó mang theo cả cuộc đời hoa mộng những nét kiều diễm, những ân tình chưa thỏa, những mộng đời chưa tan trong cái xoay vần của nhân duyên sanh diệt, cái hạnh phúc của trần gian này không vĩnh viễn rồi một ngày kia chúng ta sẽ già yếu và xấu đi, thời gian sẽ phủ lên đầu lớp tro bạc. Ôi! Mắt rồi sẽ mờ đục, môi đỏ sẽ úa màu và hai bàn tay đẹp đẽ sẽ co quắp lại như những que củi khô mà thôi.

Ngài đã nghe hơi thở của trần gian đang hấp hối, nhận rõ bóng huyễn hoặc của lạc thú, sự mĩa mai của hạnh phúc, cái ảo não của những nổi lao khổ nhọc nhằn. Thú vui mở đường cho đau khổ, trong hội ngộ đã nảy mầm chia ly, trẻ trung đưa đến già yếu, sống đến chết và chết đến những cuộc sống vô định khác.



Ngài đã hiểu rằng đời không phải là một dòng nước trong xanh chảy mãi giữa hai hoa thắm, nước chỉ trong xanh trong chốc lát bèo hoa hiện nhanh như làn chớp và đây dòng sông đang uốn mình quanh những đoạn bùn lầy để lần nhào vào trong biển nhớp, một kiếp người qua một hơi thở gió thoảng.

Trong kinh Thánh Cầu (Ariyapariyesanasuttam) trang 161-163 Trung Bộ Kinh – HT. Thích Minh Châu dịch, đức Phật đã nói như sau: "Này các Tỷ kheo, ta cũng vậy, trước khi giác ngộ, khi chưa chứng Chánh Đẳng Chánh Giác, khi còn là Bồ Tát tự mình sanh lại tìm cầu cái bị sanh, tự mình già lại tìm cầu cái bị già, tự mình bị bệnh.... bị chết.... bị sầu.... bị ô nhiễm lại tìm cầu cái bị ô nhiễm. Này các Tỷ kheo rồi ta suy nghĩ như sau: "Tại sao ta sanh lại tìm cầu cái bị sanh, tự mình bị già lại tìm cầu cái bị già... tự mình bị ô nhiễm lại tìm cầu cái bị ô nhiễm? Vậy ta tự mình bị sanh, sau khi biết rõ sự nguy hại của bị sanh hãy tìm cầu cái không sanh, sự an ổn khỏi các khổ ách, Niết Bàn. Tự mình bị già... tìm cầu cái không già... bệnh... chết... sầu... tự mình bị ô nhiễm sau khi biết rõ sự nguy hại của cái bị ô nhiễm hãy tìm cầu cái không ô nhiễm, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách Niết Bàn".

Đức Phật lịch sử là một con người có thật trong lịch sử, sanh ra năm nào? Ở đâu? Con ai? Lịch sử đã ghi lại rõ ràng cụ thể. Ngài đã trải qua quãng đời trong lâu son gác tía như thế nào, trong kinh tạng Pāli cũng đã ghi lại đầy đủ. Đức Phật lịch sử là con người tự mình thấy khổ đau của sanh, già, bệnh, chết... Ngài thấy rằng chính Ngài đã phải chịu sanh, già, đau, chết, phiền não và ô nhiễm và Ngài lại suy niệm tại sao lại vẫn mãi mê chạy theo những điều mà bản chất cũng còn như vậy. Đức Phật lịch sử là con người tự thấy rằng vì chịu sanh, lão, bệnh, tử, phiền não và ô nhiễm mà Ngài đã nhận thức sự bất lợi của những điều ấy và cũng chính Ngài đã tự mình nghĩ ra việc tự đi tìm cái chưa thành đạt, cái tối thượng và tuyệt đối chu toàn là Niết bàn (còn tiếp). ●

Doanh nhân đi Tu Thiền & xuất gia gieo duyên

Nguyễn Mạnh Hùng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Giám đốc
Công ty sách Thái Hà

C huyên doanh nhân Việt bị stress chỉ sau các bạn đồng nghiệp Trung Quốc và Mexico thì ai cũng đã rõ (Tôi cũng đã viết bài Doanh nhân Việt Nam stress nhiều thứ 3 trên thế giới và đăng báo). Stress sẽ gây ra đủ thứ bệnh nguy hiểm thì ai cũng biết rồi. Tuy nhiên chọn cách nào để giải tỏa căng thẳng lại là câu chuyện của mỗi doanh nhân.

Nhiều lãnh đạo các doanh nghiệp thừa nhận rằng thiền định là một trong những cách thông minh và hữu hiệu nhất. Tôi hoàn toàn nhất trí với nhận định này. Ngày càng có nhiều doanh nhân tham gia các khóa thiền, yoga. Nhiều câu lạc bộ đã được thành lập trên cả nước. Cá nhân tôi cũng tham gia một số khóa thiền, một vài lớp yoga. Nhưng có những cơ duyên cho doanh nhân đi xa hơn. Đó là câu chuyện tôi muốn viết ở đây....

Sau khi biết tin thiền sư nổi tiếng người Miến Điện Ashin Tejaniya, Viện trưởng thiền viện Shwe Oo Min Dhammasukha vào Việt Nam để hướng dẫn khóa thiền Tứ niệm xứ tôi đã liên lạc và ghi danh tham gia. Tôi được chấp nhận ngay lập tức và được hướng dẫn các thủ tục cần thiết để tham gia khóa thiền hiem hơi này. Được biết đây là lần đầu tiên thiền sư danh tiếng Ashin Tejaniya đến Việt Nam hướng dẫn khóa thiền.

Điểm bắt đầu là trên đường đến thiền viện nơi diễn ra khóa thiền tôi tình cờ gặp lại anh Liên, một doanh nhân khác, bạn tôi, cũng đã tham gia khóa thiền Vipassana cuối năm 2009. Chúng tôi nhanh chóng chia sẻ kinh nghiệm tu thiền, sự tiến bộ của mỗi người kể từ đó. Anh



Nhà sư doanh nhân Nguyễn Mạnh Hùng

Liên cũng chia sẻ rằng trong khóa thiền đặc biệt này thầy Ashin Tejaniya cho phép các Phật tử xuất gia gieo duyên. Điều này có nghĩa là

những ai có duyên đều có thể trở thành nhà sư trong vòng 1 tuần. Thật là chuyện lạ và tôi chưa từng biết, chưa từng nghe đến. Tôi vẫn cứ nghĩ rằng đã xuất gia thì thành nhà sư cả đời chứ sao lại có chuyện thành nhà sư trong một thời gian ngắn vậy. Quả là nếu không gặp lại anh Liên thì tôi cũng chỉ dừng lại việc trở thành 1 thiền sinh như 5 khóa thiền tôi đã tham gia trước đây, mỗi khóa là 7 hoặc 10 ngày (Tôi chưa từng tham gia 1 khóa nào 1 tháng, 3 tháng hay dài hơn).

Tôi đến thiền viện buổi sáng trước 1 ngày so với lịch bắt đầu khai giảng khóa thiền 7 ngày. Anh bạn tôi được phân ở cùng phòng với tôi trong thiền viện. Bao kỷ niệm và sẻ chia quý giá. Chúng tôi tiếp tục nói chuyện với nhau xung quanh những hiểu biết về kinh doanh và đạo Phật, về kỹ năng lãnh đạo và thiền định, về cuộc sống và xã hội. Ngày hôm sau, bắt đầu khóa thiền và sẽ rất hạn chế việc nói chuyện (có những khóa thiền tuyệt đối cấm nói chuyện trong bất cứ thời gian nào trong ngày của cả khóa thiền). Sau khi được anh Liên hỏi có muốn trở thành nhà sư trong 1 tuần hay không tôi thấy có cảm giác rất lạ. Phần vì muốn tu thiền nghiêm túc, viên mãn, phần cũng tò mò muốn biết cuộc sống các nhà sư ra sao và làm một nhà sư thực thụ thế nào, tôi không chần chừ suy nghĩ mà đồng ý ngay.

Thế là 3 chúng tôi đã quyết định trở thành nhà sư. Ngoài tôi và anh Liên ra còn có 1 doanh nhân khác cũng quyết định xuất gia gieo duyên thành nhà sư. Anh bạn này là giám đốc Marketing của 1 tập đoàn rất lớn của Việt Nam. Đến bây giờ và có lẽ mãi sau này tôi luôn biết ơn anh Liên, 1 doanh nhân, một người bạn tốt đã cùng tham gia khóa thiền cuối năm 2009 với tôi ở Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh.

Sau khi cả 3 nhất trí, chúng tôi cùng gặp thiền sư Ashin Tejaniya và sư trụ trì thiền viện để xin phép. Tôi rất vui khi các thầy hoan hỷ chấp nhận. Việc tiếp theo là chuẩn bị tâm thế và mọi thứ cho sự kiện quan trọng này. Ngày mai chúng tôi thành nhà sư. Cảm giác của ngày trước khi xuất gia rất khác thường.

Cả đêm đó tôi mất ngủ vì hồi hộp. Tôi cũng không tưởng tượng được việc trở thành 1 nhà sư sẽ như thế nào và mình sẽ phải làm những gì, ứng xử ra sao. Răng cảm giác và thái độ sau khi thành nhà sư cũng như

rồi khi quay lại đời, quay lại doanh nghiệp sẽ thế nào. Tôi hồi hộp cho cả 2 thời điểm: từ doanh nhân thành nhà sư và từ nhà sư quay lại đời thường thành doanh nhân. Tôi biết rằng có những thay đổi về tâm trạng, sinh lý, suy nghĩ, thái độ,... Nhưng những thay đổi đó sẽ như thế nào. Tôi biết đây là sự kiện rất quan trọng và nghiêm túc của đời mình. Tôi mất ngủ và suy nghĩ miên man.

Như thông lệ trong các khóa thiền, chúng tôi thức giấc lúc 03 giờ 30 phút để bắt đầu hành thiền. Ngày đầu tiên tôi thiền khá tốt, định khá nhanh và có những kết quả hữu ích. Tôi cảm nhận được sự tinh tấn của mình sau những ngày tháng tập thiền và biết rằng 7 ngày này sẽ rất tốt cho tôi.

Sau bữa ăn sáng lúc 06 giờ chúng tôi được mời đến gặp các thiền sư để được hướng dẫn cách thức, nghi lễ xuất gia. Chúng tôi phải tập đọc một số câu, nhất là cam kết giữ 10 giới bằng tiếng Pāli và tiếng Việt. Chúng tôi cũng được tập các nghi lễ để thuần thục khi có mặt trên chánh điện để làm lễ xuất gia. Như vậy tôi đã chính thức phát âm ra bằng ngôn ngữ đức Phật dùng cách đây 2500 năm và rằng bây giờ tôi biết thêm một ngôn ngữ nữa dù chỉ có một số câu nhất định. Quả thật, những lời kinh, câu chú mà các Phật tử chúng tôi tại Hà Nội hay tụng, đọc là bằng tiếng Phạn (Sanskrit). Nay chúng tôi đọc bằng tiếng Pāli. Vậy nên được học và biết thêm 1 thứ tiếng nữa. Chúng tôi trở thành những học sinh vỡ lòng của thứ ngoại ngữ mới, lạ này.

Hơn 07 giờ sáng chúng tôi được chỉ ra khu vực riêng để xuống tóc. Chính một vị sư cao Tăng cạo tóc cho từng người trong chúng tôi. Sư dặn chúng tôi rất kỹ rằng khi xuống tóc cần tụng 5 chữ "tóc, răng, móng, lông, da" để quán cái vô thường của cuộc sống, để biết về khổ và vô ngã. Sư giảng thêm rằng đã có những thiền sinh và Phật tử chúng ngộ ngay trong lúc niệm 5 chữ này. Tôi vừa thấy vui vừa hơi run. Tôi thành tâm niệm theo sự hướng dẫn của sư.

Khi cạo tóc xong tôi bê chậu nước với những sợi tóc đã được cạo bỏ đi đổ và gội (bây giờ là rửa chứ làm gì còn tóc!). Thứ vị và hồi hộp nhất là soi mình vào gương. Một khuôn mặt quen thuộc nhưng với chiếc đầu rất lạ, hoàn toàn khác lạ. Tôi hiểu rằng, mình chuẩn bị bắt đầu cuộc sống của 1 nhà sư thực thụ sau ít phút nữa. Lòng tôi có 1 cảm giác rất

khó tả. Vui. Lạ. Lo lắng. Hồi hộp.

Đúng 08 giờ nghi lễ được cử hành trang nghiêm. Thiền sư Ashin Tejaniya, Viện trưởng của thiền viện Shwe Oo Min Dhammasukha trực tiếp cho 3 chúng tôi thọ giới. Trong bài viết này tôi không có ý định miêu tả chi tiết quá trình thọ giới sadi mà chỉ muốn nói lên rằng tôi có những cảm giác rất đặc biệt, rất khác thường khi quỳ gối đối diện với thiền sư và thực hiện các nghi lễ theo Phật giáo nguyên thủy (Theravāda).

Giờ phút linh thiêng là khi mỗi chúng tôi được nhận 1 bộ y bát. Chúng tôi ra phía sau thay y để trở thành nhà sư. Lần đầu tiên được mặc y tôi thấy thật là vui và có cảm giác mình thành người khác và hình như mình chuyển đến sống ở một nơi khác, ở một cõi khác, 1 thế giới khác. Có một vị sư giúp chúng tôi mặc y (nếu không chẳng biết đăng nào mà lần). Phần vì không viết cách mặc, phần vì tâm trạng bối rối, cảm xúc trào dâng nên lúng túng đâu có biết làm gì, ra sao.

Một việc rất quan trọng và được báo trước là được thầy Ashin Tejaniya đặt pháp danh. Vấn đề là thầy sẽ nhìn từng người để chọn cho 1 pháp danh phù hợp. Tôi cũng lo lắng và hồi hộp chờ đợi xem thầy nhìn vào mình ra sao và mình sẽ có pháp danh gì. Cuối cùng tôi được sư đặt cho là Thiện Đức. Thích Thiện Đức. Tiếng Pāli là Gunika. Như vậy, lần đầu tiên trong đời tôi có họ thứ 2, tên thứ 2 sau tên Nguyễn Mạnh Hùng mà cha mẹ đặt cho tôi hồi mới sinh. Tôi đã chính thức có pháp danh, chính thức thành nhà sư, chính thức mang họ Thích. Như vậy thiền sư Ashin Tejaniya là người sinh ra tôi lần thứ 2. Phải nói thật rằng sau khi biết mình được thầy đặt cho pháp danh Thiện Đức tôi thấy rất thích và tự hào. Một pháp danh quá hay. Không thể hay và hợp với tôi hơn!

Tôi xúc động nhất khi thời điểm mà mình và 2 người bạn chính thức được công nhận là nhà sư. Xung quanh chúng tôi biết bao tu nữ cùng các Phật tử, thiền sinh cúi xuống lạy. Họ dâng cho chúng tôi rất nhiều thứ: thuốc, kem đánh răng, bàn chải, sữa, đường, bông ngoáy tai, ... kèm theo là thái độ cung kính. Cũng có rất nhiều phong bì, bên trong là tiền được cúng dường cho chúng tôi, những vị sư mới xuất gia. Nhìn họ cung kính lễ lạy và cúng dường tôi rất xúc động. Trong lòng tôi trào dâng 1 cảm giác vui. Tôi nhận biết rằng đời

mình bước sang 1 trang mới. Vẫn biết rằng mình chỉ xuất gia làm sư trong vòng 7 ngày thôi nhưng tôi vẫn thấy mình đã thành 1 người khác lạ. Hôm qua còn là một vị giám đốc doanh nghiệp kiêm một giảng viên chuyên giảng về quản trị kinh doanh giờ đã thành nhà sư. Chúng tôi đã cam kết giữ 10 giới và như vậy mình phải rất nghiêm túc, viên mật tu tập. Tôi cảm nhận trách nhiệm lớn lao trước các Phật tử và những người xung quanh. Mọi người bắt đầu chính thức gọi tôi là sư Thiện Đức.

Phải thừa nhận là các thiền sinh và các Phật tử ở đây rất sùng bái đạo Phật và rất có tâm. Tôi nhận được quá nhiều đồ đạc và tiền. Dĩ nhiên, những gì nhận được tôi mang nhờ nhà chùa lễ tam bảo và cúng dường lại cho nhà chùa. Từ lúc này chúng tôi chính thức được tiếp đón, được đối xử như một nhà sư thực thụ. Tôi bắt đầu để ý đến hành vi, thái độ, từng bước đi, từng cái nhìn của mình. Tôi quyết tâm tu tập, thiền định nghiêm túc, vì lợi ích của chính mình và những người xung quanh. Khóa thiền này chúng tôi có 88 người, trong đó có 18 sư.

Vì cùng sống và tu tập với các nhà sư khác nên chúng tôi cùng làm tất cả những gì mà các nhà sư đã xuất gia lâu năm làm. Có những sư năm nay tuổi đã ngoài tám mươi. Có sư trẻ mới gần 30 nhưng đã xuất gia hơn chục năm rồi. Vì là sư mới nên chúng tôi thường đi sau, học theo, làm theo để tránh sai lầm, để tránh phạm giới, để tránh tối đa các lỗi và những gì không biết. Tôi luôn cẩn thận và theo dõi, quan sát tỉ mỉ.

Bữa trưa rất ấn tượng. Khi các tu nữ và các thiền sinh vào hết trai đường (nhà ăn) thì chúng tôi mới vào. Thiền sư Ashin Tejaniya đi trước, các sư khác đi sau. 3 chúng tôi, những sư mới, đi sau cùng. Các nhà sư chúng tôi được xếp ngồi vào các bàn riêng, có thức ăn bày sẵn. Chúng tôi được các thiền sinh, tu nữ và Phật tử nâng bàn lên cúng dường, tiếp thức ăn, đồ uống rất cung kính. Thường trước khi ăn các Phật tử tụng kinh, sau đó các sư tụng kinh và cuối cùng mới ăn. Nhìn các Phật tử, thiền sinh và tu nữ cung kính, trân trọng mà tôi thấy ái ngại và ngượng ngùng. Tôi không quen hay nói đúng hơn là chưa bao giờ được cung kính đến vậy.

Cũng phải nói thêm rằng hầu như các bữa trưa đều có những gia đình, những Phật

tử cúng dường. Nhiều bữa trưa tôi cũng như các nhà sư khác nhận được cả phong bì cúng dường. Thật là ngại ngùng và cảm thấy bất tiện.

Tôi chưa thể viết ra những cảm giác khi đeo bình bát đi khắp thực quanh khu vực thiền viện. Tôi chưa đủ thời gian để viết ra cảm xúc và lịch trình của nhà sư trong mỗi ngày. Tôi cũng sẽ viết sau về những ngày tu tập và sự tinh tấn của mình, đặc biệt là trong việc quán tâm trong khi thực hành thiền tứ niệm xứ. Tôi cũng không thể ghi hết ra đây nội dung những bài giảng pháp hay ý nghĩa của những buổi trình pháp mỗi tối. Tất cả đều mang những ý nghĩa đặc biệt, lạ lùng và quan trọng.

Tôi quay lại đời thường sau 7 ngày làm nhà sư. Trước khi về chúng tôi được sư thầy đưa lên chánh điện làm lễ xả giới. Chúng tôi mặc lại bộ quần áo thường ngày vẫn mặc. Tóc đã mọc hơn chút xíu sau 1 tuần. Tuy nhiên, những cảm giác, sự tiến bộ vẫn trong tâm mỗi người. Tôi thấy lòng mình thật thanh thản, nhẹ nhàng. Tôi không chỉ biết quán thân và thọ như mấy khóa thiền trước. Giờ đây tôi biết rằng mình cần thực hiện quán tâm, cần sống trong chánh niệm mỗi phút giây của cuộc sống. Pháp hành Tứ niệm xứ phải được tôi áp dụng vào cuộc sống và công việc hàng ngày. Tôi biết rằng sẽ

không dễ chút nào nhưng cũng không đến nỗi quá khó. Thầy Ashin Tejaniya đã giảng rằng chúng ta thấy khó bởi ta thiếu đi sự thực hành đầy đủ. Nếu chúng ta cố gắng một cách chân thành trong sự thực hành nghiêm túc thì với kinh nghiệm thiền định và quán chiếu chúng ta sẽ có kết quả. Tôi hiểu rằng nếu mình kiên trì và bền bỉ thực hành trong doanh nghiệp và cuộc sống đời thường của mình thì mọi chuyện sẽ dễ dàng và không sớm thì muộn lợi ích to lớn và thiết thực sẽ đến.

Tôi đã có những cảm nhận sâu sắc. Tôi đã đi những bước đi đáng kể trên con đường thanh lọc thân và tâm. Tôi đã bước đầu hiểu về Vi diệu pháp, về cách thiền Vipassana ở cấp cao hơn. Và điều quan trọng nhất, tôi biết rõ rằng 7 ngày làm nhà sư đã giúp tôi nhiều vô cùng trong công việc của 1 doanh nhân. Ít nhất những ai đã tham gia những khóa tương tự cũng xua tan được stress hay căng thẳng không cần thiết.

Tôi ngồi viết những dòng chữ này khi khóa thiền trôi qua đã lâu. Tóc tôi đã mọc lại. Công việc của 1 doanh nhân đang cuốn hút tôi. Tuy nhiên, khác với trước đây, bây giờ tôi luôn cảm thấy bình an và thư giãn. Trong mọi vấn đề tôi đều thấy và có những giải pháp nhẹ nhàng và hữu hiệu. ●



Tham thiền



Đi bát

Lịch sử và tình hình văn học Phật giáo từ đời Lý đến đầu đời Trần

TT. TS. Thích Phước Đạt
(Trưởng Phòng Giáo vụ HVPGVN)

CUỘC ĐỜI VÀ HÀNH TRẠNG TRẦN THÁI TÔNG

- Thân thế Trần Thái Tông

Sách Đại Việt sử ký toàn thư, viết về Thái Tông hoàng đế như sau: "Họ Trần, tên húy là Cảnh, trước tên húy là Bồ, làm Chi hậu chính triều Lý, được nhường ngôi, ở ngôi 33 năm (1225 – 1258), nhường ngôi 19 năm, thọ 60 tuổi (1218 – 1277), băng ở cung Vạn thọ, táng ở Chiêu Lăng. Vua khoan nhân đại độ, có lượng để vương, cho nên có thể sáng nghiệp truyền dòng, lập dựng kỷ cương, chế độ nhà Trần thực to lớn vậy. Song quy hoạch việc nước đều do Trần Thủ Độ làm và chốn buồn the cũng có nhiều điều hồ thẹn."

"Trước kia tổ tiên vua là người đất Mân (có người nói là người Quế Lâm), có người tên là Kinh đến ở hương Tức Mặc, phủ Thiên Trường, sinh ra Hấp, Hấp sinh ra Lý, Lý sinh ra Thừa, đời đời làm nghề đánh cá. Vua là con thứ của Thừa, mẹ họ Lê, sinh ngày 16 tháng 6 năm Mậu Dần, Kiến Gia thứ 8 triều Lý. Vua mũi cao, mặt rộng như Hán Cao Tổ. Khi mới 8 tuổi, làm Chi hậu chính ứng cực triều Lý. Vì có chú họ là Trần Thủ Độ làm Điện tiền chỉ huy sứ, nên vua được vào hầu trong cung. Chiêu Hoàng thấy vua thì ưa."

"Năm Ất Dậu (1225), mùa đông, tháng 12, ngày 12 Mậu Dần, nhận thiên vị của Chiêu Hoàng, lên ngôi hoàng đế, đổi niên hiệu là Kiến Trung⁽¹⁾."

1. Ngô Sĩ Liên, Đại Việt sử ký toàn thư, tập 1, 2, Viện Sử học dịch, NXB KHXH, Hà Nội tái bản, 1998, tr. 6.



TT. TS. Thích Phước Đạt



Tượng vua Trần Thái Tông

Sách Thơ văn Lý Trần, tập 2, ghi nhận: "... Trần Cảnh có công trong việc ổn định và đưa xã hội Việt Nam bước vào giai đoạn thịnh vượng sau thời kỳ lộn xộn cuối nhà Lý. Đặc biệt, ông đã đặt vấn đề xây dựng chế độ thi cử, góp phần mở mang việc học ở Việt Nam và cũng là người lãnh đạo thắng lợi cuộc đổ sức lần thứ nhất với quân xâm lược Mông Cổ năm 1257. Trong cuộc chiến đấu này, Trần Cảnh đích thân tham gia chỉ huy nhiều trận, có mặt ở cả những nơi nguy hiểm, đem lại niềm tin tưởng cho quân sĩ, và niềm tự hào dân tộc... Trần Cảnh là một ông vua có năng lực, tính tình khoan hậu, có tài thơ văn, và có nhiều đóng góp cho đất nước⁽²⁾."

Các dữ kiện lịch sử trên, cho thấy sự lên ngôi vị hoàng đế có sự chuẩn bị cả quá trình lâu dài khi mà thế lực họ Trần đã trở nên hùng mạnh, có công trong việc dẹp loạn các thế lực đối kháng. Người có công lớn trong việc xây dựng triều Trần là Trần Thủ Độ, chú của Trần Thái Tông, nhưng trước đó phải kể đến công lao của Trần Lý, rồi sau đó là Trần Thừa. Việc quản lý đất nước trong mười năm đầu của vua phải dựa vào người chú với cương vị Thái sư.

Phải đợi đến năm Đinh Dậu Thiên Ứng Chính Bình thứ 5 (1236), với sự kiện Trần Thủ Độ bắt vua bỏ Chiêu Thánh, giáng làm công chúa rồi đem người chị là Thuận Thiên (vợ của Trần Liễu) đã có thai vào làm hoàng hậu, vua Trần Thái Tông mới quyết định thể hiện tư cách nhà lãnh đạo của một nước, bằng cách bỏ hoàng cung lên Yên Tử gặp Quốc sư Phù Vân với khát vọng được làm Phật. Nghe lời khuyên của Quốc sư, nhà vua mới trở lại ngôi, vừa

trị nước yên dân, vừa nghiên cứu nội điển, thực hành thiền định rồi chứng ngộ, viết sách Khoá hư lục, Thiền tông chỉ nam... Khoá hư lục hiện còn đầy đủ, riêng Thiền tông chỉ nam chỉ còn bài tựa. Đọc "Thiền Tông chỉ nam tự", ngày nay chúng ta có thể hiểu quan điểm cùng cách ứng xử của Trần Thái Tông trước vấn đề này thật là trí tuệ theo tinh thần Phật giáo:

"Trẫm khi còn trẻ thơ, ở tuổi hiểu biết, hằng được nghe lời dạy của thiền sư, thời trẫm tư mặc tưởng, hồn nhiên thanh tịnh, lưu tâm ở nội giáo, tham cứu ở Thiền tông, quên mình tìm thầy, tinh thành mến đạo. Tuy cái ý hồi tâm hướng nẻo đã mạnh nham, nhưng cái cơ cảm xúc vẫn chưa đạt được.

Vừa lúc 16 tuổi, thái hậu từ giã cuộc đời, trẫm thường nằm rơm gối đất, lệ huyết tuôn rơi, ruột đau như cắt. Ngoài nỗi buồn khổ ra, chưa rảnh rỗi làm việc khác. Chỉ khoảng vài năm sau, thái tổ hoàng đế lại kế tiếp yên giá (qua đời). Mến tiếc mẹ chưa khuây, xót thương cha càng thiết. Thê thảm bồn chồn, khôn nguôi lòng dạ. Trẫm nghĩ công cha mẹ đối với con, nuôi nấng vỗ về, chăm sóc đủ thứ, dù có thân nát xương tan cũng chưa đủ để báo đền công ân đó trong muôn một.



Trong ảnh là bài vị thờ 3 vị vua đầu tiên của nhà Trần là Trần Thái Tông, Trần Thánh Tông và Trần Nhân Tông (ảnh internet).

2. Viện Văn học, Thơ văn Lý – Trần, tập 2, quyển thượng, Nxb KHXH, Hà Nội, 1989, tr. 19 – 20.

Hơn nữa, trầm nghĩ thái tổ hoàng đế, rất gian nan việc mở nền dựng nghiệp, rất quan trọng việc trị nước giúp đời, đem đại khí trao cho trầm khi còn thơ dại, ngày đêm nơm nớp lo sợ, đứng ngồi không yên. Trầm tự nhủ rằng: "Trên đã không cha mẹ để nương nhờ, dưới sợ chẳng đủ đáp lòng mong ngóng thành thật của lê-dân, vậy biết làm sao đây"? Trầm suy nghĩ: "Chi bằng hãy lui về chốn núi rừng, tìm hiểu Phật giáo, để tỏ rõ việc lớn của sanh tử, để báo đáp đức cù - lao, chẳng cũng tốt lắm sao!

Bởi thế, chí trầm đã quyết định. Năm thứ 5, niên hiệu Thiên - Ứng Chính-Bình vào đêm mùng 3 tháng 4 năm Bính Thân (1236), trầm mặc thường đi ra cửa cung, bảo tả hữu rằng: "Trầm muốn ra ngoài thành du ngoạn, lắng nghe tiếng nói của dân, xem chí nguyện của dân, ngõ hầu mới biết được sự gian nan của họ." Lúc đó tả hữu theo bên trầm chẳng quá bảy tám người. Vào giờ hội đêm ấy, trầm một mình một ngựa cất bước ra đi.

Sang sông đi về phía đông, trầm mới thật tỉnh bảo cho những người theo hầu biết. Họ rất ngạc nhiên đều ứa hai hàng lệ. Giờ Mão ngày hôm sau, đi đến bến đò Đại Than núi Phả Lại, trầm sợ có người biết, phải lấy áo che mặt qua sông, rồi theo đường núi mà đi. Tới tối, vào nghỉ ở chùa Giác Hạnh, đợi đến sáng lại đi. Núi hiểm suối sâu, treo lọi chật vật, ngựa mệt mỏi không thể tiến được, trầm phải bỏ ngựa, vịn vào vách đá mà đi mãi tới giờ Mùi mới đến sườn núi Yên Tử. Sáng hôm sau, trầm leo thẳng lên đỉnh núi, tham kiến Trúc Lâm Đại Sa môn Quốc sư. Quốc sư chợt thấy mừng rỡ, ung dung bảo trầm rằng:

"Lão tăng lâu ở núi rừng, xương cứng đáng gãy, ăn quả cây, nếm lá ngọt, uống nước suối, vui cảnh rừng, tâm tựa mây trôi, theo gió mà đến. Nay bệ hạ bỏ cái thể nhân chu, nghĩ đến cảnh núi rừng, hẳn có điều mong cầu chi mà đến đây vậy"! Trầm nghe lời Quốc sư nói bỗng nhiên nước mắt ràn rụa, thưa với Quốc sư: "Trầm tuổi còn thơ dại, vội mất song thân. Đứng một mình trên đám sĩ dân, không chỗ nương tựa. Lại nghĩ tới sự nghiệp của đế vương đời trước, hưng phế, thịnh suy bất thường, nên trầm vào núi đây, chỉ mong cầu làm Phật, chẳng cầu vật gì khác."

Quốc sư đáp: "Trong núi vốn không Phật, Phật chỉ có trong tâm. Tâm vắng lặng mà biết, đó gọi là chân Phật. Nay bệ hạ nếu ngộ được

tâm ấy, thời tức khắc thành Phật, không phải nhọc công tìm đâu xa".

Bấy giờ, Trần Công là thúc phụ của trầm, em họ đấng tiên quân ký thác con cô, sau khi ngài từ giả cõi đời và quần thần, được trầm phong chúc Thái sư tham chính việc nước. Nghe tin trầm ra đi, bèn sai tả hữu chia ngã đi khắp nơi để tìm tung tích. Tất cả mọi người đã tìm đến núi này, đã cùng gặp nhau.

Trần Công thống thiết nói: "Bây tôi chịu lời uỷ thác của đấng tiên quân, thờ bệ hạ làm chủ thần dân, dân trông chờ ở bệ hạ, như con đồ mong chờ cha mẹ. Nửa là hiện nay bậc cổ lão trong triều đình, đều là những người trong họ hàng thân thích. Lê dân sĩ thứ đều vui mừng quy thuận. Ngay như đứa trẻ 7 tuổi, 8 tuổi cũng biết bệ hạ làm cha mẹ dân. Và lại, Thái tổ bỏ bầy tôi mà đi, đất trên năm mồ chưa khô, lời di chúc còn văng vẳng bên tai. Mà nay, bệ hạ lại giấu hành tích trong núi rừng, ẩn cư để thoả chí riêng mình. Cứ theo ý thần, bệ hạ làm kế tự tu có thể được, nhưng còn quốc gia xã tắc thì sao? Xem ra, lấy lời nói suông để chỉ bảo người sau, chi bằng lấy thân mình vì thiên hạ làm trước. Bệ hạ nếu không nghĩ lại, bọn thần cùng mọi người, xin cùng chết ngày nay, quyết chí không quay trở về."

Trầm thấy thái sư và các cổ lão quần thần, không có ý định bỏ trầm. Trầm bèn đem lời nói đó thưa với Quốc sư. Quốc sư nắm tay trầm mà nói: "Phàm làm đấng nhân quân, phải lấy ý muốn của thiên hạ làm ý muốn của mình, lấy tâm thiên hạ làm tâm của mình. Nay thiên hạ muốn đón bệ hạ về triều, bệ hạ không thể không trở về được. Song, việc tham cứu nội điển, xin bệ hạ luôn luôn để tâm, chớ quên."

Bởi thế, trầm cùng mọi người lại trở về Kinh, miễn cưỡng lên ngôi báu. Trong khoảng thời gian mười mấy năm, phàm gặp cơ hội việc nước nhàn rỗi, trầm thường tụ tập các bậc kỳ đức để tham thiền hỏi đạo và nghiên cứu các kinh điển đại giáo. Trầm thường đọc kinh Kim cương, có lần đọc đến câu: "Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm"(không nên trụ trước nơi nào, mới sanh được tâm chân chánh), vừa lúc bỏ quyển kinh trầm ngâm, bỗng nhiên tự ngộ. Trầm đem chỗ ngộ đó mà làm ra bài ca này, đề tên là "Thiền Tông chỉ nam". Năm ấy, Quốc sư xem xong, ba lần tán thán rằng: "Tâm của chư Phật hết ở trong sách này, sao không đem khắc ván in chư Kinh để dạy kẻ

hậu học⁽³⁾?”.

Bài tựa do tác giả viết nên rất đáng tin cậy, nội dung bài tựa có khác với những gì mà bộ sử Đại Việt sử ký toàn thư do Ngô Sĩ Liên biên soạn. Bài tựa đã lý giải các vấn đề có liên quan đến thân thế và sự nghiệp của Trần Thái Tông một cách rõ ràng và quý giá. Năm 1236, Trần Thái Tông đã đến tuổi trưởng thành, đủ tri thức và có chính kiến trước các vấn đề liên quan quốc sự và cá nhân mình ảnh hưởng đến vương triều nhà Trần. Hẳn nhiên, thời gian trước đó, từ 8 tuổi đến 18 tuổi thì Trần Thái Tông phải dựa vào bố là Trần Thừa và chú là Trần Thủ Độ. Trong mười năm đầu này, Trần Thái Tông không có phản ứng gì. Việc bị ép lấy chị dâu đang mang thai và phong làm hoàng hậu là ý đồ của Trần Thủ Độ nhằm đáp ứng nhu cầu quyền lợi của vương triều nhà Trần. Nhưng sau đó, Trần Thái Tông đã tỏ rõ quan điểm lập trường và tâm tư tình cảm trong các mối quan hệ và trở thành vị vua anh minh. Cho nên, nếu nói theo Ngô Sĩ Liên trong Đại Việt sử ký toàn thư: “ở chốn phòng the có điều hổ thẹn” là hoàn toàn không chính xác.

Sự kiện nhà vua bỏ kinh thành, lên núi Yên Tử cầu làm Phật rồi tham vấn Quốc sư, lắng nghe ý kiến Trần Thủ Độ và các bô lão đại thần và sau đó là sự ứng xử khoan dung độ lượng khi Trần Liễu làm loạn, qua cử chỉ anh em ôm nhau khóc, chứ không có chém giết nhau, lại cấp đất, phong tước cho Trần Liễu đủ minh chứng tinh thần hoà thuận, tất cả vì đại sự quốc gia là trên hết. Việc này, sau đó, một vị vua Trần đã làm thơ ca ngợi tấm lòng khoan dung ngời sáng ấy qua việc so sánh hành động ứng xử giữa Trần Thái Tông ở Việt Nam và Đường Thái Tông ở Trung Hoa: Đường Việt khai cơ lưỡng Thái Tông, Bĩ xưng Trinh Quán, ngã Nguyên Phong. Kiến Thành chu tử, An Sinh tại, Miếu hiệu tuy đồng, đức bất đồng⁽⁴⁾ (mở đầu, triều đại nhà Đường Trung Hoa và triều đại nhà Trần Việt Nam là hai vị vua đồng hiệu Thái Tông; Họ xưng là Trinh Quán, ta là Nguyên Phong; Kiến Thành thì chết, An Sinh thì sống; Miếu hiệu tuy có giống nhau, nhưng đức chẳng giống nhau).

Trần Thái Tông không phải là người có trái tim lãnh cảm, nhất là trong tình yêu. Theo Đại Việt sử ký toàn thư, Lý Chiêu Hoàng cảm mến

Trần Thái Tông khi còn nhỏ và Trần Cảnh cũng đã yêu thương Lý Chiêu Hoàng thật sự. Họ đã kết duyên thành vợ thành chồng. Tình cảm đó không chỉ nói lên tình yêu lứa đôi nồng thắm mà còn được nâng lên bằng cả tấm lòng kính trọng tôn quý của bậc đế vương khi Lý Chiêu Hoàng tuyên cáo trước thần dân về việc nhường ngôi cho chồng “Nay trẫm tính đi suy lại một mình, chỉ được Trần Cảnh, văn chất rực rỡ, thật là thể cách thánh hiền quân tử. Uy nghi lẫm liệt, có tư bẩm văn võ thánh nhân, dẫu vua Cao Tổ đời Hán, Thái Tông nhà Đường cũng không hơn được⁽⁵⁾”

Việc nhà vua bỏ ngôi lên núi rồi quyết định trở về kinh đô trong vai trò lãnh đạo tối cao của nước Đại Việt là hợp với tâm nguyện của dân tộc, hợp ý nguyện làm Phật của mình. Nghe lời khuyên của Quốc sư Phù Vân và theo tiếng gọi của “Quốc gia xã tắc” mà Trần Thái Tông trở về kinh đô hoàn thành đại nguyện trên. Khi đất nước thanh bình thì nhà vua lo “làm cán cân cho hậu thế, làm khuôn phép cho tương lai”; lúc có chiến tranh thì làm tướng đi đánh giặc “xông vào mũi tên làn đạn”, khi nhàn rỗi thì hội kiến “các bậc kỳ đức để tham thiền học đạo và nghiên cứu các kinh điển đại giáo”; làm vua nhưng “xem thường vinh hoa phú quý, có thể từ bỏ ngai vàng không chút luyến tiếc”. Đúng như sử gia Ngô Thì Sĩ đã viết trong Việt sử tiêu án “bỏ ngai vàng như trút chiếc giày rách”. Trần Thái Tông xứng đáng là “gương mặt văn hoá đẹp và lạ đến khác thường trong lịch sử Việt Nam⁽⁶⁾”. ●



Mộ Trần Thái Tông, nhà vua đầu tiên của nhà Trần (ảnh internet).

3. Trần Thái Tông, Khó khăn hực, Đào Duy Anh dịch và giới thiệu, Nxb KHXH, Hà Nội, tr. 112 – 115.

4. Nguyễn Đăng Thục, Thiền học Trần Thái Tông, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội tái bản, 1996, tr. 27.

5. Ngô Sĩ Liên, Đại Việt sử ký toàn thư, tập 1, 2, Viện Sử học dịch, Nxb KHXH, Hà Nội, tái bản, 1998, tr. 8.

6. Quỳnh Cư – Đỗ Đức Hùng, Các triều đại Việt Nam, Nxb Thanh Niên, TP. HCM, 1995, tr. 100.

Lực Lượng Sáng Tác Văn Học Phật Giáo THỜI LÝ - TRẦN

Lý Thị Mai

Hội Khoa Học Lịch Sử TP. HCM
(tiếp theo & hết)

NHÀ SƯ VÀ CÁC TÁC GIẢ GIÀU THIỆN CẢM VỚI NHÀ PHẬT LỰC LƯỢNG SÁNG TÁC QUAN TRỌNG DƯỚI THỜI TRẦN (1226-1400)

Trải một thời kỳ phát triển lâu dài của nền giáo dục và thi cử Nho học, đến đây đội ngũ Nho sĩ đã khá đông. Họ không chỉ làm việc trong bộ máy nhà nước mà còn tích cực tham gia sáng tác văn học và điều này đã khiến cho lực lượng cầm bút biến đổi rất mạnh mẽ. Xu hướng chung là Nho sĩ ngày càng chiếm ưu thế và đến cuối thời Trần thì Nho sĩ đã trở thành lực lượng áp đảo. Mặc dù vậy, các Nhà sư và Đạo sĩ vẫn tiếp tục tham gia sáng tác văn học, triết lý Phật giáo và Đạo giáo vẫn gây ảnh hưởng khá mạnh đến các tác giả đương thời. Tìm hiểu thành phần xuất thân và đặc biệt là phân tích tư tưởng thể hiện trong tác phẩm, chúng tôi thấy dưới thời Trần có 60 tác giả lớn, trong đó:

- 7 tác giả về cuối đời đã xuất gia tu hành

- 5 tác giả luôn bày tỏ thái độ thiện cảm với nhà Phật

- 48 tác giả còn lại chủ yếu bị chi phối bởi triết lý của Nho gia. Tuy là từng nhiều lần đến ngâm vịnh xướng họa ở chùa chiền và đền miếu nhưng họ ít chịu ảnh hưởng của tư tưởng Phật học và Đạo học.

Nhóm thứ nhất và nhóm thứ hai với tổng số 12 tác giả, đành không phải là nhiều nhưng điều đáng nói là tác phẩm của họ đã để lại dấu ấn rất sâu sắc, chẳng những đối với văn học Phật giáo mà còn là đối với cả nền văn học dân tộc đồ sộ. Nay xin được sơ bộ liệt kê như sau:

1. Bày tác giả về cuối đời đã xuất gia tu hành

- Trần Thái Tông tên thật là Trần Cảnh, Hoàng Đế đầu tiên của nhà Trần. Ông sinh năm 1218, lên ngôi Hoàng Đế năm 1226, ở ngôi 32 năm (1226-1258), làm Thượng Hoàng 19 năm (1258-1277), mất năm 1277, hưởng thọ 59 tuổi. Về cuối đời, ông tu theo dòng Lâm Tế. Trần Thái Tông là tác giả của Khóa Hư Lục. Sáng tác của ông không chỉ dừng lại ở những xúc cảm về đức tin hay về sự cảm khái trước kho kinh sách khổng lồ của nhà Phật hoặc những bài kệ phảng phất chút cao hứng nhất thời của bậc tu hành, mà hơn thế nữa, còn thể hiện kiến thức Phật học rất uyên thâm. Lời kệ khuyên đời của ông gọn gàng mà sâu sắc:

*Sinh, lão, bệnh, tử
Là lẽ tự nhiên
Cầu mong giải thoát
Càng thêm rối ren⁽¹⁾*

1. Nguyên tác Hán văn. Lời dịch của Nguyễn Khắc Thuần.

- Trần Thánh Tông tên thật là Trần Hoảng, đời Hoàng Đế thứ hai của nhà Trần, sinh năm 1240, lên ngôi năm 1258, ở ngôi Hoàng Đế 20 năm (1258-1278), làm Thượng Hoàng 12 năm (1278-1290), mất năm 1290, hưởng thọ 50 tuổi. Về cuối đời, Trần Thánh Tông tu theo dòng Lâm Tế và là đời tổ thứ ba của dòng này. Tác phẩm Trần Thánh Tông để lại có Hành cung Thiên Trường, Cung viên nhật hoai cực và một số bài kệ.

- Trần Nhân Tông tên thật là Trần Khâm, đời Hoàng Đế thứ ba của nhà Trần, sinh năm 1258, lên ngôi năm 1278, ở ngôi Hoàng Đế 15 năm (1278-1293), làm Thượng Hoàng 6 năm (1293-1299), xuất gia tu hành 9 năm (1299-1308), đạo hiệu là Điều Ngự Giác Hoàng, mất năm 1308, hưởng thọ 50 tuổi. Trần Nhân Tông là người khai sáng và cũng là đời tổ thứ nhất của dòng Trúc Lâm Yên Tử. Ông là tác giả của Trần Nhân Tông Thi Tập⁽²⁾, Đại Hường Hải Ấn Thi Tập⁽³⁾, Và Cư Trần Lạc Đạo. Trong thơ Trần Nhân Tông, thiên nhiên luôn có một vẻ đẹp thật tao nhã và gần gũi đến đáng yêu:

*Đèn soi lưng cửa, sách đẩy giường
Sân thu đêm lạnh buốt hơi sương
Xóm vải canh khuya chày lặng tiếng
Cao cao hoa mọc một vầng trăng⁽⁴⁾*

Ngay cả khi đã xuất gia tu hành, sáng tác của ông không phải lúc nào cũng đậm một màu thiền:

*Đất vắng dài thêm cổ
Ngày qua xuân chứa nong
Gần xa mây núi ngắt
Nắng rợp ngô hoa thông
Muốn việc nước trời nước
Trăm năm lòng nhủ lòng
Tựa lan, nâng ống sáo
Đầy ngực ánh trăng lồng⁽⁵⁾*

- Đồng Kiên Cương (1284-1330) là đời tổ thứ hai của dòng Trúc Lâm Yên Tử, đạo hiệu là Pháp Loa. Tác phẩm ông để lại cho đời khá nhiều trong đó có bài kệ viết lúc cuối đời rất cảm động:

Duyên trần đã cắt, tấm thân nhàn

2. Những tác phẩm viết lúc còn ở ngôi Hoàng Đế và ngôi Thượng Hoàng.

3. Những tác phẩm viết lúc đã xuất gia tu hành.

4. Bài Vịnh nguyệt trong Trần Nhân Tông Thi Tập. Nguyên tác Hán văn. Lời dịch của Nguyễn Khắc Thuần.

5. Bài Đăng Báo Đài sơn trong Đại Hường Hải Ấn Thi Tập. Nguyên tác Hán văn. Lời dịch của Ngô Tất Tố.



Tượng Phật Quá khứ và Hiện tại (trong bộ Tam thế Phật) chùa Bút Tháp (Bắc Ninh), điêu khắc Phật giáo thế kỷ XVII, gỗ phủ sơn (ảnh internet).

*Bốn chục năm dư, cõi mộng tàn
Chào nhé, xin đừng vương vấn nữa
Kìa trông trắng gió trái thênh thang⁽⁶⁾*

- Lý Đạo Tái (1254-1334) cũng có sách viết là Trần Đạo Tái. Ông là đời tổ thứ ba của dòng Trúc Lâm Yên Tử, đạo hiệu là Huyền Quang. Lý Đạo Tái xuất thân là Nho sĩ, đỗ đầu khoa Đại Tỵ (1274)⁽⁷⁾. Sau khi đã đỗ đạt và làm quan một thời gian, Lý Đạo Tái mới xuất gia tu hành theo Phật giáo. Thơ văn của ông lời lẽ rất thanh thoát :

*Người ở trên lầu, hoa dưới sân
Khói hương, sầu muộn tự tan dần
Vạn vật có đầu lòng ganh tỵ
Hoa nở bốn phương chẳng ngại ngần⁽⁸⁾*

- Trần Tung (1231-1291) là con của Trần Liễu, em cùng cha khác mẹ của Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn. Ông từng là

6. Nguyên tác Hán văn. Lời dịch của Nguyễn Khắc Thuần.

7. Đại Tỵ cũng có quy mô và vị trí tương tự như thi Hội và thi Đình.

8. Bài Cúc hoa (hoa cúc). Nguyên tác Hán văn. Lời dịch của Nguyễn Khắc Thuần.

vị tướng đã lập được nhiều công lao trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông Nguyên nhưng khi thái bình thì ông xuất gia tu hành, đạo hiệu là Tuệ Trung Thượng Sĩ. Tác phẩm lớn nhất ông đã để lại cho đời là Tuệ Trung Thượng Sĩ Ngữ Lục. Tuy đã xuất gia tu hành nhưng lòng ông vẫn canh cánh nỗi lo cho đời:

*Thương gốc tùng xanh đã bấy nay
Chẳng tham thế đứng lệch hay ngay
Thối lạ chưa dùng làm rường cột
Phía trước cỏ hoa cứ nở đầy⁽⁹⁾*

- Sa Môn Tùng Nhân: hiện chưa rõ thế danh, nguyên quán, năm sinh và năm mất, chỉ biết ông sống vào thời Trần. Tác phẩm mà Sa Môn Tùng Nhân để lại là một số bài kệ.

2. Năm tác giả luôn bày tỏ thái độ thiện cảm với nhà Phật

- Chiêu Minh Đại Vương Trần Quang Khải (1241-1294) là con của Hoàng Đế Trần Thái Tông (1226-1258). Sinh thời, nhờ lập được nhiều công lao trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông Nguyên lại cũng là người có tài xét việc nên ông được triều đình phong tới hàm Thái Sư, chức Tướng Quốc. Ông là tác giả của Lạc Đạo Tập và một số bài thơ như Tùng giá hoàn kinh, Phúc Hưng viên, Lưu Gia độ, Xuân nhật hữu cảm... Trong số này, Lưu Gia độ (Bền Lưu Gia) là bài rất được khen tụng :

*Cây xanh cao ngất bến Lưu Gia
Nhớ thuở theo phò xa giá qua
Tháp cũ, đình xưa ven sông tả
Đền hoang, mộ cổ bóng dương tà
Ngàn dặm thái bình còn ghi đó
Trăm năm nhà Lý đã trôi qua
Đầu bạc, khách thơ cùng tương ngộ
Hoa mai, bóng nước tựa tuyết sa⁽¹⁰⁾*

- Trần Anh Tông tên thật là Trần Thuyên, đời Hoàng Đế thứ tư của nhà Trần, sinh năm 1276, lên ngôi năm 1293, ở ngôi Hoàng Đế 21 năm (1293-1314), làm Thượng Hoàng 6 năm (1314-1320, mất năm 1320, hưởng dương 44 tuổi). Sinh thời, Trần Anh Tông thường lên núi Yên Tử tụ họp các Nhà sư, từng cho xây gác Ánh Vân ở núi Yên Tử và tương truyền là từng có tập Thủy Vân Tùy Bút nhưng trước khi qua

đời thì sai người đốt đi.

- Trần Nghệ Tông tên thật là Trần Phủ, con của Trần Minh Tông, sinh năm 1321, lên ngôi năm 1370, ở ngôi Hoàng Đế 2 năm (1370-1372) làm Thượng Hoàng 22 năm (1372-1394), mất năm 1394 hưởng thọ 73 tuổi. Trần Nghệ Tông là người rất giàu thiện cảm với cả Phật giáo và Đạo giáo.

- Đỗ Nguyên Chương sống vào thời Trần. Năm 1336, ông là người lo tu sửa chùa Ông Lâu (Vũ Thư, Thái Bình) và viết bài văn bia ghi lại sự kiện này. Đọc bài văn bia ấy, Bảng Nhãn Lê Quý Đôn khen ông là bậc "văn chương ưu tú thời Trần". Tuy sáng tác không nhiều nhưng trong tác phẩm của mình, ông luôn bày tỏ sự tôn kính đặc biệt đối với nhà Phật.

- Đặng Lan Chung người cuối thời Trần, từng là Hàn Lâm Thị Giảng của triều đình Trần Thuận Tông (1388-1398). Cũng như Đỗ Nguyên Chương, ông là người rất giàu thiện cảm với nhà Phật.

Kể ra, thư tịch cổ còn kể tên nhiều tác giả nữa, nhưng, do chưa có điều kiện để đọc và phân tích hết tác phẩm nên chúng tôi chỉ xin sơ bộ liệt kê một danh sách như trên. Lực lượng sáng tác văn học Phật giáo chẳng những đã góp phần làm rạng rỡ cho lịch sử Phật giáo mà còn thực sự góp phần tô thắm thêm vẻ đẹp của Thăng Long ngàn năm văn hiến.

Vào thời Lý và thời Trần, Phật giáo rất phát triển, các bậc tu hành luôn được triều đình và xã hội tôn kính, nhưng nếu nhìn ở chiều hướng khác, chúng ta sẽ thấy rất rõ rằng, các bậc tu hành cũng rất xứng đáng với sự tôn kính đó. ●



Phù điều Thập điện Diêm vương chùa Huyền Kỳ (Hà Tây), thế kỷ XIX (ảnh internet).

9. Bài Giản đề tùng (cây tùng dưới khe). Nguyên tác Hán văn. Lời dịch của Nguyễn Khắc Thuần.

10. Nguyên tác Hán văn. Lời dịch của Nguyễn Khắc Thuần.



Phỏng vấn

Diễn Viên HÀ QUỲNH ANH

Hẹn gặp Quỳnh Anh vào một dịp cuối thu, khi những chiếc lá vàng nhường chỗ cho những mầm non được xanh lên, khi những cơn mưa cuối mùa cũng nhẹ hạt. Với dáng người xinh xắn, dễ thương và hết sức mộc mạc, chân phương làm cho chúng tôi càng quý mến hơn.

PV: Chào Quỳnh Anh! Được biết Quỳnh Anh là một diễn viên trẻ, rất đam mê nghệ thuật xin Quỳnh Anh cho biết nhân duyên nào đã đưa Quỳnh Anh đến với con đường nghệ thuật?

Quỳnh Anh: Cuộc đời mọi thứ đều bắt đầu bằng một sự hội ngộ, tình cờ, tương phùng, ... mà nhà Phật đã dùng một chữ "Duyên" để ám chỉ sự bắt đầu của mọi viễn mối. Quỳnh Anh cũng vậy, như một sự tình cờ nên Quỳnh Anh và mọi người hội ngộ nhau hôm nay, Quỳnh Anh đến với nghệ thuật Điện Ảnh cũng do một chữ duyên trong một lần Casting Quỳnh Anh đã bắt đầu đến với những vai diễn khiêm tốn và đó chính là tiền đề cho những vai diễn chính của Quỳnh Anh sau này.

PV: Trước khi gặp Quỳnh Anh, chúng tôi cứ nghĩ là diễn viên chắc có lẽ Quỳnh Anh là một cô gái kiêu sa và lộng lẫy, nhưng trái lại trước mặt chúng tôi một Quỳnh Anh rất giản dị, thân thương. Phải chăng lối sống mộc mạc, giản dị này là vì Quỳnh Anh được thừa hưởng bởi nếp sống và truyền thống gia phong của gia đình?

Quỳnh Anh: Diễn viên là một người của công chúng, thế nên diện mạo, hình thức khi xuất hiện trước công chúng cũng khá quan trọng. Chúng ta tương ngộ hôm nay Quỳnh Anh là Quỳnh Anh thực chứ không phải là Quỳnh Anh của công chúng, một Quỳnh Anh theo truyền thống Phật đạo, một người con, một Phật tử. Bản thân Quỳnh Anh từ nhỏ theo mẹ được thấm nhuần tư tưởng hiếu đạo, tri túc, thế nên



Hoài Lan

ông bà có bảo "Xóm chài tanh cá, làng nhang thơm trầm" ít nhiều Quỳnh Anh cũng được học và hiểu nhiều điều từ mẹ, từ bà.

PV: Được biết Quỳnh Anh không những là một sinh viên hiếu học, diễn viên đầy tiềm năng, một người con hiếu thảo, điều gì đã giúp cho Quỳnh Anh làm được điều đó?

Quỳnh Anh: Quỳnh Anh không dám nghĩ là mình trọn vẹn như thế vì "nhân vô thập toàn", nhưng trong sâu thẳm Quỳnh Anh xuất thân trong gia đình có hoàn cảnh đặc biệt được mẹ và bà thương yêu hết mực. Mẹ đã tần tảo nuôi Quỳnh Anh nên dù cho một lần Quỳnh Anh cũng không dám nghĩ là mình sẽ làm cho mẹ buồn cho nên, làm chuyện gì Quỳnh Anh cũng làm bằng hết khả năng cho mẹ được vui thế là đủ. Thuở bé Quỳnh Anh đã được mẹ thương yêu hết mực đúng với câu: Mẹ mãi muôn đời mẹ của con.

PV: Xin Quỳnh Anh cho biết cơ duyên nào đã giúp Quỳnh Anh biết đến Phật Pháp?

Quỳnh Anh: Có lẽ cuộc đời là những biến cố, thay đổi. Trong một lần đi chùa, Quỳnh Anh nghe các sư giảng về khổ nhưng ít ai biết đến nguyên nhân của nó, những người trẻ, khỏe ít ai đi chùa biết sửa mình đến khi đối diện với những oan nghiệt, biến cố, già nua họ mới nghĩ đến chùa chiền. Có lẽ mọi thứ là do một chữ duyên thôi, ngày mà Quỳnh Anh và mẹ đau khổ nhất chính là lúc Ba mất trong một vụ tai nạn khi đó Quỳnh Anh còn quá

nhỏ, mẹ thì phải cực khổ gồng gánh nuôi 4 đứa con và một mẹ già, nếu không gặp được Phật Pháp, hiểu về bản chất của sự vô thường thì mẹ khó có thể vượt qua giai đoạn khó khăn đó, giờ đây nhắc đến Quỳnh Anh thấy thương mẹ lắm.

PV: Với áp lực của cuộc sống, vừa học vừa đi diễn, xin Quỳnh Anh cho biết Phật Pháp đã mang đến những lợi ích nào cho Quỳnh Anh?

Quỳnh Anh: Con người luôn có những nhu cầu về vật chất và tinh thần, thế nên chỗ dựa lớn lao cho gia đình Quỳnh Anh chính là những triết lý của đạo Phật. Nó là phương pháp luyện tâm nhà Phật gọi là thiền tập. Khi Quỳnh Anh cảm thấy buồn, đau khổ, thất vọng hay những áp lực cuộc sống thì Quỳnh Anh liền nghĩ đến lời dạy của Phật về bản chất của cuộc đời và thực hành phương pháp luyện tâm, loại bỏ những muộn phiền và áp lực cuộc sống.

PV: Được biết Quỳnh Anh đã đóng rất nhiều phim, xin Quỳnh Anh cho biết kỷ niệm nào mà Quỳnh Anh khó quên nhất và vai diễn nào đã để lại nhiều cảm xúc cho Quỳnh Anh?

Quỳnh Anh: Cuộc đời là một bi kịch, mỗi người là một diễn viên đó là câu nói mà Quỳnh Anh cứ nhớ mãi. Thế nên, mỗi một vai diễn Quỳnh Anh luôn nghĩ đó là mình, một Quỳnh Anh giữa cuộc đời rồi mình vào vai diễn như là bản thân mình trải nghiệm. Có lẽ ấn tượng nhất đó chính là vai diễn Mạc Ngôn trong phim Ngôi Sao Số 31, Quỳnh Anh cứ ngỡ Quỳnh Anh và Mạc Ngôn là một, như một cuốn phim cuộc đời Quỳnh Anh. Một cô bé hiền hòa nhân ái, học giỏi luôn giúp đỡ bạn bè và mọi người nhưng lại bị bỏ rơi, cô bé tội nghiệp được người đàn ông xa lạ nhận nuôi dưỡng, thế là hai cha con sống nương tựa vào nhau nơi căn phòng nhỏ bé, cô bé cố gắng thi vào trường nổi tiếng để học với ước muốn là làm cho ba vui và khỏi bệnh nhưng cuối cùng thì người cha ấy cũng qua đời vì căn bệnh lao hiểm nghèo.

PV: Trước một xã hội đầy xa hoa, cám dỗ đặc biệt là nghệ thuật, nhưng chúng tôi lại gặp một Quỳnh Anh hết sức chân phương, mộc mạc. Phải chăng đạo Phật đã giúp cho Quỳnh Anh có một cách nhìn thực tế hơn?

Quỳnh Anh: Mẹ Quỳnh Anh thường bảo

cuộc sống luôn vô thường, biến hoại, không có gì là vĩnh cửu thế nên, tất cả mọi thứ thiên hạ cho là xa hoa, lộng lẫy ấy chỉ là một sự hào nhoáng bên ngoài. Theo Quỳnh Anh, một người đẹp thực sự phải là một người đẹp tự tâm, là một người biết làm tròn những bổn phận trong cuộc đời chứ không phải giá trị bởi những sự hào nhoáng bề ngoài ấy.

PV: Ước vọng của Quỳnh Anh trong sự nghiệp diễn viên và nghệ thuật là gì?

Quỳnh Anh: Bản thân Quỳnh Anh là một diễn viên chỉ mong đem hết khả năng diễn xuất của mình hòa quyện với vai diễn là một, để hoàn thành vai diễn thật tốt để lại trong lòng khán giả ấn tượng. Hiện tại, Quỳnh Anh cũng đã diễn rất nhiều phim hy vọng sẽ được công chúng đón nhận và ủng hộ Quỳnh Anh trong con đường nghệ thuật.

PV: Xin Quỳnh Anh có vài lời nhắn gửi với các bạn trẻ, đặc biệt là những bạn trẻ theo đuổi nghệ thuật diễn xuất?

Quỳnh Anh: Mặc dù đã đóng khá nhiều phim và quảng cáo, nhưng Quỳnh Anh nghĩ mình còn phải cố gắng học hỏi kinh nghiệm từ những diễn viên gạo cội và con đường nghệ thuật là một con đường hết sức chông gai. Nghệ thuật thì trước tiên phải có đam mê và phải cố gắng học hỏi, phải cố gắng làm được nhiều điều để cống hiến cho nghệ thuật cho khán giả và đặc biệt phải kiên nhẫn. Xin các bạn trẻ nhớ là thành công không thể thiếu nhẫn nại.

PV: Xin cảm ơn Quỳnh Anh đã dành thời gian quý báu cho buổi phỏng vấn đầy đạo vị hôm nay, chúc Quỳnh Anh luôn mãi là một diễn viên xuất sắc, một người con ngoan, một người cháu hiền và luôn tỏa sáng trong bầu trời nghệ thuật Điện ảnh. ●



10 lý do để mỉm cười



1. Mỉm cười đẹp hơn cái nhúu mày của chúng ta.
2. Mỉm cười làm chúng ta vui vẻ thêm.
3. Mỉm cười khiến ngày tháng chúng ta đã và sắp đi qua trở nên có ý nghĩa.
4. Mỉm cười giúp ích đối với việc kết bạn.
5. Mỉm cười biểu thị sự thân thiện, dễ gần.
6. Mỉm cười tạo nên một ấn tượng tốt cho người khác.
7. Mỉm cười với người khác, người khác cũng sẽ mỉm cười với bạn.
8. Nếu bạn mỉm cười thì bạn càng trở nên tự tin và thu hút hơn.
9. Nụ cười của bạn sẽ làm giảm bớt sự lo lắng của người khác.
10. Một nụ cười có thể giúp bạn có tình yêu đích thực.

Những Nỗi Khổ Của NHÂN GIAN

Nguyễn Hữu Hiếu

Sinh viên Đại học Kiến trúc TP. HCM

Mới chào đời thì đứa trẻ nào cũng khóc. Điều đó báo hiệu một cuộc sống nhiều thử thách đang chờ đợi chúng. Không nơi nào yên ổn bằng lòng Mẹ, bởi thế phải luôn biết ơn Mẹ. Lớn lên, va vấp nhiều mới biết thương Cha Mẹ. Dạy con em xong, nhiều phụ huynh luôn áy náy “Liệu hình phạt mình đưa ra với chúng có quá lắm không?”. Đau khổ nhất là sinh con ra mà nuôi nó không nên người, nước mắt chảy xuôi mà. Có người ra xã hội rất thành đạt nhưng về nhà nói con cái không được. Có làm trâu, làm ngựa mà con cái thành đạt thì cũng vô cùng hạnh phúc. Mỗi cây mỗi hoa, mỗi nhà mỗi cảnh, chẳng biết đường nào mà lần.

Phật giáo cho rằng cuộc sống là khổ, ít nhất có tám nỗi khổ (bát khổ): sinh, lão (già), bệnh (ốm đau), tử (chết), thụ biệt ly (thương yêu nhau phải xa nhau), oán tăng hội (oán ghét nhau nhưng phải sống gần nhau), sở cầu bất đắc (mong muốn nhưng không được), ngũ thụ uẩn (năm yếu tố uẩn tụ lại nung nấu làm khổ sở). Nhiều điều muốn làm mà lực bất tòng tâm. Đồng tiền gần liền khúc ruột, không có tiền làm gì cũng khó, có tiền rồi thì lại khổ cái khác. Đủ thứ khổ: khổ lực sướng tâm, khổ tâm sướng lực. Sướng khổ tại tâm. Việc hư mà tâm thành thì còn sửa được. Việc thành mà tâm hư thì khó giải quyết lắm. Trách nhiệm và chịu đựng là hai từ để phân biệt trẻ con với người lớn. Đời đưa mình tới đâu thì mình trôi theo tới đó. Có cái chữ không chưa đủ, đời còn bao nhiêu thứ phải lo. Việc học là học cả đời. Có những thứ mà một người già phải học hỏi đứa trẻ mới lên ba.

Đọc báo về những mảnh đời bất hạnh, thấy giờ bệnh tật nhiều quá: khối u nặng cả kilôgam, xương thủy tinh, não úng thủy... Cuộc đời hữu hạn mà đất trời thì vô hạn. Phải đối diện với sự thật, đừng lẩn tránh nó. Bởi càng lẩn trốn, nó càng tìm đến bạn. Hãy tiến hành kiêng khem cho những suy nghĩ của

mình. Cắt bỏ mọi suy nghĩ yếu đuối, lãng phí mà không đem lại một giá trị dinh dưỡng nào.

Tất cả chúng ta đều bị dòng đời cuốn theo, phải nung nấu ý chí trên mỗi chặng đường. Làm gì có thành công nào mà không đánh đổi bằng mồ hôi và nước mắt. Không khó khăn nào không có cách giải quyết hết, chỉ là ta muốn giải quyết hay không mà thôi. Chín người mười ý, tam sao thất bản, miệng lưỡi thế gian kinh khủng lắm. Vừa đủ hoặc thiếu một chút là tốt nhất, sướng quá thì đâu tốt. Sự nổi tiếng, tài năng thường đi đôi với khác người và cô độc. Cô độc bởi những người quá xuất sắc thì không ai theo kịp suy nghĩ của họ. Rảnh quá thì sinh ra nghĩ quẩn, nhàn cư vi bất thiện. Thời buổi này internet là con dao hai lưỡi. Chỉ cần một cái nhấp chuột là đưa tầm mắt ra toàn thế giới. Bao nhiêu người giỏi nhờ internet, bao nhiêu tệ nạn cũng từ internet. Chết không đem theo được tiền. Tất cả mọi thứ đều qua đi, chỉ tình thương ở lại. Vì tình thương, người ta có thể làm cho nhau rất nhiều thứ.

Đi học nhiều lúc mệt lắm, không tiếp thu vào thì cũng phải cố mà nhồi cho nó vào. Có khi cái cảm giác nó giết chết chính mình, chết không phải vì răn cấm mà chết vì sợ răn cấm là vậy. Lại có lúc bệnh sĩ chết trước bệnh tim. Cái bệnh sĩ khiến người ta mù quáng.

Người nghệ sĩ nổi tiếng là thế nhưng lắm lúc lại bị thiên hạ cho là “xướng ca vô loài”. Có nhiều thứ không ai làm thay cho mình được, phải tự lực cánh sinh. Sống sao cho có phước mới là điều quan trọng, cứ làm phước cho người này rồi sẽ có người khác làm phước cho mình. Con người chúng ta cứ

tranh giành nhau đủ thứ mà cuối cùng không biết là đang tranh giành nhau cái gì. Căn nguyên của mọi thứ là tranh giành sự bình an, khi bình an thì suy nghĩ của ta rất mạnh. Có người chỉ mở miệng ra là tiền, nghĩ rằng đồng tiền đi trước đồng tiền khôn. Sai lầm! Sức khỏe và trí tuệ mới là trên hết. Khi có sức khỏe, người ta ước được một trăm điều ước. Khi không có sức khỏe, người ta chỉ ước một điều duy nhất: có sức khỏe.

Trước khi đậu đại học thì thấy đậu đại học là khó. Đậu đại học rồi thì thấy, làm thế nào để được ra trường lại càng khó hơn. Trước khi xin việc thì thấy xin được việc là khó. Xin việc được rồi lại thấy, làm thế nào để có chỗ đứng tốt trong công việc lại càng khó hơn. Trước khi yêu thì thấy yêu là khó, yêu rồi thì thấy làm thế nào để được yêu lại càng khó hơn. Cuộc sống là một chuỗi xung đột. Tôi đã từng tưởng tượng về cái chết: Tôi đi đến cuối đường hầm (vì thấy nơi đó có ánh sáng). Nhưng gần đến nơi thì cửa hầm sập xuống, một vùng không gian tối đen như mực. Tôi nhắm mắt lại, cuộc đời tôi khép lại từ đó...

Có lúc phải chọn một trong hai: "tiếng" và "miếng". Kiếm được quá nhiều tiền, lại không có tiếng tốt. Nổi tiếng với những lời khen, đời sống vật chất lại vô cùng chật vật. Một bóng đèn đã được bật, nếu vào ban ngày thì không thấy rõ ánh sáng của nó. Nhưng đặt vào bóng tối, sẽ thấy rất rõ ánh sáng nó phát ra. Cũng như giữa cuộc sống đầy rẫy phức tạp này, ai tài năng thực thụ sẽ dễ dàng tỏa sáng dù họ có bị lên bờ xuống ruộng đi nữa.

Niềm hy vọng là cánh cửa mở ra một tương lai tươi sáng sau khi đã đóng cánh cửa quá khứ lại. Mỗi ngày hãy mở cửa ra với niềm tin vào cuộc sống.

Sáng thức dậy thấy cả nhà đông đủ, khỏe mạnh là hạnh phúc lắm rồi. Ai cũng có cái khổ của mình, chẳng ai giống ai. Nếm trải và cố gắng vượt qua nó. Đường đời nhiều gặp ghềnh gian khó. ●



Cảm tác mùa thu

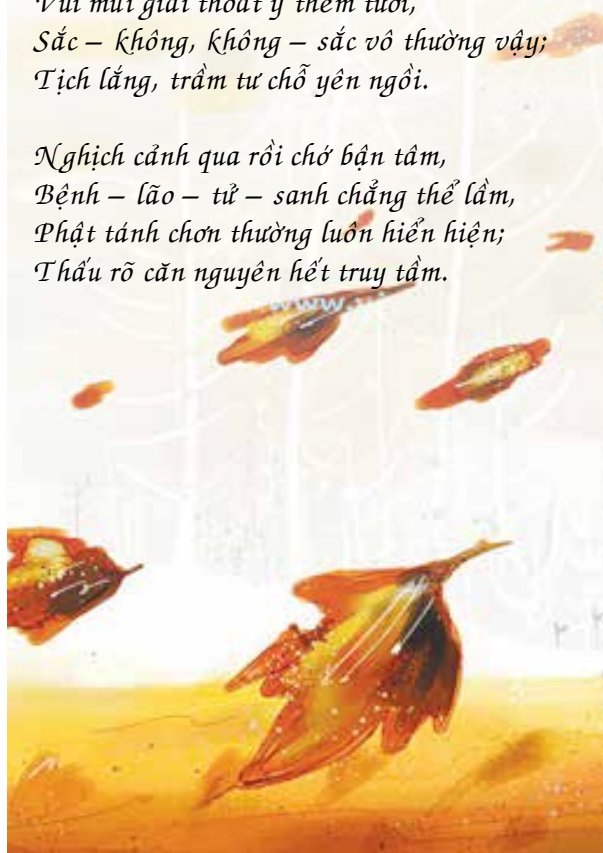
Thiện Bằng

*Thấp thoáng bóng ai dưới chân đồi,
Vàng mây nhẹ nhẹ vẫn êm trôi,
Rực rỡ hoa vàng chan sắc nắng;
Thoắt cái đàn chim đã qua rồi.*

*Nhật lá thu rơi đếm tháng ngày,
Thời gian bàng bạc tựa mây bay,
Xưa mái tóc xanh giờ điểm tuyết
Còn lại gì đây để hiển bày.*

*Từ khi gặp đạo thấy lòng vui,
Vui mùi giải thoát ý thêm tươi,
Sắc – không, không – sắc vô thường vậy;
Tịch lặng, trầm tư chỗ yên ngồi.*

*Nghịch cảnh qua rồi chớ bận tâm,
Bệnh – lão – tử – sanh chẳng thể làm,
Phật tánh chơn thường luôn hiển hiện;
Thấu rõ căn nguyên hết truy tầm.*



Khuyên đời tu niệm

Minh Tâm

Gió xuân thổi nhẹ cát bay
Xuân đi xuân đến hôm nay tới rồi
Thời gian thấm thoát qua mau
Đời người đau khổ tránh sao lỗi lầm
Thiên đường địa ngục tại tâm
Tham sân nóng giận lắm điều rối ren
Bao nhiêu cảnh vật đua chen
Làm cho tâm trí rối ren như mù
Tâm mê trí loạn lu bù
Lạc vào cảnh giới như mù đi đêm
Mong cầu tất cả hiểu thêm
Hương về chánh đạo cho yên thân này
Nguyện cầu Phật tổ Phật thầy
Ra tay cứu độ thoát dầy trầm luân
Đời là bể khổ gian truân
Sanh ra thấy khổ gian truân suốt đời
Nào là bệnh tật họa trời
Trần gian đau khổ những lời oán than
Bởi vì nghiệp báo đeo mang
Làm sao tránh khỏi không mang theo người
Khuyên chung tất cả đừng lười
Hàng đêm sám hối Phật cười độ ta
Độ cho ta hết tánh ma
Thân tâm thanh tịnh hóa ra sen vàng
Sen vàng tỏa ngát thiêng dàng
Cầu mong tất cả xếp hàng hưởng sen.

KỶ ỨC

Huệ Trắng

Kể từ lúc con vào chùa học đạo
Lúc ban đầu sao bờ ngỡ quá thôi
Lòng con đầy cứ cảm thấy bồi hồi
Cứ lo lắng một nỗi niềm khó tả
Rồi thời gian cứ trôi qua êm ả
Rồi gặp thầy gặp bạn thân thương
Gặp thầy đây chỉ dạy tận tường
Con hiểu rõ luật vô thường nhân quả
Xác thân này cũng không là gì cả
Chỉ là do tứ đại tạo thành
Do sắc tâm sắc nghiệp đồng sanh
Rồi quý tiết và cùng vật thực
Dòng suy nghĩ là do tâm thức
Được đi qua bởi lộ trình tâm
Để cho ta chớ có hiểu lầm
Rằng tạo hóa tạo ra tất cả
Mà ta hãy tin vào nhân quả
Vào những gì ta đã tạo ra
Vì chúng sanh trong cõi ta bà
Được hiện hữu là do nghiệp tạo
Nếu muốn tránh bốn đường ác đạo
Hãy noi theo gương Phật Thích Ca
Hãy sống sao cho được chan hòa
Niềm hạnh phúc là bài ca bất tận.

Hoài Niệm Chuyến

Hành
Hương
Ăn
Độ
2011

Huệ Phương

Sư Cả là bậc đa tài
MC cũng khá, nhạc thời cũng ca
Sư Quang chăm sóc cả nhà
Lo ăn, lo ở thật là gian nan
Mọi người than thở, thở than
Là do sư Hạnh hời hợt quá nhiều
Núi Vinh buồn cảnh tiêu điều
Sư thầy Thiện Nguyễn vác liều đi theo
Đi đường dù có cheo leo
Mọi người yên bụng, sư Canh đỡ đần
Tụng niệm đủ chín mười lần
Lúc nào sư cũng muôn phần vui tươi
Sư Nhân khi thấy là cười
Là người nhỏ nhất mọi người đều ưa
Các cô sức khỏe có thừa
Tuổi trên tám chục, nắng mưa ngại gì
Chư thiên các nẻo hộ trì
Đoàn ta cứ thế tà tà mà đi
Mọi người hoan hỉ như ri
Buồn thay khi thấy chuyển đi sắp tàn
Khi về nhớ mãi tâm can
Tình anh bán chiếu của cô Mộng Đào
Nhị thập tứ hiếu lẽ nào
Ta quên nói đến anh Đoàn, Yến Dung
Vợ chồng đầm ấm ung dung
Thúy Sơn Trung Hạnh đi cùng Thuyết Xa
Nhìn qua nhà của Phi Nga
Cháu Hưng đẹp mã, đẹp luôn tấm lòng
Anh Định chờ có pháp phòng
Chư thiên trì hộ anh không việc gì
Cháu Hiếu đừng có hoài nghi
Sẽ có kết quả nếu đi đúng đường
Cháu Mai nhỏ nhắn dễ thương
Đẹp người đẹp nét vẫn vương khi về
Chú ba Võ Phụng cùng quê
Nếu buồn nhớ đến Suối Tiên đi thuyền
Đáng cao dong dỏng Nhữ Uyên

Sương, Thu, Trinh, Hải có duyên bội phần
Cô Rạng đừng có phân vân
Dù ngồi dưới cuối tôi càng không quên
Mọi người hoan hỉ cả lên
Có duyên gặp lại nhớ tên mọi người

Nỗi Đau Và Nỗi Nhớ Tình (*)

(Hòa thượng Thiện Tâm cảm tác trong chuyến Đoàn Phật giáo Việt Nam sang thăm hữu nghị và làm lễ phục hồi Tăng tướng cho chư Tăng Phật giáo Campuchia năm 1979)

*Đất chùa Tháp thiêng liêng ngàn năm văn vật,
Ánh đạo vàng tỏa rộng khắp năm châu.
Đền Angkor- niềm tự hào muôn thuở,
Kỳ quan tráng lệ - nền văn hóa địa cầu.*

*Ai nào biết lảng giềng cao quý ấy,
Bổng biến thành địa ngục của trần gian.
Quân Pôn Pốt kẻ diệt chủng kinh hoàng,
Gãy tang tóc đau thương cho loài người ta thán.*

*Chiều bách bộ cùng Phái đoàn giúp bạn,
Mùi xác người như phảng phất đâu đây,
Nhà Hữu Nghị - điểm dừng chân nơi ấy,
Khấp nẻo đường không một bóng người đi!*

*Lấp lánh sao khuya trời sâu thẳm,
Ánh trăng hiu hắt cảnh buồn tênh!
Sương thu giá lạnh trời se thắt,
Xót vạt hồn đơn đứng nguyện cầu.*

*Chao ôi ! cảnh vật bị thương quá!
Quặn thắt lòng nghe nhói tim đau,
Cảnh chùa quanh vắng Tăng không có,
Cả nước ôi thôi Đạo mất rồi !*

*Mọi người nguyện ước mong chờ đợi,
Y vàng trở lại Đạo hoằng khai
Nhân dân cả nước mừng khôn xiết
Tăng tướng từ đây được phục hồi .*

*Đường về suy ngẫm lời Phật dạy,
Vô thường sanh diệt chính là đây!
Tang thương đau bể còn hay mất
Hữu nghị lảng giềng chẳng đổi thay*

TP. Hồ Chí Minh, tháng 9-1979

(*) Theo Tuyển tập thơ nhạc về Tình hữu nghị Việt Nam-Campuchia, trang 434

Thu về nguồn

Thích Đức Trường

Nói lời

Duyên trùng duyên con quay trở lại
Đất mẹ thiêng liêng vẫn đón chờ
Nghe tiếng lá xào xạt trên cây
Cứ ngỡ lời cha đang vẫy gọi.

Vọng cổ

Câu 1. Phật tổ ơi! Đệ tử từ phương xa vượt muôn ngàn hải lý, về đến nơi đây quỳ dưới đài sen kính cẩn dâng lên một đóa hương lòng. Tâm tư đệ tử với bao nỗi chất chồng. Khi chưa về thăm thì bao điều để nói. Khi về thăm rồi dòng lệ cứ rưng rưng - Con tự trách mình sao lắm nghiệp chướng ngăn, lại bị trầm luân khi Phật còn tại thế. Nay đến được đây Phật đã diệt độ, hình bóng xưa giờ chỉ còn trong Niết Bàn vĩnh cửu.

Câu 2. Bốn Thánh tích đã đi vào trong lịch sử vẫn còn lưu lại trong tâm trí mọi người. Hai ngàn năm hơn nào phai nét rạng ngời. Từ Lâm Tỳ Ni đến Thi Na - Lộc Uyển, dấu chân Người còn in đậm nét vàng son - Chẳng ngại đường dài vượt núi trèo non, đem chánh Pháp Phật tâm vào trong cõi thế. Cho nhân loại cả tình thương hoàn vũ, làm hành trang thấp vọn niềm vui.

Nói lời

Thu này trở lại nguồn xưa
Tâm chơn diệu lý hai ngàn năm qua
Bước chân thanh thản nhẹ vương
Âm vang vọng lạ ngàn thương gợi về.

Vọng cổ

Câu 5. Phật tổ ơi! Theo dấu chân xưa đệ tử tìm đường về Thánh địa với nỗi nhớ mong và lòng kỳ vọng của bao ngày. Dẫu phải vượt qua gian khổ đường dài. Nhưng đệ tử vẫn vui với một niềm vui rộn rã như sắp gặp cha già thỏa nỗi nhớ mong - Hình ảnh xưa nào phải là viễn vông. Đây Kim Cang tòa nơi người tư duy tĩnh tọa, nọ tháp Đa Mát Kha còn lưu dấu kỷ niệm Kiều Trần Như đặc được pháp chơn màu.

Câu 6. Giữa Niết Bàn Đường tiếng ai đang thổn thức hòa cùng lời kinh tiếng kệ, đệ tử sao ngăn được dòng lệ tuôn trào. Văng vẳng bên tai lời Phật dạy thuở nào. Tất cả chúng ta rồi cũng sanh ly cách biệt. Chớ có phiền muộn lắm nỗi khóc than - Những gì yêu mến nhất rồi cũng lìa tan. Hoa Thị thành một thời tráng lệ, vườn Lâm Tỳ Ni sen vàng bảy đoá, mà giờ đây chỉ là trong đồ nát điều tàn.

Đường về chơn lạc còn xa
Thu này con gợi chùm hoa tặng Người
Gió thu héo hắt mây sầu
Giăng giăng tơ nhện cầu thanh lương.

Tìm hiểu ý nghĩa câu kệ

Namo... lễ Phật



Sóc Sơn

Trong truyền thống Phật giáo Nguyên Thủy - Nam Tông, câu kệ lễ Phật “Namo Tassa bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa”, (đọc theo tiếng Việt Nam: Ná mô tá sá phá gá vá tồ á rá há tồ sâm ma sâm bút thás sá). Nghĩa theo kinh tụng Phật giáo Nam tông Việt Nam: “Con đem hết lòng thành kính làm lễ đức Bhagava đó, Ngài là bậc Arahama cao thượng, được chứng quả chánh biến tri do Ngài tự ngộ không thầy chỉ dạy”; Nghĩa theo kinh tụng Phật giáo Nguyên Thủy Hải Ngoại: “Cúi đầu đánh lễ Đấng Từ Tôn, Bậc Chánh Biến Tri đáng cúng dường, Con nguyện thân tâm thường thanh tịnh, Làm lành lánh dữ lợi quần sanh. Nghĩa theo kinh tụng Giáo hội Tăng gia Anh Quốc (The English Sangha Trust): “Homage to the Blessed, Noble and Perfectly Enlightened One.

Bất cứ nghi lễ lớn hoặc nhỏ, câu kệ lễ Phật trên đều xứng tụng để mở đầu cho khoá lễ, thường là hai thời khoá công phu chiều và sáng, Nghi thức dâng y Kathina, Khoá kinh phúc chúc đến Phật tử, Nghi thức thuyết pháp, Phật tử cúng Tam bảo v.v... Các nước Phật giáo Nguyên thủy trên thế giới đều cử hành nghi thức xứng câu kệ Namom... lễ Phật giống nhau. Thường tụng câu kệ này ba lần, không dư và không thừa. Chư Tăng Ni và Phật tử Phật giáo Nguyên Thủy đều biết đọc và tụng bài này. Thậm chí muốn biết người nào đó có phải là Phật tử Theravāda hay không thì chỉ cần hỏi: “Đạo hữu có biết tụng bài kệ Namom lễ Phật?

Bài kệ Namom... lễ Phật quan trọng, ý nghĩa và có giá trị như thế đó, tuy nhiên xuất xứ, lợi ích và ý nghĩa của bài kệ trên vẫn còn bị hạn chế, chưa được phổ biến và có tính cách đại chúng. Do đó, bài viết này nhằm trích dẫn kinh điển và các bộ chú giải để làm sáng tỏ một số vấn đề mà quý vị muốn tìm hiểu.

I. XUẤT XỨ

Thông thường chúng ta thắc mắc, bài kệ Namom... lễ Phật, do Đức Phật dạy hay do chư vị đệ tử của Ngài giảng dạy cho chúng ta tụng đọc để biết Ân đức của Phật tổ. Nếu suy luận do chư vị đệ tử của Ngài dạy

thì có lý hơn là do chính đức Phật. Nhưng thực ra, không phải đức Phật và chư vị đệ tử của Ngài dạy. Bài kệ này trong quyển “Kho tàng Pháp học” tiếng Thái Lan (TT. Pháp Chất và Đại Đức Ngộ Giới phiên dịch), chúng ta thấy xuất xứ của nó từ bốn quyển Kinh Phật: 1. Chú giải Trường Bộ Kinh, Sumangalavilasini, 2. Tiểu Tụng, Khuddakapadha, 3. Paramatthajotika và 4. Nidāsamyyutta. nguyên văn Pāli – Nam phạn:

NAMO sātāgiri yakkho
TASSA ca Asurindako
BHAGHAVATO mahārājā
Sakko ARAHATO tathā
SAMMĀSAMBUDDHASSA mahāBrahmā
Ete pañca namassare”.

Nghĩa:

Chúa loài Dạ Xoa, kính lễ Phật bằng tiếng Namom

Chúa A Tu La, kính lễ Phật bằng tiếng Tassa

Tứ Đại Thiên Vương, kính lễ Phật bằng tiếng Bhagavato

Vua Trời Đế Thích, kính lễ Phật bằng tiếng Arahato

Đại Phạm Thiên, kính lễ Phật bằng tiếng Sammāsammabuddhassa

Giải nghĩa theo từng từ ngữ:

- Namom = Thành kính
- Tassa= vị ấy
- Bhagavato = Thế Tôn: Nên chúng ta thường

tụng, Đức thể Tôn hiệu Bhaghavato bởi ngài đã siêu xuất Tam giới tức là Ngài không còn luân hồi lại nữa.

- Arahato= Ứng Cúng: Nên chúng ta thường tụng, Đức thể tôn hiệu Arahama, bởi ngài đã xa lìa các tội lỗi nên tiền khiên tật thân và khẩu của ngài đều được trọn lành.

- Sammāsammabuddhassa = Chánh Biến Tri: Nên chúng ta thường tụng, Đức Thể Tôn hiệu Sammāsammabuddhassa bởi Ngài đã thành Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác, tự Ngài ngộ lấy không thầy chỉ dạy.

Bài kệ Phật này được nói lên lúc nào? Trả lời là sau khi đức Phật thành đạo dưới cội cây Bồ Đề, tuần lễ thứ nhất. Vừa lúc Ngài cảm thắng Ma Vương, vệt màn lưới vô minh và ái dục, tâm Ngài bừng giác ngộ. Ánh sáng giác ngộ đó được lan toả khắp cả Tam thiên đại thiên thế giới, đầu tiên lan tỏa lên cõi Tứ Đại Thiên Vương, Đạo Lợi, Dạ Ma v.v... và lan lên cõi Sắc Giới và Vô Sắc Giới. Nghe tin Đức Thể Tôn thành đạo, Dạ Xoa đại diện cho Chư Thiên Địa, A Tu La đại diện cho phái Bất thiện, vua trời Đế Thích đại diện cho cõi Đạo Lợi và 4 cõi Dục còn lại, Phạm Thiên đại diện cho 16 cõi trời Sắc giới và 4 cõi Vô Sắc, Họ liền xuống chúc tụng Ngài vừa thành đạt ngôi vị Thiên Nhơn sư (Sattthādevamanussānam).

II. LỢI ÍCH KHI TỤNG ĐỌC

Muốn thành đạt trong mọi lãnh vực, ta phải bắt đầu từ sự nỗ lực, kiên trì và cầu tiến không ngừng. Thiếu một trong những yếu tố đó ta sẽ dễ thất bại. Trên phương diện tâm linh, những đạo sĩ chuyên luyện bùa phép, chú thuật, thần chú v.v... thành đạt những phép lạ trên cũng phải kiên trì liên tục, không bị gián đoạn. Nếu bị gián đoạn thì phép lạ bị giảm thiểu và năng lực, hiệu nghiệm không còn tác dụng nữa. Trên phương diện tu tập và hành trì pháp môn giải thoát, chúng ta cũng phải nỗ lực không ngừng ngăn ngừa các ác pháp, thực hiện các hạnh lành, và giữ tâm trong sạch. Nếu công phu tu luyện thực hành đúng, đều đặn, nhiều kiếp thì chắc chắn chúng ta sẽ thành Phật. Bài kệ Namo - lễ Phật về xuất xứ của nó là một sự hình thành do bởi năm vị có quyền lực đại diện cho 31 cõi đến lạy Phật khi Ngài mới vừa thành đạo. Do đó, chúng ta đọc tụng thường xuyên thì sẽ có những phép lạ. Trong Kho Tàng Pháp Học và những bộ chú giải đã trích dẫn phần trên có đề cập đến bốn lợi ích của những ai tụng đọc và hành trì:

1. Noi gương theo bậc thánh

Tụng đọc và hành trì bài kệ này có nghĩa là chúng ta tập học và hành theo gương của bậc thánh (Chư Phật). Khi đọc tâm chúng ta hoan hỷ, tỏ tấm lòng tôn kính vô biên với Đức Thể Tôn, Bậc A La Hán, Chánh Đẳng Chánh Giác. Pháp cung kính là tâm đại thiện cho rất nhiều quả báu. Cụ thể là 7 cõi trời Dục Giới, xa hơn nữa là thành Chánh giác. Người tụng đọc bài kệ này chắc chắn là có duyên lành với chánh pháp.

Người có lòng tin thì mới đọc tụng bài kệ này. Mỗi ngày tán dương và kính lễ Thể Tôn, A La Hán, Chánh Đẳng Chánh Giác, thì mỗi ngày chúng ta đều thực hành theo gương và hạnh của đức Phật.

2. Ngăn ngừa sự tai hại

Người tụng đọc thường xuyên bằng tâm trong sạch và tôn kính thì sẽ có quả đại thiện. Chính quả này có khả năng ngăn ngừa tai hại. Tuy nhiên, những ác nghiệp thì chúng ta phải gánh chịu. Ta đi với nghiệp của ta. Dù cho tốt, xấu tạo ra tự mình. Hai câu kệ đó cho chúng ta biết rằng khung trời Thiện và Ác do chính ta chọn lựa. Một khi đã lựa chọn rồi thì chúng ta phải gánh mọi hậu quả. Thiện và Ác theo ta như bóng với hình. Nếu Thiện và Ác do ta tạo, vậy cần gì phải đọc và tụng bài kệ Namo... lễ Phật để ngăn ngừa tai hại? Xin thưa nghiệp thiện và ác, nghiệp nào mạnh hơn thì trở quả. Nếu nghiệp ác đang trở quả, chúng ta thực hiện một trong 10 việc làm thiện sự như: Bố thí, trì giới, tu tiến, cung kính, phục vụ, tùy hỷ, nghe pháp, thính pháp v.v... thì sẽ cho tâm Đại quả. Tâm đại quả này có khả năng ngăn ngừa những tai hại. Ngăn ngừa ở đây không có nghĩa là xóa hết những hành động bất thiện chúng ta đã tạo trong quá khứ. Do đó, chúng ta đọc tụng bài kệ Namo ... lễ Phật càng nhiều và lâu năm chắc chắn chúng ta sẽ có phước báu vô lượng vô biên. Đức Phật dạy phước báu là nơi nương nhờ của chúng sanh trong ngày vị lai, phước báu là nơi ẩn náu an toàn, che chở chúng sanh, ngăn ngừa tai hại.

3. Tẩy tâm trong sạch

Tâm chúng ta ô nhiễm do bởi những phiền não cấu uế như tham, sân, si v.v... Vì tâm chúng ta không thanh tịnh và trong sạch nên bị ô nhiễm những thứ phiền não trên. Trong thiền học, cụ thể là Thiền Định (samadha bhavana), Đức Phật dạy có 40 đề mục thiền định như: Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng v.v... Hành giả nào chọn một trong 40 đề mục thích hợp chuyên tâm Niệm, nhờ phương pháp niệm này tâm hành giả tập trung, cận định, định, đạt sơ thiền, nhị thiền, tam thiền và tứ thiền v.v... phiền não sẽ được vắng lặng trong thời gian đạt được những giai đoạn thiền. Tụng đọc và hành trì bài kệ này có nghĩa là chúng ta tập học và hành theo gương của bậc thánh (Chư Phật). Khi đọc tâm chúng ta hoan hỷ, tỏ tấm lòng tôn kính vô biên với Đức Thể Tôn, Bậc A La Hán, Chánh Đẳng Chánh Giác. Pháp cung kính là tâm đại thiện cho rất nhiều quả báu. Cụ thể là 7 cõi trời Dục Giới, xa hơn nữa là thành Chánh giác. Người tụng đọc bài kệ này chắc chắn là có duyên lành với chánh pháp.

Như vậy, chúng ta tụng đọc kệ Namo - lễ Phật cũng là một đề mục thiền định nhằm để giữ tâm trong

sạch và thanh tịnh bởi những ngọn gió thể gian như: được lợi, mất lợi, được danh mất danh, hạnh phúc, đau khổ v.v...

4. Tạo đời sống cốt lõi

Cốt lõi của đời sống là thiện pháp. Người hành trì và đọc tụng kệ Namo ... lễ Phật là đang thực hành thiện pháp. Thiện pháp chính là bản chất đạo đức của thiện nhân. Thiện pháp là nhịp cầu để chuyển mê khai ngộ, ly khổ, đặc lạc. Đức Phật khuyên chúng ta: "Hãy tự mình thấp đuốc lên mà đi." Ngài đã dạy: Attāhi attano nātho ko hi nātho paro siyā: mỗi người là nơi nương tựa của chính mình, không ai có thể là đấng cứu rỗi của ai được. Qua lời dạy trên, chúng ta thấy đạo Phật là đạo của con người, lấy con người làm trung tâm. Hạnh phúc hay đau khổ là do chính chúng ta. Vậy thì chúng ta hãy nỗ lực và chuyên tâm thực hành chánh pháp.

III. TẠI SAO PHẢI ĐỌC VÀ TỤNG BÀI KỆ NÀY BA LẦN?

Có người cho rằng tụng ba lần là tượng trưng cho quá khứ, hiện tại và vị lai hoặc tượng trưng cho ba hạng Phật: Thánh Văn Giác, Duyên Giác và Chánh Đẳng Chánh Giác v.v... Tuy nhiên, không phải vậy. Theo những bộ kinh Phật: Sumangalavilasini, Khuddakapadha, Paramatthajotika và -Nidāsamayutta thì phải tụng đọc ba lần không dư và không thừa. Đọc tụng bài kệ Namo - lễ Phật ba lần có ý nghĩa và ám chỉ cho ba hạng Bồ Tát thực hành 3 hạnh Pháp Độ. Đó là: Bồ tát thực hành hạnh Trí Tuệ (paññā), Bồ tát thực hành hạnh Đức Tin (saddhā), Bồ tát thực hành hạnh tinh tấn (virīya).

Mục đích của ba vị Bồ Tát này tu hạnh nguyện tuy khác nhau nhưng đều hướng đến quả vị Chánh Đẳng Chánh Giác (Sammāsambuddhassa) giống nhau. Chư vị Chánh Đẳng Chánh Giác đều có Nhất Thiết Chủng Trí, Thần Thông, 30 tục lệ của Chư Phật thì đều tương đồng. Tuy nhiên thời gian thực hành Pháp độ thì khác biệt. Vị Bồ tát thực hành Pháp độ (Pāramī) hạnh trí tuệ thì phải mất thời gian 20 A Tăng Kỳ và 100 ngàn đại kiếp; vị Bồ tát thực hành Pháp độ (Pāramī) hạnh đức tin thì phải mất thời gian 40 A Tăng Kỳ và 100 ngàn đại kiếp. Vị Bồ tát thực hành Pháp độ (Pāramī) hạnh tinh tấn thì phải mất thời gian 80 A Tăng Kỳ và 100 ngàn đại kiếp. Theo bộ Chánh Giác Tông (Buddhāvamsa), Hoà thượng Bửu Chơn phiên dịch thì Phật Thích Ca tu hạnh trí tuệ. Phật Di Lặc tu hạnh tinh tấn. ●



Trường Lão

THÁNH TẶNG BAKKULA ĐỆ NHẤT HẠNH VÔ BỆNH

TK Định Phúc

I. Gia thế

Trước khi Đức Thế Tôn xuất hiện trên thế gian, tại thành Kosambi, gia đình vị Tể sư nọ ở Kosambi có một đứa con trai. Một hôm, người vú nuôi bỗng đưa bé ra bờ sông Yamunā để tắm, vì theo quan niệm Bà-la-môn thì khi tắm nước của dòng sông này sẽ được sức khỏe. Bất ngờ, có một con cá kinh rất lớn vỗ lên và nuốt mất đứa bé từ trong tay người vú nuôi.

Con cá đó không bao lâu sau thì bị một ngư phủ câu được và đem vào thành Bārānasī bán. Lúc bấy giờ, phu nhân của vị Tể sư đi chợ ngang qua liền thấy con cá quá to nên muốn mua về. Khi về đến nhà, lúc mổ bụng để làm thịt thì thấy có một đứa bé nằm trong bụng con cá. Biết đứa bé còn sống nên ông bà nhận đứa bé làm con nuôi của mình. Đây cũng là phần phước duyên của một vị đã tạo đủ Ba-la-mật để chứng đắc A-la-hán trong kiếp này.

Nói về gia đình vợ chồng ông trưởng giả ở thành Kosambi, hai ông bà rất đau khổ khi bị mất đứa con yêu quý và vẫn nuôi hy vọng đứa bé vẫn còn sống nên cho người đi dò la tung tích khắp mọi nơi. Chẳng bao lâu thì được tin báo con trai mình vẫn còn sống và hiện đang ở Bārānasī, hai ông bà liền đi đến đó xin nhận lại đứa con trai nhưng gia đình cha mẹ nuôi không đồng ý. Sự việc không được thỏa thuận nên trình lên đức vua. Đức vua nghe xong câu chuyện liền phán rằng: "Cả hai gia đình đều có công và yêu mến đứa bé, vậy đứa bé là con của cả hai gia đình, sau này sẽ thừa tự tài sản của hai gia đình". Do sự kiện đó, đứa bé được đặt tên là Bakkula, nghĩa là người của hai gia đình.

Đứa bé lớn lên trong sự chăm sóc và giáo dục của hai gia đình. Về sau được thừa tự 800 triệu đồng tiền vàng Kahāpaṇa. Hiên nhiên trở thành một vị trưởng giả giàu có với sự nghiệp gia tài đồ sộ lúc đương thời.

II. Xuất gia

Hưởng thụ mọi thú vui thế gian suốt 80 năm, trưởng giả Bakkula không hề biết đến bệnh là gì. Nhưng do duyên lành đã tròn đủ, một hôm, sau khi được nghe Đức Thế Tôn thuyết pháp đã khởi niềm tin và muốn được đi xuất gia trong giáo pháp.

Vì xuất gia lúc tuổi cao nên Tỳ-khưu Bakkula nỗ lực phát triển sức mạnh của thiền quán Vipassanā nên chỉ sau 7 ngày từ khi xuất gia, vào ngày thứ 8, Tỳ-khưu Bakkula đã chứng đạt được tất cả các pháp thượng nhân của một bậc thánh văn A-la-hán (Tam minh, Lục thông, Tứ tuệ phân tích).

Ngài là một trong bốn vị đại đệ tử có đại thần thông thuộc hàng thâm hậu nhất trong các vị đệ tử (bốn vị đó là Tôn giả Sāriputta, Tôn giả Moggallāna, Tôn giả Bakkula và Trưởng lão Ni Yasodharā).

Trong cuộc đời xuất gia của ngài, Tôn giả Bakkula có nhiều đặc hạnh rất đặc biệt, một vài ví dụ điển hình như là:

- Không bao giờ khởi lên dục tưởng.
- Không bao giờ khởi lên sân tưởng.
- Không bao giờ khởi lên dục tầm.
- Không bao giờ khởi lên sân tầm, não hại tầm.
- Không bao giờ nhận y của cư sĩ.
- Không bao giờ may y Kāṭhina.
- Không bao giờ nhận lời mời đi thọ thực.
- Không bao giờ thuyết pháp cho nữ nhân.
- Không bao giờ thuyết pháp cho Tỳ-khưu ni, sa di ni, học nữ.
- Không bao giờ làm thầy tế độ cho vị nào xuất gia.
- Không bao giờ làm thầy yết ma hoặc thầy y chỉ.
- Không bao giờ nhờ vị sa di nào phục dịch mình.
- Không bao giờ có tật bệnh.
- Không bao giờ nằm dựa vào tấm gỗ.
- Không bao giờ nằm dài mà ngủ.

Ngài còn được Đức Thế Tôn tán dương là một vị Thánh văn đệ nhất về hạnh vô bệnh trong hàng đệ tử.

Và cũng có lẽ, Ngài là một vị thánh đệ tử có tuổi

đời và tuổi hạ cao nhất trong Phật giáo. Ngài xuất gia năm 80 tuổi, được 80 hạ lạc, Ngài viên tịch Níp-bàn năm 160 tuổi.

III. Tiên thân

Vào thời kỳ Đức Phật Anomadassī, Ngài sanh ra trong một gia đình Bà-la-môn nhưng sau đó đi vào rừng xuất gia làm đạo sĩ, rồi chứng đạt được bát thiên ngũ thông. Khi biết được Đức Phật đang thuyết pháp độ đời thì đạo sĩ liền đi đến nghe pháp. Sau khi nghe pháp đã phát khởi niềm tin và đã xin quy y Tam bảo. Một lần nọ, đạo sĩ biết Đức Thế Tôn bị bệnh đau bụng nên liền đến dâng thuốc cho Ngài sử dụng. Với phước báu đó, đạo sĩ phát nguyện trong vòng luân hồi sẽ trở thành một người vô bệnh.

Vào thời kỳ đức Phật Padumuttara, Ngài sanh ra trong một gia đình giàu có tại thành Hamsavatī. Một hôm, đi đến tịnh xá nghe Đức Thế Tôn thuyết pháp thì thấy được Đức Thế Tôn đang tán dương một vị Tỳ-khưu có đặc hạnh đệ nhất về sự vô bệnh trong hàng Thánh văn đệ tử. Chàng thanh niên đó hoan hỷ nên đã thỉnh Đức Phật cùng chư Tăng đến tư gia làm phước cúng dường. Sau khi làm phước, chàng quỳ trước Đức Phật và phát nguyện muốn trở thành vị Thánh văn đệ tử đệ nhất về hạnh vô bệnh trong thời của Đức Phật vị lai.

IV. Kệ ngôn của Ngài Bakkula

*"Với ai những công việc
Cần phải làm từ trước
Về sau vị ấy mới
Có ý định muốn làm
Vị ấy tự phá hoại
Căn cứ địa an lạc
Về sau chịu khổ đau
Trong nung nấu hối tiếc". (225)*

*"Hãy nói điều có làm
Không nói điều không làm
Bậc hiền trí biết rõ
Người chỉ nói, không làm". (226)*

*"Níp bàn nhiệm màu lạc
Bậc Chánh Giác thuyết giảng
Không sầu muộn là tham
Thật sự là an ổn
Tại đây, sự đau khổ
Được đoạn diệt hoàn toàn". (227). ●*

Tài liệu tham khảo:

1. Trung Bộ Kinh quyển II (HT. Thích Minh Châu dịch Việt), bài kinh số 124 - Bakkulasutta.
2. Tiểu Bộ Kinh quyển III (HT. Thích Minh Châu dịch Việt), Trưởng Lão Tăng Kệ, câu kệ ngôn 225, 226, 227.
3. Lời Truyền Kỳ Bậc Thánh (TT. Thiện Phúc dịch Việt).

Trong suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước, vua Trần Nhân Tông là một trong những lãnh tụ thiên tài, anh hùng của dân tộc; Đối với đạo pháp, vua Trần Nhân Tông là một vị vua duy nhất trên thế giới từ bỏ ngôi vua để đi tu và đắc đạo, thống nhất được Phật giáo Việt Nam bấy giờ và hình thành tổ chức Giáo hội Trúc Lâm mang đậm nét Việt Nam. Qua những cống hiến của vua Trần Nhân Tông đối với Dân tộc và Đạo pháp, nhân dân, Tăng Ni, Phật tử tôn vinh Ngài là vị vua Phật Việt Nam.

Để tôn vinh những công đức của Đức vua – Phật hoàng Trần Nhân Tông đối với dân tộc và đạo pháp, Trung ương Giáo hội và Ban trị sự các Tỉnh Thành trên toàn quốc tổ chức Đại lễ Tưởng niệm lần thứ 703 ngày Đức vua – Phật hoàng Trần Nhân Tông nhập Niết bàn ngày 01/11 năm Mậu Thân (1308) – 01/11 năm Tân Mão (2011).

Dịp này, Tạp chí Phật giáo Nguyên Thủy, trích đăng Tiểu sử Phật hoàng Trần Nhân Tông.

Tiểu Sử Phật Hoàng Trần Nhân Tông

Sơ Tổ Thiền Phái Trúc Lâm Việt Nam

(1258 - 1308)

Theo giaohoi-phatgiaovietnam.vn

Đức Phật hoàng Trần Nhân Tông, tên húy là Trần Khâm, sinh ngày 07/12/1258 (11/11 năm Mậu Ngọ), con trưởng của Vua Trần Thánh Tông và Hoàng Thái hậu Nguyên Thánh. Thân hình Ngài có những đặc điểm khác thường, nhất là có màu vàng, nên được vua cha đặt cho biệt hiệu là Phật kim.

Lớn lên, năm 16 tuổi (1274), Ngài được lập làm Đồng cung Thái tử và cùng năm Ngài kết duyên cùng công chúa Quyên Thánh, trưởng nữ Hưng Đạo Đại vương. Vua Trần Thánh Tông đã mời các bậc lão thông Nho giáo, Tứ thư, Ngũ kinh để dạy cho Ngài như Lê Phụ Trần, Nguyễn Thánh Huân, Nguyễn Sĩ Cổ v.v... tất cả đều hết lòng dạy dỗ. Chính Vua cha cũng đã soạn Di hậu lục để dạy dỗ cho Thái tử cách xử thế, chuẩn bị nổi nghiệp sau này.

Về Phật pháp, Ngài học đạo với Tuệ Trung Thượng Sĩ, được Thượng Sĩ hết lòng hướng dẫn và trao đổi những yếu nghĩa Thiền tông. Ngài tâm đắc nhất là câu: "Phản quan tự kỷ bốn phận sự, bất tùng tha đắc" (Quan sát lại chính mình đó là bốn phận, không do người khác làm được) và tôn thờ Tuệ Trung Thượng Sĩ làm Thầy. Ngài thường tới lui chùa Từ Phúc trong kinh thành để tụng kinh, tọa thiền, lễ bái Tam bảo.



Phác thảo tượng Phật hoàng Trần Nhân Tông bằng đồng nặng 100 tấn

Năm 21 tuổi (1279), Ngài được Trần Thánh Tông truyền ngôi, trị vì thiên hạ Đại Việt, lấy đức trị vì, dân chúng an cư lạc nghiệp, lấy niên hiệu là Thiệu Bảo.

Trước thảm họa ngoại xâm, quân Nguyên - Mông chuẩn bị xâm chiếm nước Nam. Năm 1282, Ngài chủ trì Hội nghị Bình Than để lấy ý kiến toàn dân trong cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại. Năm 1284, trước khi cuộc chiến tranh diễn ra, Ngài chủ trì Hội nghị Diên Hồng, lấy ý kiến các vị Bô lão, những người đứng đầu các Bộ lạc. Toàn thể hội nghị già

trẻ, gái trai đều một lòng tung hô quyết chiến.

Năm 1285, với tinh thần bảo vệ dân tộc, Tổ quốc của toàn dân, Ngài đã lãnh đạo và chiến thắng cuộc xâm lăng Nguyên – Mông lần thứ nhất.

Với ý đồ bành trướng Phương Nam, tiến chiếm Chiêm Thành, làm bàn đạp thôn tính Đại Việt, Trần Nhân Tông lại một lần nữa lãnh đạo cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại, với sự quyết tâm chiến thắng của toàn quân, toàn dân, Ngài đã chiến thắng quân Nguyên – Mông lần thứ hai năm 1288. Cảm hứng trước sự chiến thắng của dân tộc, Ngài đã làm hai câu thơ lưu lại:

*"Xã tắc hai phen chồn ngựa đá
Non sông muôn thuở vững âu vàng"*

*(Xã tắc lưỡng hồi lao thạch mã
Sơn hà thiên cổ điện kim âu)*

Sau khi đất nước thanh bình, dân chúng an cư lạc nghiệp, Ngài đã củng cố triều đình, phủ dụ, đoàn kết toàn dân, xây dựng và phát triển đất nước trong thời hậu chiến. Với mục đích chủ hòa, Ngài đã bỏ qua những lỗi lầm đã có của quần thần cũng như thân tộc.

Năm 41 tuổi (1293), Ngài nhường ngôi cho con là Trần Anh Tông lên làm Thái Thượng Hoàng.

Năm 1294, Ngài cầm quân sang chinh phạt Ai Lao, giữ yên bờ cõi và làm cho nước Triệu Voi tiếp tục thần phục Đại Việt.

Sau khi chinh phạt Ai Lao, Ngài trở về hành cung Vũ Lâm – Ninh Bình, cầu Quốc sư Huệ Tuệ làm lễ xuất gia, tập sự tu hành tại đây một thời gian.

Năm 1299 Ngài quyết tâm trở lại thăm Kinh sư lần cuối, rồi đi thẳng lên núi Yên Tử - Quảng Ninh quyết chí tu hành, tham thiền nhập định, lấy tên là "Hương Vân Đại Đầu Đà" và độ Đồng Kiên Cương làm đệ tử và ban pháp hiệu là Pháp Loa.

Năm 1301, Ngài hạ san, đi thăm hữu nghị đất nước Chiêm Thành và nghiên cứu về Tôn giáo, tạo lập mối quan hệ hợp tác, hòa bình, hữu nghị với các nước lân bang. Trở về chùa Phổ Minh phủ Thiên Trường giảng kinh, thuyết pháp, mở hội đại thí vô lượng cho nhân dân.

Năm 1304, Ngài chống gậy trúc đi dạo khắp nước Đại Việt, khuyến khích muôn dân giữ năm giới, tu hành thập thiện, dẹp bỏ những nơi thờ cúng không đúng Chánh pháp, loại bỏ những điều mê tín dị đoan v.v... Ngài đến Bồ Chánh – Quảng Bình lập am Tri Kiến và lưu lại đây một thời gian. Sau đó, được vua Trần Anh Tông thỉnh vào nội cung để truyền giới Bồ tát cho bá quan văn võ, quần thần.

Sau chuyến thăm hữu nghị Chiêm Thành năm 1301, Ngài có hứa đính hôn công chúa Huyền Trân cho vua Chiêm là Chế Mân. Năm 1305, vua Chiêm Thành sai Chế Bô Đài và phái đoàn ngoại giao mang vàng, bạc... sính lễ cầu hôn. Đến năm 1306, Ngài đứng ra chứng minh hôn lễ cho công chúa Huyền Trân và Chế Mân – vua Chiêm Thành.

Trước thành quả ngoại giao hôn phối ấy, vua Chiêm đã dâng hai quận Châu Ô, Châu Rí cho Đại Việt làm quà sính lễ. Đây chính là điều kiện giúp cho Đại Việt mở rộng bờ cõi về phương Nam là Thuận Hóa (Huế).

Năm 1307, Ngài truyền Y Bát lại cho Tôn giả Pháp Loa, lên làm sơ Tổ Trúc Lâm và Pháp Loa là Tổ thứ hai của Thiền phái Trúc Lâm. Trong thời gian đó, Ngài thường lui tới chùa Báo Ân Siêu Loại, Sùng Nghiêm Hài Dương, Vĩnh Nghiêm Lạng Giang, chùa Từ Lâm, chùa Quỳnh Lâm Đông Triều để giảng kinh, thuyết pháp và chứng minh các Lễ hội...

Sau khi truyền Y Bát cho Tôn giả Pháp Loa, Ngài tập trung biên soạn Kinh sách và Ngũ lục. Qua đó, Ngài đã để lại cho đàn hậu học một số tài liệu vô cùng quý báu như: *Trần Nhân Tông thi tập, Đại Hương Hải Ấn thi tập, Tăng Già Toái Sự, Thạch Thất My Ngữ, Trung Hưng Thực Lục, Truyền Đăng Lục* v.v...

Trước khi nhập diệt, Ngài đã để lại bài kệ Pháp Thân Thường Trụ qua sự trả lời cho thị giả hầu cận bên Ngài là Bảo Sát: "Tất cả pháp không sanh. Tất cả pháp không diệt. Ai hiểu được như vậy. Thì chư Phật hiện tiền. Nào có đến có đi" (Nhất thiết pháp bất sanh. Nhất thiết pháp bất diệt. Nhược năng như thị giải. Chư Phật thường tại tiền. Hà khứ lai chi hữu).

Theo sử cũ, Ngài xả báo an tường, thân thần thị tịch ngày 01/11 năm Mậu Thân (1308). Thọ thế 51 năm tại am Ngoạ Vân – Đông Triều – Quảng Ninh. Vua Trần Anh Tông cung thỉnh nhục thân Ngài về kinh đô Thăng Long cử hành Quốc tang trong thời gian hai tuần. Sau đó, vua quan, quần thần, văn võ bá quan, đệ tử Pháp Loa, Bảo Sát và chúng Tăng trong nước cử hành lễ Trà tỳ.

Sau khi thu nhặt Xá lợi, Xá lợi được chia làm hai phần, một phần xây tháp thờ ở Lăng Quý Đức phủ Long Hưng – Thái Bình; một phần xây tháp tôn thờ tại chùa Vân Yên – Yên Tử, Quảng Ninh, lấy hiệu là Huệ Quang Kim Tháp, dâng Thánh hiệu: Đại Thánh Trần Triều, Trúc Lâm Đầu Đà, Tịnh Tuệ Giác Hoàng Điều Ngự Phật Tổ.

Nam Mô Trúc Lâm sơ tổ Điều Ngự Giác Hoàng Trần Nhân Tông, tổ sư tác đại chứng minh. ●

Steve Jobs và ung thư tụy tạng (pancreatic cancer)

Bác sĩ Vũ văn Dzi, MD

Steve Jobs, người sáng lập ra đại công ty Apple, đã từ trần trong tháng 10 vừa qua, hưởng dương 56 tuổi, về một chứng ung thư hết sức nguy hiểm mà tỷ lệ tử vong là 95% sau khi được định bệnh 5 năm. Ung thư tụy tạng mỗi năm làm cho khoảng 45.000 người ở Mỹ mắc phải và 37.000 người sẽ chết vì căn bệnh này, đứng hàng thứ 4 sau ung thư phổi, ung thư vú và ung thư đại tràng (colo rectal cancer)..

Năm 2004, Steve Jobs được giải phẫu sau khi mắc phải bệnh ung thư tụy tạng và sau đó được ghép gan (liver transplant) vào năm 2009 khi chứng ung thư đã lan sang lá gan nhưng rồi vì bệnh tái phát khiến Steve Jobs phải từ chức lãnh đạo công ty vào tháng 8 năm 2011 và cuối cùng từ trần trong tháng 10 vừa qua.

Steve Jobs được coi là một trong những nhân vật kỳ tài trong thế kỷ XX vì đã có công sáng tạo ra những thiết bị làm đảo lộn cuộc sống hàng ngày như Iphone, Ipad, Ipod... giúp cho kỹ thuật truyền thông được dễ dàng hơn, giản dị hơn. Nhờ Steve Jobs nên công ty Apple trở thành lớn nhất thế giới trên cả công ty Exxon, Mobil mỗi năm thu được hàng trăm tỷ USD tiền lời. Gia tài của cá nhân Steve Jobs được ước lượng khoảng 9 tỷ USD.

Khi bệnh trở nặng vào tháng 4 thì Steve Jobs biết rằng không còn sống được thêm bao lâu nữa và viết thư tới ban quản trị rằng "Tôi đã từng tiên đoán rằng đến một ngày nào đó sẽ không còn đủ khả năng để tiếp tục lèo lái công ty và rất tiếc rằng ngày đó đã đến."

Theo lời BS Timothy Donahue thuộc Đại học UCLA chuyên về ung thư tụy tạng thì căn bệnh của Steve Jobs rất khó chữa vì sau khi được giải phẫu cắt u bướu thì Steve đã được ghép gan và phải dùng nhiều loại thuốc chống miễn dịch khiến làm cho cơ thể suy yếu và ít ai sống thêm được hơn 2 năm.

Ung thư tụy tạng

Tụy tạng là một tuyến quan trọng của bộ máy tiêu hóa có hai nhiệm vụ khác nhau. Thứ nhất là phần ngoại tiết (exocrine) có nhiệm vụ tiết ra những enzymes giúp tiêu hóa các thực phẩm và thứ hai là những tế bào Langerhans có nhiệm vụ nội tiết (endocrine) tiết ra insulin để điều hòa mức độ đường trong máu. 95% các trường hợp ung thư tụy tạng xảy ra tại phần ngoại tiết và chỉ có 5% xảy ra tại các tế bào Langerhans. Steve Jobs bị loại ung thư sau và tương đối dễ chữa trị hơn. Một số BS chuyên khoa cho rằng Steve Jobs đã đại dột nghe lời khuyên của một vài người không chuyên môn nên đã tin tưởng vào một số phương pháp chữa trị khác thường gọi là alternativemedicine như ăn chay, tập thiền, bùa chú, dùng thuốc Bắc, thuốc dược thảo khiến việc điều trị bị chậm trễ mất đi nhiều thời gian quý báu. Nếu Steve Jobs nghe lời các BS chuyên môn áp dụng đúng những quy định chữa trị của ngành ung thư thì có lẽ đã không chết.

Tờ báo Fortune cho biết là vào năm 2004, sau khi biết tin bị ung thư tụy tạng thì Steve Jobs đã bay sang Thụy Sĩ để được điều trị bằng một phương pháp mới thay vì giải phẫu mà chỉ bằng quang tuyến trị liệu và hormone không có ở Mỹ.

Việc điều trị bệnh ung thư tụy tạng hết sức khó khăn nên ngoài những phương pháp cổ điển như giải phẫu, quang tuyến trị liệu, hóa học trị liệu các Bác sĩ đang có những cố gắng tìm ra những phương pháp mới như gene therapy, miễn dịch trị liệu hoặc gần đây nhất là dùng những loại tế bào có khả năng truy lùng và tiêu diệt các bướu ung thư gọi là killer cells.

Bác sĩ Ralph Steinman vừa được giải thưởng Nobel Y học là một trong những người khảo cứu về

lỗi điều trị này gọi là dendritic cell therapy nhưng ông đã từ trần sau khi được Ủy ban tuyển chọn giải công bố kết quả. Sau khi được định bệnh thì Bác sĩ Steinman vẫn tiếp tục được điều trị bằng những phương pháp cổ điển như giải phẫu và quang tuyến trị liệu trong khi cố gắng cải tiến phương pháp do ông tìm ra nhưng vì bệnh đã tiến triển sang thời kỳ thứ 4 nên ông đã sống thêm được 5 năm thay vì chỉ có 1 năm như các trường hợp khác.

Trong khi chờ đợi các khảo cứu mới thì hiện nay việc điều trị ung thư tụy tạng chủ yếu là giải phẫu cắt bỏ bướu ung thư và một phần ruột non và bao tử gọi là Whipple operation sau khi bệnh được tìm ra. Một số người sau khi được giải phẫu thì được dùng thêm quang tuyến trị liệu và hóa học trị liệu nên có thể sống thêm được vài năm.

Điều quan trọng nhất vẫn là phải làm sao tìm ra bệnh trước khi đã lan đi nơi khác ví dụ như trường hợp của quan tòa Ruth Ginsberg nên đã cắt bỏ được toàn bộ u bướu nên bà đã thoát chết.

Ung thư tụy tạng nguy hiểm ở chỗ là tuyến tụy nằm sâu trong bụng nên khi bệnh khởi phát thường không có triệu chứng gì hoặc không rõ rệt như đau bụng âm ỉ, đau lưng, mệt mỏi, sụt ký hoặc vàng da khiến người bệnh coi thường không chịu được khám kỹ hơn hoặc làm những xét nghiệm chính xác hơn như làm CT scan, MRI, siêu âm.

Khi bướu ung thư đã lan rộng sang lá gan thì tỷ lệ tử vong rất cao như trường hợp của Steve Jobs. Một số nhân vật nổi tiếng như tài tử Patrick Swaze, Michael Landon hoặc như ca sĩ tài danh Luciano Pavarotti đã từ trần về căn bệnh này.

Nguyên nhân và phòng ngừa

Vì là một chứng ung thư nguy hiểm nhất nên Y học Mỹ đã có rất nhiều cố gắng trong việc tìm hiểu nguyên nhân gây bệnh để rồi tìm ra cách phòng ngừa. Thứ nhất là hút thuốc lá vì khoảng 30% những ung thư tụy tạng do hút thuốc gây ra. Một thống kê của Đại học UCLA cho biết là những người hút thuốc thì có nguy cơ bị bệnh gấp 6 lần những người không hút thuốc. Đại Học Thomas Jefferson đã tìm ra một hóa chất trong khói thuốc làm cho bướu ung thư lan ra mau hơn. Những người vừa hút thuốc và uống rượu thì còn dễ mắc bệnh nhiều hơn nữa. Tình trạng mập phì (obesity) cũng dễ gây ra ung thư nhất là ở nữ giới vì nguy cơ tăng 25%.

Vì là một chứng ung thư bộ tiêu hóa nên có nhiều khảo cứu về liên hệ giữa ung thư tụy tạng và lối ẩm thực của những sắc dân khác nhau trên thế giới. Các kết quả sơ khởi đều khuyến cáo nên ăn nhiều loại rau cỏ nhóm crucifers như bắp cải, su hào, rau xanh, cà rốt vì trong các loại rau này có rất

nhieu hóa chất chống lại các tế bào ung thư. Một khảo cứu của Hội Ung Thư cho biết là những người dùng nhiều rau xanh thì nguy cơ bị ung thư đường ruột và tụy tạng giảm 55% so với những người ít ăn rau xanh.

Vai trò của chất xơ (fiber) rất quan trọng vì một khảo cứu của báo Journal of Epidemiology cho biết là dùng thêm chất xơ dưới hình thức ngũ cốc, lúa mạch, chất cám bran thì nguy cơ bị ung thư tụy tạng giảm 48%. Nên tránh uống nước ngọt (sugary drinks) vì một khảo cứu của Đại học Georgetown cho biết là những người uống 2 hộp nước ngọt mỗi ngày thì nguy cơ bị ung thư tụy tạng tăng gấp đôi bình thường.

Một khảo cứu của Đại Học Y khoa Hawall và một số Đại học khác xác nhận vai trò nguy hiểm của những loại thịt được chế biến (processed meats) như hotdog, thịt đóng hộp, sausage, thịt bò gây ra ung thư đường ruột và tụy tạng hơn 50% so với những người ít ăn thịt. Có thể những chất mỡ trong thịt bò hay các hóa chất bảo quản nitrites làm thay đổi các DNA trong các tế bào tiêu hóa rồi dẫn đến ung thư. Một vài loại hóa chất lên men có trong các loại thực phẩm như tương, chao, mắm ruốc, mắm tôm cũng gây ra nhiều chứng ung thư đường ruột và tụy tạng.

Gần đây có một vài khảo cứu về vai trò của một số gia vị có khả năng chống lại ung thư. Một khảo cứu của trung tâm trị ung thư nổi tiếng MD Anderson cho thấy là chất curcumin trong củ nghệ (turmeric) hay được người Ấn Độ dùng làm cà ri và có khả năng tiêu diệt những tế bào ung thư tụy tạng trong loài chuột và hiện nay đang có những khảo cứu trên loài người.

Một khảo cứu khác kết hợp củ nghệ với loại mỡ cá fish oil làm giảm mức tăng trưởng các tế bào ung thư tới 70%. Bác sĩ Robert Wascher chuyên viên về ung thư khuyến cáo là nên dùng những loại thực phẩm và gia vị kể trên vì hoàn toàn không có hại và có thể giúp tránh một số ung thư nguy hiểm. Chất curcumin trong củ nghệ còn giúp chống lại bệnh Alzheimer và một số bệnh tim mạch khác và hiện nay đang có nhiều khảo cứu về công dụng của loại gia vị này.

Hiện nay đang có nhiều khảo cứu về những phương pháp mới nhất trong việc điều trị bệnh ung thư tụy tạng nhưng quan trọng nhất vẫn là phòng bệnh hoặc như trường hợp của Steve Jobs thì nên tin cậy vào những phương pháp điều trị đã được chứng minh tại những trung tâm y khoa nổi tiếng nhất vì ít có mấy ai được may mắn như quan tòa Ruth Ginsberg tìm ra được bệnh khi còn chưa lan đi nơi khác. ●

Luật Dân Sự Quy Định Trách Nhiệm Bồi Thường Ngoài Hợp Đồng



Câu hỏi: Nhà kế bên thi công xây dựng nhà cao tầng, làm nhà của gia đình con bị sập hoàn toàn. Vậy chủ đầu tư hay công ty thi công là người phải bồi thường và bồi thường các khoản tiền nào? Mong luật sư hoan hỉ giúp đỡ bảo vệ quyền lợi cho gia đình tôi sớm ổn định.

Tăng sinh T. Từ Tâm – Chùa Đồng Nai

LS Lâm Thị Mai: Trường hợp của gia đình Tăng sinh sẽ được trả lời ngay, bởi hiện nay có rất nhiều câu hỏi cũng tương tự cần được trả lời cho các độc giả quan tâm trăn trở về quyền lợi đảm bảo theo Luật. Trong tình hình xây dựng đô thị hóa, hiện đại hóa khu phố đô thị, khu chung cư cao cấp, và khu chung cư dân cư. Do đó, khi xảy ra sự cố bị thiệt hại, đã làm cho nhiều người lo ngại bị thiệt hại về quyền lợi giữa các bên, gặp rủi ro trong quá trình thi công, công trình xây dựng. Nên trường hợp bồi thường thiệt hại cho nhà cửa do công trình xây dựng khác gây ra, được quy định trong Bộ luật dân sự. Việc bồi thường thiệt hại được quy định tại Chương XXI Bộ luật dân sự (BLDS) và Nghị quyết số 06/2006/NQ-HĐTP ngày 8/7/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án Nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của Bộ luật dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng trong một số trường hợp, bồi thường thiệt hại do nhà cửa công trình xây dựng khác gây ra.

Theo quy định tại Điều 627 BLDS thì những người sau đây có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về tài sản, tính mạng, sức khỏe do công trình xây dựng gây ra: chủ sở hữu; người được chủ sở hữu giao quản lý, sử dụng nhà cửa, công trình xây dựng khác phải bồi thường thiệt hại, nếu để nhà cửa, công trình xây dựng khác đó bị sập đổ, hư hỏng, sụt lún gây thiệt hại cho người khác; trừ trường hợp thiệt hại xảy ra hoàn toàn do lỗi của người bị thiệt hại hoặc do sự kiện bất khả kháng.

Về nguyên tắc bồi thường thiệt hại, Điều 605 BLDS quy định: Thiệt hại phải được bồi thường toàn bộ và kịp thời. Các bên có thể thỏa thuận về mức bồi thường, hình thức bồi thường bằng tiền, bằng hiện vật hoặc thực hiện một công việc, phương thức bồi thường một lần hoặc nhiều lần, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Người gây thiệt hại có thể được giảm mức bồi thường, nếu do lỗi vô ý mà gây thiệt hại quá lớn so với khả

năng kinh tế trước mắt và lâu dài của mình.

Như vậy, trong trường hợp của gia đình tăng sinh, nếu phía gia đình tăng sinh hoàn toàn không có lỗi gì dẫn đến việc công trình xây dựng bên cạnh bị sập đổ thì người có trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong trường hợp này có thể là chủ sở hữu công trình xây dựng, hoặc phía Công ty chịu trách nhiệm thi công xây dựng công trình, tùy thuộc vào việc lỗi gây ra thiệt hại thuộc về bên nào thì bên đó phải bồi thường.

Nghị quyết số 06/2006/NQ-HĐTP quy định việc bồi thường thiệt hại trong một số trường hợp cụ thể như sau:

a) Trường hợp xảy ra thiệt hại về tài sản, người có trách nhiệm bồi thường thiệt hại phải bồi thường các khoản sau:

- Tài sản bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng
- Lợi ích gắn liền với việc sử dụng, khai thác tài sản
- Chi phí hợp lý để ngăn chặn, hạn chế và khắc phục thiệt hại.

b) Trường hợp xảy ra thiệt hại về tính mạng, người có trách nhiệm bồi thường thiệt hại phải bồi thường các khoản sau:

- Chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, chăm sóc người bị thiệt hại trước khi chết.
- Chi phí hợp lý cho việc mai táng bao gồm: các khoản tiền mua quan tài, các vật dụng cần thiết cho việc khâm liệm, khăn tang, hương, nến, hoa, thuê xe tang và các khoản chi khác phục vụ cho việc chôn cất hoặc hỏa táng nạn nhân theo thông lệ chung.
- Khoản tiền cấp dưỡng cho những người mà người bị thiệt hại có nghĩa vụ cấp dưỡng trước khi chết.
- Khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần do tính mạng bị xâm phạm (còn tiếp). ●

ẤN ĐỘ

Chính thức khai mạc hội nghị Phật giáo toàn cầu-2011

Theo GNO



Lạt Ma Gaden Tripa Rizong Setrul Rinpiche đời thứ 102, chủ tịch tổ chức Hội nghị Phật giáo toàn cầu phát biểu khai mạc

Sáng ngày 27 tháng 11 năm 2011 Đại hội Phật giáo toàn cầu đã chính thức khai mạc vào lúc 9 giờ 30 phút giờ địa phương tại khách sạn Asoka, New Delhi - Ấn Độ. Đến tham dự hội nghị có gần 40 Quốc gia và vùng lãnh thổ với hơn 800 đại biểu Phật giáo khắp nơi trên thế giới.

Lễ khai mạc được bắt đầu với lễ đốt đèn truyền thống và tụng kinh cầu nguyện. Buổi tụng kinh theo truyền thống Pāli do các vị sư Sri Lanka chủ trì và các vị sư Tây Tạng tụng kinh theo truyền thống Sanskrit.

Sau phần tụng kinh cầu nguyện là bài phát biểu của đức Lạt Ma Gaden Tripa Rizong Setrul Rinpiche đời thứ 102, Chủ tịch Tổ chức Hội nghị Phật giáo toàn cầu. Ngài tỏ lòng vui mừng vì được đón tiếp các vị Tăng thống, các vị Chủ tịch và Trưởng đoàn Phật giáo các nước Phật giáo khắp nơi trên thế giới như Thái Lan, Sri Lanka, Singapore, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Đài Loan, Việt Nam, Lào, Campuchia, Nga, Mông Cổ, Bhutan, Malaixia, Indonexia... đã đến tham dự hội nghị lâm và tham dự Hội nghị Phật giáo toàn cầu và xúc tiến thành lập Liên minh Phật giáo Thế giới. Ngài mong rằng, dưới ánh sáng trí tuệ của đức Phật, trên mảnh đất nơi đức Phật ra đời này, các đại biểu sẽ đóng góp trí tuệ của mình trong các đề tài thảo luận để góp phần làm cho thế giới ngày càng tốt đẹp hơn, giảm thiểu những bất cập trong đời sống xã hội hiện nay.

Tiếp theo là các bài phát biểu chào mừng như thông điệp gửi đến hội nghị của các lãnh đạo Tôn giáo tham dự, và cuối cùng là lời cảm ơn các đại biểu của vị Tổng Thư ký Hội Phật giáo Asoka Mission - Lạt Ma Lobzang, đơn vị tổ chức hội nghị lần này.

Hôm nay ngày thứ 2 (ngày 28 tháng 11 năm 2011) Hội nghị tổ chức hội thảo nhóm, đoàn Phật giáo Việt Nam có 3 Speaker là: TT. Thích Tâm Đức, TT. Thích Nhật Từ và ĐĐ. Thích Quang Thạnh tham gia hội thảo. ●



Quang cảnh hội nghị



HT. Thích Thiện Tâm đọc thông điệp của đức Pháp chủ GHPGVN gửi đến hội nghị



Đoàn PGVN chụp ảnh lưu niệm sau lễ khai mạc

CAMPUCHIA

Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng thăm vua sư Tép Vông và vua sư Bukri



Vua sư Tép-vông vui mừng đón Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng và Đoàn đại biểu cấp cao Việt Nam đến thăm

Tiếp tục chuyến thăm hữu nghị cấp Nhà nước Vương quốc Campuchia theo lời mời của Quốc vương Sihamoni, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng và đoàn Cấp cao Việt Nam đã thăm Vua sư Tép Vông và Vua sư Bukri.

Thăm Vua sư Tép Vông tại chùa Ulanom và Vua sư Burki tại chùa Botum, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng và Đoàn đều nhận được những tình cảm tốt đẹp. Các Vua sư cho biết, nhân dân Campuchia luôn biết ơn sự giúp đỡ to lớn, chí tình mà Việt Nam đã giành cho Campuchia trước đây và ngày nay.

Với mong muốn chúc phúc cho những vị khách quý, các Vua sư đã làm lễ cầu chúc sức khỏe, an khang, thịnh vượng cho Tổng Bí thư và các thành viên trong Đoàn; cầu chúc cho tình hữu nghị, đoàn kết anh em Campuchia - Việt Nam tiếp tục phát triển, đơm hoa kết trái.

Tổng Bí thư bày tỏ cảm kích trước sự quan tâm của nhân dân Campuchia trong đó có các giới chức Phật giáo; thông báo kết quả chuyến thăm với các vị Vua sư, ấn tượng về những đổi thay của đất nước chùa tháp.

Tổng Bí thư cũng đánh giá cao những hoạt động của Phật giáo Campuchia, đóng góp tích cực vào sự phát triển thịnh vượng của đất nước và khu vực. Tổng Bí thư cho biết, ở Việt Nam Phật giáo ngày càng phát triển và cùng với các Tôn giáo khác luôn đồng hành cùng dân

Nguyễn Anh

tộc, lấy phương châm là sống tốt đời đẹp đạo. Tổng Bí thư chúc các giới chức Phật giáo Campuchia và cá nhân các vị Vua sư mạnh khỏe, trường thọ, tiếp tục có những đóng góp cho tình hữu nghị đoàn kết giữa hai nước Việt Nam và Campuchia.●

XÂY CẦU CHO BÀ CON NGHÈO

Ngày 6 tháng 12 năm 2011, Hòa thượng Thiện Tâm tham dự lễ vận động xây dựng cầu cho xã Khánh Tiên huyện U Minh tỉnh Cà mau. Kinh phí xây dựng cầu trị giá 120 triệu đồng do HT Vận động.



Hòa thượng Thiện Tâm viếng thăm Ngài Tăng thống Campuchia Tép Vông

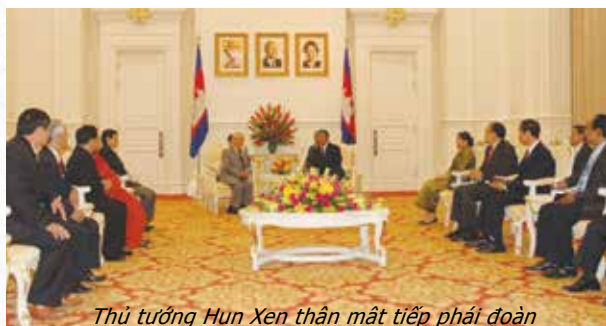
PV. PGNT

Nhân chuyến viếng thăm hữu nghị và làm việc cùng phái đoàn Trung ương Hội Hữu nghị Việt Nam - Campuchia tại Campuchia do ông Vũ Mão, Chủ tịch Trung ương Hội làm Trưởng đoàn từ ngày 20-26/11/2011, vào chiều 22/11/2011, HT. Thích Thiện Tâm Ủy viên Thường trực HĐTS-GHPGVN, Phó Chủ tịch hội Hữu nghị Việt Nam - Campuchia đã đến thăm, vấn an sức khỏe ngài Tăng Thống Tép Vông tại chùa Unaloma và ngài Phó Tăng Thống Non Nghet tại chùa Ptum, cùng đến viếng có ngài Van Phol, Phó Chủ tịch hội Hữu nghị Campuchia - Việt Nam, cựu đại sứ vương quốc Campuchia tại Việt Nam.

Được biết, năm 1979 HT. Thiện tâm và HT Siêu Việt là thầy yết ma của HT Tăng thống Campuchi Tép Vông trong giới đàn phục hồi giới phẩm 7 vị cao Tăng sau nạn diệt chủng Pôn Pốt, HT. Giới Nghiêm là thầy tế độ trong giới đàn này.



HT Thiện Tâm tặng quà đến ngài Tăng Thống Tép Vông



Thủ tướng Hun Xen thân mật tiếp phái đoàn



HT Thiện Tâm và ngài Phó Tăng Thống Non Nghet hàn huyên



Ngài Tăng thống Tép Vông dâng quà đến HT Thiện Tâm



HT Thiện Tâm cùng phái đoàn đến viếng thủ tướng Hun Xen

Sóc Trăng Trường Bồ tát Pali gặp mặt nhân 20/11

Khemring

Ngày 19/11 vừa qua, Trường Bồ tát Văn hóa (BTVH) Pāli Trung cấp Nam bộ tổ chức họp mặt nhân ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11.

Đến dự có Hòa thượng Dương Nhon - Phó Pháp chủ Hội đồng Chứng minh Giáo hội Phật giáo Việt Nam; ông Phạm Văn Thới, Vụ trưởng Vụ địa phương III (Ủy ban Dân tộc phía Nam); ông Lâm Ren, Phó Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy; ông Thạch Tịnh, nguyên Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc Quốc hội, Hiệu trưởng nhà trường, cùng với đại diện các ban, ngành, đoàn thể trong tỉnh.

Trong không khí ấm áp của buổi họp mặt, ông Thạch Tịnh - Hiệu trưởng nhà trường ôn lại truyền thống ngày Nhà giáo Việt Nam 20-11; qua đó, nhắc nhở thầy cô, các tầng sinh của trường phải nỗ lực phấn đấu hơn nữa để trở thành những tấm gương sáng trong phong trào thi đua "Dạy tốt - học tốt".

Trường BTVH Pāli Trung cấp Nam bộ, là cơ sở giảng dạy dành riêng cho các vị sư tu ở chùa Khmer trong khu vực ĐBSCL theo học từ lớp 6 đến lớp 12.

Ngoài các môn học theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trường còn dạy môn Ngữ văn Khmer và Pāli (trình độ trung cấp).

Từ khi thành lập tới nay, nhà trường đã đào tạo được 15 khóa, với 374 tầng sinh tốt nghiệp ra trường, đáp ứng nhu cầu cán bộ Khmer phục vụ tại các địa phương.

Trong số đó có 36 vị làm giáo viên giảng dạy các cấp trong tỉnh; 69 vị công tác ở các cơ quan, ban ngành, 10 vị đi du học nước ngoài và 30 vị đang theo học ở các trường cao đẳng, đại học trong và ngoài tỉnh.

Phát biểu tại buổi họp mặt, ông Phạm Văn Thới đã biểu dương những thành tích xuất sắc của trường BTVH Pāli Trung cấp Nam bộ trong thời gian qua đã đóng góp rất lớn trong việc nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài cho quê hương, đất nước.

Nhân dịp này, ông Phạm Văn Thới thay mặt lãnh đạo Vụ địa phương III, trao tặng hoa tươi thắm và chúc toàn thể quý thầy cô, các vị tầng sinh đạt nhiều thành tích trong năm học tới. ●



Quang cảnh buổi lễ



Hòa thượng Dương Nhon thay mặt nhà trường nhận tặng hoa do ông Phạm Văn Thới tặng



Hòa thượng Dương Nhon nhận quà lưu niệm từ ông Lâm Ren, Phó Trưởng ban tổ chức Tỉnh ủy

Chùa Vĩnh Nghiêm

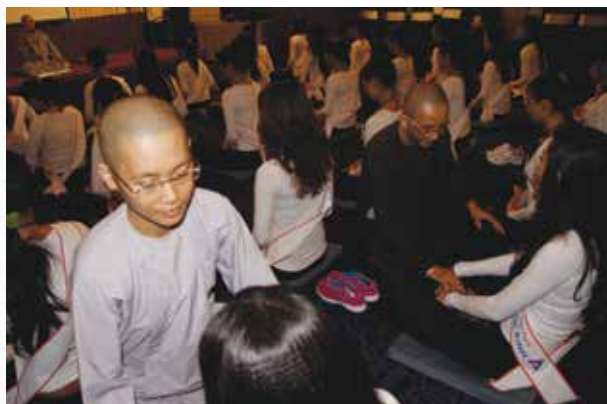
tổ chức thiền tập cho 65 thí sinh của cuộc thi Hoa hậu các dân tộc Việt Nam

tin: **PV. PGNT**
ảnh: **Hòa Hiệp**

Vào lúc 6 giờ 00, ngày 29 tháng 11 năm 2011, tại chùa Vĩnh Nghiêm tọa lạc số 339 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Phường 7 - Quận 3 - Thành Phố Hồ Chí Minh đã diễn ra buổi thiền tập dành cho 65 thí sinh cuộc thi Hoa hậu các dân tộc Việt Nam. Được biết 65 thí sinh tham dự buổi thiền tập trong niềm hân hoan và an lạc dưới sự hướng dẫn của sư cô Hương Nhũ về vấn đề cơ bản của thiền tập. Tiêu chí để chọn ra một hoa hậu, người đại diện cho phái đẹp của đất nước không phải chỉ có hình thức mà còn phải có nét đẹp tự tâm, phải là một bông hoa đầy hương – sắc, đây là dịp mà các thí sinh được trau dồi và rèn luyện mình bằng phương pháp thiền tập và hương đức hạnh tự tâm ấy sẽ mãi bay xa như đóa hoa sen mãi nở trong lòng người con Việt.



Sư cô Hương Nhũ chụp hình lưu niệm cùng các thí sinh



Các sư cô chỉ cách ngồi thiền cho thí sinh



Cầu nguyện



Tham thiền



Chụp hình cùng chuyên gia thiền Yoga Ấn Độ

Hội nghị thường niên Phân ban Đặc trách Ni giới Trung Ương

tin: **PV. PGNT**
ảnh: **Hòa Hiệp**

Vào ngày 21-11-2011 tại chùa Đường Chân Tuệ Uyển (Long Thành, Đồng Nai) đã diễn ra hội nghị thường niên Phân ban Đặc trách Ni giới Trung ương (PBĐTNG T.Ư) về tham dự và chứng minh có Chư tôn đức giáo phẩm Ni PBĐTNG T.Ư, Thường trực PBĐTNG T.Ư: Ni trưởng Thích Nữ (NT.TN) Giác Ngọc, NT.TN Tràn Liên, NT.TN Chơn Hiền, NT.TN Tịnh Hạnh, NT.TN Tịnh Nguyên, NT.TN Tịnh Thường, NT.TN Huệ Hương... cùng đại diện hơn 30 PBĐTNG tỉnh thành.

Hội nghị đã diễn ra hết sức tốt đẹp, mặc dù mới thành lập PBĐTNG, các hoạt động Phật sự còn hạn chế và mới mẻ nhưng nhờ sự chỉ đạo của các cấp Giáo hội và sự đồng tâm hiệp lực của Ni giới, sự ủng hộ của Phật tử nên PBĐTNG T.Ư và các tỉnh thành dần ổn định và có những thành tựu. Ni sư TN.Huệ Từ, Chánh Thư ký PBĐTNG T.Ư đã báo cáo công tác Phật sự và những thành tựu trong năm 2011. Đặc biệt, nhờ trên dưới một lòng, đoàn kết, sự kết nối giữa các PBĐTNG tỉnh, thành và PBĐTNG T.Ư, nhiều hoạt động của các tiểu ban chuyên trách: Tăng sự, giáo dục, hoằng pháp, đối ngoại, từ thiện xã hội, văn hóa, tài chánh,... có những thành tựu nhất định trong công cuộc hoằng pháp và những cống hiến to lớn trong sự nghiệp Đạo pháp – Dân tộc – Chủ nghĩa Xã hội. ●



Trì tụng Đại tạng kinh bằng tiếng Pāli (Tipitaka) quốc tế tại Bồ Đề Đạo Tràng - Ấn Độ

Định Phúc

Ngày 02 tháng 12 năm 2011, chương trình tụng kinh Tipitaka quốc tế do Tăng già nước Lào và Bangladesh đồng tổ chức, dưới sự bảo trợ của tổ chức Ánh sáng Phật pháp quốc tế đã khai mạc vào lúc 13 giờ 30 phút tại cội Bồ đề thiêng liêng – Bồ Đề Đạo Tràng, Ấn Độ.

Chương trình trì tụng kinh Tipitaka bắt đầu từ ngày 03 đến ngày 12 tháng 12; mỗi ngày tụng kinh 4 thời sáng chiều, mỗi thời kéo dài 2 tiếng đồng hồ, buổi tối có thời giảng pháp cũng diễn ra dưới cội Bồ đề. Chương trình trì tụng kinh Tipitaka quốc tế năm nay là lần thứ 7, gồm có các quốc gia tham dự như sau: Lào, Thái Lan, Miến Điện, Campuchia, Nepal, India, Sri Lanka, Bangladesh, Việt Nam và các nước khác, với hơn 1200 Tăng, Ni và hơn 2000 Phật tử tham dự. Được biết, cứ mỗi hai năm, các nước luân phiên đăng cai tổ chức. Từ năm 2006 do Hội Maha Bodhi, Ấn Độ tổ chức lần đầu tiên; sau đó là Thái Lan; Lào và Bangladesh; và dự kiến năm 2012 và 2013 Miến Điện đăng cai. Đoàn Việt Nam hơn 50 người bao gồm Tăng, Ni đang du học tại Ấn Độ và Phật tử từ các nơi trên thế giới. Đại diện cho Phật giáo Nam tông Việt Nam có Thượng tọa Giác Giới - Giảng viên HVPGVN tại TP. HCM, Phó ban Hoằng pháp Tỉnh hội Phật giáo tỉnh Vĩnh Long, cùng với Đại đức Huệ Tiến - Đại đức Tuệ Đức Tăng chúng chùa Siêu Lý - Vĩnh Long. ●



Lễ Tưởng Niệm Lần Thứ 18 Đại Lão HÒA THƯỢNG THÍCH ĐỨC NHUẬN

- **Đệ nhất Pháp chủ GHPGVN**
- **Hiệp kỵ Chư tôn Giáo phẩm Thành viên HĐCM**
- **Chư tôn đức Trưởng lão các Tổ chức, Hệ phái Phật giáo**

Vào lúc 8 giờ ngày 05 tháng 12 năm 2011 (11/11/Tân Mão), tại Văn phòng 2 Trung ương Giáo hội Phật giáo – Thiền viện Quảng Đức, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh, Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam trọng thể tổ chức Lễ tưởng niệm lần thứ 18 Đại lão HT. Thích Đức Nhuận – Đệ nhất Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam; hiệp kỵ chư Tôn giáo phẩm thành viên HĐCM GHPGVN, chư Tôn đức Trưởng lão các tổ chức, hệ phái Phật giáo Việt Nam.

Buổi lễ dưới sự tham dự của HT. Thích Hiền Tu, HT. Thích Viên Giác – Thành viên HĐCM GHPGVN; HT. Thích Thiện Nhơn – Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký HĐTS; HT. Thích Trí Quảng – Phó Chủ tịch HĐTS, Trưởng Ban Phật giáo Quốc tế TW, Trưởng Ban Trị sự Phật giáo Tp. Hồ Chí Minh; HT. Thích Thiện Pháp – Phó Tổng Thư ký kiêm Chánh Văn phòng 2 TWGH; chư Tôn giáo phẩm HĐTS, các Ban, Viện Trung ương, Ban Trị sự Phật giáo Tp. Hồ Chí Minh, 24 Ban Đại diện Phật giáo quận, huyện và hàng ngàn Tăng Ni, Phật tử tham dự.

Buổi lễ hân hạnh đón tiếp ông Trần Trung Tính – Phó Chủ tịch UBMTTQVN Tp. Hồ Chí Minh; bà Lưu Thị Đính – Chủ tịch UBMTTQVN quận 3; quý ông, bà đại diện các Sở, ngành Tp. Hồ Chí Minh, quận 3 và phường 8 sở tại.

Trong buổi lễ, Hòa thượng Thích Thiện Nhơn – Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký HĐTS GHPGVN cung tuyên Tiểu sử Đại lão Hòa thượng Thích Đức Nhuận – Đệ nhất Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam; Hòa thượng Thích Trí Quảng thay mặt Hội đồng Chứng minh, Hội đồng Trị sự, Tăng Ni, Phật tử Giáo hội Phật giáo Việt Nam dâng lời tưởng niệm Giác linh Đại lão Hòa thượng Đệ nhất Pháp chủ GHPGVN; Chư tôn thiền đức Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức Tăng ni khai kinh tưởng niệm; Hòa thượng Thích Thiện Pháp Phó thư ký kiêm Chánh văn phòng 2 cảm tạ. Buổi lễ kết thúc trong niềm hoan hỷ chung của đại chúng. ●



HT. Thích Trí Quảng dâng lời tưởng niệm



Thắp hương tưởng niệm



Quang cảnh Lễ tưởng niệm

Lễ khánh thành chùa Vân Sơn (Núi Một) huyện Côn Đảo tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

Vào lúc 17 giờ, ngày 3 tháng 12 năm 2011, Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Ban trị sự Phật giáo tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, trọng thể tổ chức lễ khánh thành chùa Vân Sơn (Núi Một) tại huyện Côn Đảo.

Đến chứng minh và tham dự có HT. Thích Thanh Sam – Phó Pháp chủ Hội Đồng chứng minh Giáo Hội Phật giáo Việt Nam (HĐCM GHPGVN); HT. Thích Đức Nghiệp – Phó Thư ký HĐCM GHPGVN; HT. Thích Thiện Nhơn – Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký Hội đồng trị sự (HĐTS) GHPGVN; Chư tôn giáo phẩm HĐCM, HĐTS GHPGVN, Chư tôn đức Tăng – Ni Ban trị sự các tỉnh, thành hội Phật giáo trong cả nước và hàng trăm Tăng Ni, Phật tử cùng các nhà tài trợ tham dự.

Về phía Phật giáo Nam tông có Hòa thượng Thiện Tâm – UVTT HĐTS, HT. Danh Dĩnh – Phó ban Trị sự Phật giáo tỉnh Kiên Giang, TT. Bửu Chánh – Phó Viện trưởng HVPGVN tại TP. HCM, ĐĐ Quách Thành Sattha – UVĐK HĐTS và 5 vị Thượng tọa Phật giáo Khmer cùng tham dự

Được biết, Vân Sơn tự hay chùa Núi Một, do danh Tăng Tổ đình Vĩnh Nghiêm – Tp. Hồ Chí Minh sáng lập năm 1964 để đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng tâm linh cho dân chúng địa phương, cũng như có nơi nương tựa cho anh linh những người đã khuất, của bao anh linh chiến sĩ cách mạng, tù nhân và đồng bào hy sinh vì chính nghĩa và tử nạn vì thiên tai hoạn nạn, nhất là của bao nhiêu người đã ngã xuống cho sự độc lập tự do của Tổ quốc và hoà bình thống nhất đất nước Việt Nam thân yêu, trên đảo Côn Sơn xa vắng, muôn trùng non nước.

Như chúng ta biết, ngay tại huyện đảo thân yêu này, đã có hàng vạn người yêu nước và các chiến sĩ cách mạng bị giam cầm, tra tấn một cách dã man và rất nhiều người đã vĩnh viễn nằm xuống cho Tổ quốc hôm nay được trường tồn, dân tộc độc lập. Trước sự đau khổ tốt cùng về thể xác và tâm hồn của những người tù chính trị, với lòng từ bi chan hòa cùng pháp giới, đồng cảm với những nỗi đau nhân thế, Chư Tôn đức Phật giáo Việt Nam bấy giờ đã xây dựng ngôi chùa Vân Sơn trên Núi Một, với một hy vọng duy nhất là thông qua tiếng chuông, lời kinh tiếng kệ sẽ an ủi phần nào về mặt tinh thần cho các anh em tù chính trị cũng như cầu siêu độ cho những hương linh các chiến sĩ cách mạng đã anh dũng hy sinh trong lúc bị giam cầm tra tấn.



Chư Tôn giáo phẩm chứng minh



Chư tôn giáo phẩm cắt băng khánh thành

Côn Sơn được xem là cái nôi cách mạng, là bàn thờ Tổ quốc Việt Nam, nơi mọi người phải hướng về kính trọng và tỏ lòng tri ân, báo ân theo quan niệm của Đạo Phật, cũng như Dân tộc Việt Nam. Từ sự tỏ lòng kính trọng, trân quý, tri ân, báo ân, nhằm làm cầu nối giữa quá khứ, hiện tại và tương lai để giáo dục thế hệ hôm nay và mai sau, nhất là phát huy truyền thống văn hóa, uống nước nhớ nguồn của dân tộc Việt Nam, Phật giáo Việt Nam.

Theo dòng thời gian, chùa Vân Sơn – Núi Một đã bị hư hỏng hoàn toàn, trước nhu cầu tín ngưỡng tâm linh của các cư dân huyện Đảo, nhất là để ấm lòng những anh linh anh hùng liệt sĩ đã hy sinh vì tổ quốc, cũng như có nơi nương tựa cho anh linh những người đã khuất, được sự cho phép của Bộ Văn hóa, Thể thao, Du lịch và Sở Văn hóa, Thể thao, Du lịch, Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu và huyện Côn Đảo, sự phát tâm tài trợ của Báo Công an Nhân dân, Quỹ Thiện Tâm, Công ty Cổ phần Vincom, Viện Khoa học Công nghệ Viễn Thông... sau gần một năm thi công trùng tu, tôn tạo chùa Vân Sơn – Núi Một đã hoàn thành viên mãn, trang nghiêm, tổ hảo, xứng đáng là cơ sở Tự viện của Giáo hội Phật giáo Việt Nam tại địa phương. Đây cũng chính là một trong những công trình văn hóa tâm linh chào mừng 30 năm thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam, khẳng định Giáo hội Phật giáo Việt Nam luôn đồng hành cùng dân tộc trong quá trình dựng nước, giữ nước và xây dựng đất nước. ●

Trao tặng 2 căn nhà tình thương tại Long An

Vũ Giang

Ngày 19-11, TT. Danh Lung - trụ trì chùa Chandaramsay (quận 3, TP. HCM) cùng các nhà hảo tâm, mạnh thường quân đã trao tặng 2 căn nhà tình thương tại Long An.

Tổng kinh phí xây dựng 2 căn nhà trị giá 40 triệu đồng được tặng cho các hộ có hoàn cảnh khó khăn đang phải chịu ảnh hưởng của lũ lụt tại ấp Cây Xoài, xã Tân Lập, huyện Tân Thạnh.

Dịp này, đoàn cũng tặng 120 phần quà cho người dân địa phương đang sống trong vùng lũ, gặp nhiều khó khăn với mỗi phần quà trị giá 250 ngàn đồng. Tổng trị giá chương trình là 70 triệu đồng.



TT. Danh Lung trao quyết định tặng nhà tình thương cho người nghèo Long An.

Lễ Tưởng Niệm Lần Thứ 29 Cố Đại Lão Hòa Thượng Ấn Lâm

PV. PGNT

Sáng ngày 30 - 11 - 2011 (06-11 năm Tân Mão), tại chùa Kỳ Viên tọa lạc số 610, Nguyễn Đình Chiểu, Phường 3, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh đã long trọng cử hành Lễ tưởng niệm lần thứ 29 cố đại lão Hòa thượng Ấn Lâm, Nguyên Tăng thống Giáo hội Tăng già Nguyên thủy Việt Nam, Nguyên Phó pháp

chủ Hội đồng chứng minh Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam trụ trì chùa Kỳ Viên. Đến tham dự và chứng minh buổi lễ có Thượng tọa (TT) Thiện Nhân, Phó ban Đại diện Phật giáo Quận 9, TT. Tăng Định Ủy viên ban Nghi lễ Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, ĐĐ. Thiện Minh Ủy viên Hội đồng Trị sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Phó Tổng Biên tập Tạp chí Phật giáo Nguyên thủy, ĐĐ. Chánh Định Giảng sư Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP. HCM, ĐĐ. Tuệ Quyền, Ủy viên Ban Trị sự Phật giáo tỉnh Đồng Nai cùng chư Tăng - Ni trụ trì và đại diện các chùa thuộc hệ phái Phật giáo Nguyên thủy Việt Nam cùng hơn 100 Phật tử và môn đồ pháp quyến tham dự.

Được biết buổi lễ diễn ra trong không khí hết sức trang nghiêm và đạo vị, sau phần lễ bái Tam bảo vào lúc 8 giờ là thời giảng pháp do TT. Thiện Nhân thuyết giảng đến môn đồ pháp quyến, TT. Tăng Định ôn lại tiểu sử của cố đại lão Hòa thượng, TT. Thiện Minh truyền quy giới đến môn đồ pháp quyến, TT. Thiện Phúc cùng chư Tăng trụ trì và đại diện các chùa khai kinh tưởng niệm cố Hòa thượng, buổi lễ diễn ra trong không khí đạo vị và niềm hoan hỷ của toàn thể đại chúng. ●



Chư tôn đức Tăng thập hương tưởng niệm

DANH SÁCH ỦNG HỘ TẠP CHÍ PGNT SỐ 15

01	Gđ. Đinh Kiều Oanh	25 quyển
02	Gđ. Mai Xuân Hiên	10 quyển
03	Phật tử Chùa Phổ Minh (TT kỳ 69)	20 quyển
04	Gđ. Ngô Thị Tuyến	10 quyển
05	Gđ. BS Phạm Lê An	50 quyển
06	Gđ. Đặng Đức Tiệp	25 quyển
07	Gđ. Như Minh - Diệu Phát	10 quyển
08	Gđ. Nguyễn Đức - Hiên Minh	50 quyển
09	PT Trần Tấn Sang (PD Trí Quang)	20 quyển
10	Gđ. Đinh Gia Hoàng PD Minh Ngọc	25 quyển
11	PT Trương Nguyễn Thị Kim Ngân - Trương Nguyễn Minh Phước	05 quyển
12	Gđ Trang Minh Hà PD Thiện Thắng	10 quyển
13	PT Nguyễn Hương (Trần Thị Hoan)	10 quyển
14	Sư Giác Khoan - PV Thánh Sơn	50 quyển
15	Lê Thị Thùy Hương	50 quyển
16	Huỳnh Thị Mẫn	50 quyển
17	Gđ Nguyễn Ngọc Anh Thy	10 quyển
18	Gđ. Văng Phi Nga - Hà Thế Hưng	100 quyển
19	Gđ Vi Thị Nữ Hạnh	10 quyển
20	Gđ Trí Thọ	50 quyển
21	Cô bảy Vĩnh Phúc	50 quyển
22	Gđ. Thiện Kiến	10 quyển
23	TN. Quang Ngử (Trần Thị Liên)	05 quyển
24	Bà thân sư Thiện Mẫn	20 quyển

25	Gđ. Lê Thị Chiêm (Viên Lễ)	25 quyển
26	Trần Thị Phết	25 quyển
27	Gđ. Minh Đức	15 quyển
28	Đặng Kiêm Liên	10 quyển
29	Gđ. Nguyễn Thị Yến Linh	10 quyển
30	Gđ. Phạm Hồng Trang	10 quyển
31	Gđ. Lê Thị Kim Chi	05 quyển
32	Gđ. Hiên Khánh (Hoa Huệ)	100 quyển
33	Gđ Mười Trang	10 quyển
34	TN Diệu Liên	03 quyển
35	Cô Thu	10 quyển
36	Gđ Nguyễn Thị Tú Anh	10 quyển
37	TN Quang Hồng	10 quyển
38	Quang Nhiên	10 quyển
39	Chú Hội cô Lài	20 quyển
40	Gđ Minh Phúc - Trúc Như	10 quyển
41	Gđ Thiện Trí - Như Hạnh	10 quyển
42	Gđ Đỗ Đặng	10 quyển
43	Công ty TNHH Đoàn Sơn	25 quyển
44	Ngô Văn Bé	10 quyển
45	Nguyễn Thị Phần	10 quyển

giá: 20.000 đồng